

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

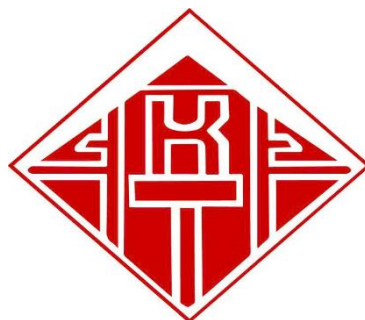
ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ**

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thanh Phương
Sinh viên thực hiện : Hồ Thị Ngọc Như
Lớp : 22KH2
Mã số sinh viên : 2254010086
Khóa học : 2022 – 2026

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ**

Giảng viên hướng dẫn	: ThS. Nguyễn Thị Thanh Phương
Sinh viên thực hiện	: Hồ Thị Ngọc Như
Lớp	: 22KH2
Mã số sinh viên	: 2254010086
Khóa học	: 2022 – 2026

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Hồ Thị Ngọc Như
- Chuyên Ngành: Kế Toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài khóa luận tốt nghiệp: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa”

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp:

Báo cáo tài chính năm 2023, năm 2024, năm 2025

Sổ sách, chứng từ kế toán năm 2025

4. Các bảng biểu:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Bảng cân đối số phát sinh, Bảng tổng hợp số liệu chi tiết,...

5. Cán bộ hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thanh Phương

6. Ngày giao nhiệm vụ làm khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn

ThS. Nguyễn Thị Thanh Phương

MỤC LỤC

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

DANH MỤC VIẾT TẮT

DANH MỤC HÌNH ẢNH

DANH MỤC SƠ ĐỒ

LỜI CẢM ƠN

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3. Phương pháp nghiên cứu đề tài

4. Cấu trúc của đề tài

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH..... 1

1.1. Khái quát về Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ..1

1.1.1. Khái niệm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh..... 1

1.1.2. Mục tiêu và chức năng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 2

1.1.3. Sự cần thiết của việc tổ chức Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh..... 2

1.2. Kế toán doanh thu – thu nhập 3

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 3

1.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ..... 3

1.2.1.2. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 3

1.2.1.3. Chứng từ sử dụng..... 4

1.2.1.4. Tài khoản sử dụng..... 4

1.2.1.5. Phương pháp hạch toán..... 5

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu..... 7

1.2.2.1. Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu 7

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng..... 8

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng..... 8

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán..... 8

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	9
1.2.3.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính.....	9
1.2.3.2. Chứng từ sử dụng.....	9
1.2.3.3. Tài khoản sử dụng.....	10
1.2.3.4. Phương pháp hạch toán.....	11
1.2.4. Kế toán thu nhập khác.....	12
1.2.4.1. Nội dung thu nhập khác	12
1.2.4.2. Chứng từ sử dụng.....	12
1.2.4.3. Tài khoản sử dụng.....	13
1.2.4.4. Phương pháp hạch toán.....	14
1.3. Kế toán chi phí.....	15
1.3.1. Kế toán giá vốn	15
1.3.1.1. Nội dung giá vốn hàng bán.....	15
1.3.1.2. Phương pháp tính giá vốn	15
1.3.1.3. Tài khoản sử dụng.....	17
1.3.1.4. Chứng từ sử dụng.....	18
1.3.1.5. Phương pháp hạch toán.....	18
1.3.2. Kế toán chi phí tài chính.....	19
1.3.2.1. Nội dung chi phí tài chính	19
1.3.2.2. Chứng từ sử dụng.....	19
1.3.2.3. Tài khoản sử dụng.....	19
1.3.2.4. Phương pháp hạch toán.....	21
1.3.3. Kế toán về chi phí quản lý kinh doanh.....	22
1.3.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh	22
1.3.3.2. Chứng từ sử dụng.....	22
1.3.3.3. Tài khoản sử dụng.....	23
1.3.3.4. Phương pháp hạch toán.....	24
1.3.4. Kế toán chi phí khác	26
1.3.4.1. Nội dung về chi phí khác	26
1.3.4.2. Chứng từ sử dụng.....	26
1.3.4.3. Tài khoản sử dụng.....	26
1.3.4.4. Phương pháp hạch toán.....	28

1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	29
1.3.5.1. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	29
1.3.5.2. Chứng từ sử dụng.....	29
1.3.5.3. Tài khoản sử dụng.....	29
1.3.5.4. Phương pháp hạch toán.....	31
1.3.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	31
1.3.6.1. Nội dung về xác định kết quả kinh doanh	31
1.3.6.2. Tài khoản sử dụng.....	32
1.3.6.3. Phương pháp hạch toán.....	33
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ.....	34
2.1. Tổng quan về Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá	34
2.1.1. Giới thiệu khái quát về Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá	34
2.1.1.1. Thông tin khái quát của công ty	34
2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	34
2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh, chức năng và nhiệm vụ của Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá	35
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá	36
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá	38
2.1.5. Chế độ kế toán và chính sách kế toán tại Công ty	39
2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty	40
2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá	42
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá	42
2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu tại Công ty	42
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng.....	43
2.2.1.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng	43
2.2.1.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và quy trình ghi sổ tại Công ty	44

2.2.1.5. Nghiệp vụ minh họa	46
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá	58
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá	58
2.2.3.1. Đặc điểm.....	58
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng.....	58
2.7.3.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng	58
2.2.3.4. Quy trình ghi sổ	58
2.2.4. Kế toán thu nhập khác tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá.....	60
2.2.5. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá	60
2.2.5.1. Đặc điểm giá vốn tại Công ty	60
2.2.5.2. Tài khoản sử dụng.....	61
2.2.5.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng	61
2.7.5.4. Quy trình ghi sổ	61
2.2.6. Kế toán Chi phí tài chính tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá.....	69
2.2.6.1. Nội dung	69
2.2.6.2. Tài khoản sử dụng.....	70
2.2.6.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng sử dụng	70
2.2.6.4. Quy trình hạch toán	70
2.2.7. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá	73
2.2.7.1. Nội dung	73
2.2.7.2. Tài khoản sử dụng.....	74
2.2.7.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng	74
2.2.7.4. Quy trình hạch toán	74
2.2.8. Kế toán chi phí khác tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá.....	80
2.2.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	80
2.2.9.1. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	80

2.2.9.2. Tài khoản sử dụng.....	80
2.2.9.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng	80
2.2.9.4. Quy trình ghi sổ	80
2.2.10. Kế toán xác định kết quả động kinh doanh	88
2.2.10.1. Tài khoản sử dụng.....	88
2.2.10.2. Chứng từ sử dụng.....	88
2.2.10.3. Sổ sách sử dụng	88
2.2.10.4. Quy trình ghi sổ	89
2.3. Quy trình kiểm tra, đối chiếu số liệu tại Công ty	91
2.3.1. Đối chiếu Doanh thu.....	91
2.3.2. Đối chiếu chi phí.....	92
2.3.3. Đối chiếu các tài khoản liên quan	93
2.3.4. Kiểm tra bút toán kết chuyển cuối kỳ	94
2.3.5. Đối chiếu giữa Báo cáo kết quả kinh doanh và Bảng cân đối kế toán	94
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ	97
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá.....	97
3.1.1. Ưu điểm	97
3.1.2. Hạn chế.....	98
3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá.	100

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

PHỤ LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT

TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT – BTC	Thông tư – Bộ Tài Chính
TK	Tài khoản
BCTC	Báo cáo tài chính
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
LNKT	Lợi nhuận kế toán
GTGT	Giá trị gia tăng
TSCĐ	Tài sản cố định
CCDC	Công cụ dụng cụ
CKTM	Chiết khấu thương mại
GGHB	Giảm giá hàng bán
KC	Kết chuyển
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
BVMT	Bảo vệ môi trường
CCDV	Cung cấp dịch vụ
BĐSĐT	Bất động sản đầu tư
VTHH	Vật tư hàng hóa
HTK	Hàng tồn kho
HTKK	Hỗ trợ kê khai

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Giao diện – Cách đăng nhập vào tài khoản Công ty	41
Hình 2.2. Giao diện chính của phần mềm SmartPro.....	44
Hình 2.3. Giao diện phần mềm VIN-HOADON.....	47
Hình 2.4. Hóa đơn GTGT số 23 ngày 17/05/2025	48
Hình 2.5. Giao diện khi tải hóa đơn điện tử về phần mềm NaNo Bot Tool.....	49
Hình 2.6. Cách xử lý hóa đơn và Import vào phần mềm SmartPro	49
Hình 2.7. Giao diện chi tiết chứng từ hóa đơn 23 trên phần mềm SmartPro.....	50
Hình 2.8. Xuất sổ Nhật ký chung	50
Hình 2.9. Hóa đơn GTGT số 58 ngày 28/06/2025	52
Hình 2.10. Giao diện chi tiết chứng từ hóa đơn 58 trên phần mềm SmartPro.....	53
Hình 2.11. Hóa đơn GTGT số 25 ngày 24/05/2025	54
Hình 2.12. Trích sổ cái TK 511	55
Hình 2.13. Trích sổ chi tiết TK 5111.....	56
Hình 2.14. Trích sổ chi tiết TK 5113.....	57
Hình 2.15. Trích sao kê ngân hàng EXIMABANK ngày 24/04/2025	59
Hình 2.16. Giao diện hạch toán sao kê ngân hàng EXIMBANK ngày 24/04/2025 ..	59
Hình 2.17. Trích sổ cái TK 515.....	60
Hình 2.18. Giao diện khai báo tham số hệ thống trên phần mềm SmartPro.....	62
Hình 2.19. Giao diện tính giá xuất kho tháng 5 trên phần mềm	63
Hình 2.20. Giao diện xử lý hàng hóa tháng 5 trên phần mềm	64
Hình 2.21. Giao diện giá vốn hóa đơn số 23 ngày 17/05/2025 trên phần mềm SmartPro.....	64
Hình 2.22. Giao diện phiếu xuất kho hóa đơn số 23 ngày 17/05/2025.....	65
Hình 2.23. Giao diện phiếu xuất kho hóa đơn số 58 ngày 28/06/2025.....	66
Hình 2.24. Giao diện khai báo tài khoản doanh thu và chi phí.....	67
Hình 2.25. Giao diện tập hợp chi phí và xử lý giá thành công trình.....	67
Hình 2.26. Giao diện kết chuyển giá vốn – 1 công trình	68

Hình 2.27. Giao diện chi tiết chi phí và doanh thu theo công trình HĐ 25	68
Hình 2.28. Trích sổ cái tài khoản 632	69
Hình 2.29. Hóa đơn số 103986 trả lãi ngân hàng.....	71
Hình 2.30. Sao kê ngân hàng trả tiền lãi cho ngân hàng vào ngày 10/06/2025	72
Hình 2.31. Giao diện hạch toán trả lãi cho ngân hàng tháng 6	72
Hình 2.32. Trích sổ cái tài khoản 635	73
Hình 2.33. Trích Bảng chấm công tháng 5	75
Hình 2.34. Trích Bảng thanh toán tiền lương tháng 5.....	75
Hình 2.35. Giao diện phiếu kế toán tính lương tháng 5	76
Hình 2.36. Giao diện kế toán tài sản, công cụ, chi phí.	77
Hình 2.37. Danh sách các chi chí chờ phân bổ	77
Hình 2.38. Bảng trích chi phí chờ phân bổ.	78
Hình 2.39. Trích sổ Cái TK 642	79
Hình 2.40. Giao diện vào Báo cáo tài chính trên phần mềm	81
Hình 2.41. Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.....	85
Hình 2.42. Phụ lục chuyển lỗ năm 2025	87
Hình 2.43. Giao diện hạch toán chi phí thuế TNDN vào phần mềm SmartPro	87
Hình 2.44. Sổ Cái TK 821	88
Hình 2.45. Giao diện kết chuyển tài khoản chi phí.....	89
Hình 2.46. Giao diện kết chuyển tài khoản doanh thu	90
Hình 2.47. Trích sổ cái tài khoản 911	90
Hình 2.48. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	91
Hình 2.49. Giao diện doanh thu Quý 3/2025 trên phần mềm	92
Hình 2.50. Trích bảng kê đầu ra Quý 3/2025.....	92
Hình 2.51. Bảng trích chi phí chờ phân bổ 2025	93
Hình 2.52. Sổ cái TK 242.....	93
Hình 2.53. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	95
Hình 2.54. Bảng cân đối phát sinh tài khoản	96

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trực tiếp	5
Sơ đồ 1.2. Kế toán BH và CCDV theo phương thức trả chậm, trả góp	6
Sơ đồ 1.3. Hạch toán kế toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý..6	
Sơ đồ 1.4. Hạch toán kế toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý..7	
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	8
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính	11
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác	14
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo	18
Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí hoạt động tài chính	21
Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí bán hàng	24
Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	25
Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí khác	28
Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	31
Sơ đồ 1.14. Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	33
Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa	36
Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa	38
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ hình thức ghi sổ kế toán Nhật ký chung của Công ty	40
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ với quy trình bán hàng tại Công ty	44

DANH MỤC PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Trích sổ Nhật Ký Chung năm 2025

Phụ lục 2. Giấy phép kinh doanh

Phụ lục 3. Cách kết nối dữ liệu công ty với phần mềm Nano Bot Tool

Phụ lục 4. Cách kết nối Data phần mềm SmartPro và Nano Bot Tool

Phụ lục 5. Hóa đơn GTGT số 23, ngày 17/05/2025 trên sổ chứng từ gốc

Phụ lục 6. Giao diện chi tiết chứng từ hóa đơn 25 trên phần mềm

Phụ lục 7. Cách xuất và xem sổ cái các tài khoản

Phụ lục 8. Cách xuất và xem sổ chi tiết các tài khoản

Phụ lục 9. Giao diện nhập chứng từ ngân hàng trên phần mềm SmartPro

Phụ lục 10. Giao diện tính giá xuất kho trên phần mềm SmartPro

Phụ lục 11. Cách khai báo danh mục công trình

Phụ lục 12. Phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh

Phụ lục 13. Hướng dẫn nộp tờ khai quyết toán 03/TNDN

Phụ lục 14. Hóa đơn GTGT số 898 ngày 14/02/2025

Phụ lục 15. Hóa đơn GTGT số 34687 ngày 01/07/2025

Phụ lục 16. Tờ khai lệ phí môn bài năm 2025

Phụ lục 17. Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

Phụ lục 18. Giao diện chứng từ khóa sổ

Phụ lục 19. Giao diện kết chuyển số dư các tài khoản

Phụ lục 20. Báo cáo tình hình tài chính năm 2025

Phụ lục 21. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

Phụ lục 22. Tờ khai thuế GTGT quý 3/2025

Phụ lục 23. Bảng tổng hợp xuất nhập tồn kho năm 2025

Phụ lục 24. Sổ chi tiết VTHH – Để nối CK157RH

Phụ lục 25. Trích sổ chi tiết TK 6422

Phụ lục 26. Bảng lương – thanh toán lương tháng 5/2025

Phụ lục 27. Đề xuất Bảng lương – thanh toán lương tháng 5/2025

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến Ban giám hiệu trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, cùng toàn thể quý thầy cô giáo khoa Kinh tế đã tận tình truyền đạt kiến thức và kinh nghiệm quý báu cho em trong suốt những năm học tập tại trường. Những nền tảng lý luận này là cơ sở quan trọng giúp em thực hiện tốt bài khóa luận này.

Đặc biệt, em xin gửi lời tri ân sâu sắc đến ThS. Nguyễn Thị Thanh Phương – giảng viên trực tiếp hướng dẫn. Cô đã dành nhiều thời gian, tâm huyết để chỉ bảo, định hướng và giúp đỡ em tận tình trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thiện đề tài.

Em cũng xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo cùng các anh chị trong bộ phận kế toán tại Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Bách Hoá đã tạo mọi điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cung cấp số liệu thực tế và chia sẻ những kinh nghiệm nghiệp vụ thực tiễn để em có thể hoàn thành tốt nội dung bài khóa luận “*Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*” tại đơn vị.

Vì kiến thức bản thân còn hạn chế và kinh nghiệm thực tế chưa nhiều, bài khóa luận chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp và chỉ bảo từ quý thầy cô để kiến thức của em ngày càng hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em kính chúc quý thầy cô dồi dào sức khỏe và thành công trong sự nghiệp cao quý, đồng kính chúc các anh chị trong phòng Kế Toán của Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa thật nhiều sức khỏe, đạt được nhiều thành công trong công việc và cuộc sống.

Em xin chân thành cảm ơn!

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường đầy biến động, lợi nhuận không chỉ là mục tiêu sống còn mà còn là thước đo chính xác nhất cho năng lực cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp. Để đạt được hiệu quả kinh tế tối ưu, việc thiết lập một hệ thống kế toán doanh thu, chi phí minh bạch và khoa học là yêu cầu cấp thiết. Thông tin từ phần hành này không chỉ giúp nhà quản trị đánh giá đúng thực trạng kinh doanh mà còn là căn cứ tin cậy để các đối tác, nhà đầu tư và cơ quan thuế đưa ra các quyết định tài chính quan trọng.

Tuy nhiên, việc ghi nhận doanh thu và kiểm soát chi phí trong thực tế vẫn đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán phù hợp để tránh làm sai lệch bức tranh tài chính. Nhận thức được tầm quan trọng đó, cùng với mong muốn vận dụng những lý thuyết đã học vào thực tiễn tại Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Bách Hoá, em đã lựa chọn đề tài: *“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Bách Hoá”* làm nội dung nghiên cứu cho khóa luận tốt nghiệp.

Thông qua đề tài này, em mong muốn hiểu rõ hơn về quy trình hạch toán doanh thu, công tác quản lý doanh thu, chi phí trong doanh nghiệp, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả, góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh phát triển bền vững.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa.

- Phạm vi nghiên cứu:

- Đề tài nghiên cứu được thực hiện tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa.

- Số liệu sử dụng được lấy từ sổ sách kế toán, báo cáo năm 2025.

3. Phương pháp nghiên cứu đề tài

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Đọc, tìm hiểu, tham khảo các tài liệu trên web, các giáo trình do giảng viên biên soạn, thông tư nghị định của Bộ Tài Chính,... để hệ thống hoá phần cơ sở lý luận về Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: Tham khảo các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán hiện hành.

- Phương pháp kế toán: Phương pháp sử dụng chứng từ, phương pháp tài khoản và ghi đối ứng, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán để tiến hành ghi chép, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong đơn vị.

4. Cấu trúc của đề tài

- Khóa luận tốt nghiệp gồm 3 phần:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Chương 2: Thực trạng về Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa.

- Chương 3: Một số ý kiến hoàn thiện công tác Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Khái quát về Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Khái niệm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Theo quy định tại Điều 56 của thông tư 133/2016/TT-BTC: “Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền”.

Theo quy định tại Điều 59 của thông tư 133/2016/TT-BTC: Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Theo quy định tại Điều 68 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Xác định kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng trong quy trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Là biểu hiện bằng phần tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã thực hiện. Nếu doanh thu lớn hơn chi phí là lãi, ngược lại nếu doanh thu nhỏ hơn chi phí là lỗ.

1.1.2. Mục tiêu và chức năng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

➤ Về mục tiêu

- Đảm bảo mọi khoản doanh thu và chi phí được ghi nhận đúng thời điểm, đúng bản chất theo nguyên tắc kế toán dồn tích và phù hợp, từ đó xác định kết quả lãi lỗ thực tế của doanh nghiệp trong kỳ.
- Tạo lập hệ thống dữ liệu tin cậy để Ban lãnh đạo đánh giá hiệu quả của từng mảng dịch vụ, từ đó đưa ra các chiến lược điều chỉnh giá bán hoặc tối ưu hóa chi phí vận hành.
- Giám sát chặt chẽ quá trình thu hồi công nợ và phê duyệt chi phí, hạn chế tối đa việc thất thoát tài sản hoặc sai lệch số liệu tài chính.

➤ Về chức năng

- Thu thập, kiểm tra chứng từ và hạch toán kịp thời các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hoạt động bán hàng và chi phí quản lý.
- Thông qua số liệu, kế toán thực hiện giám sát tính hợp lý, hợp pháp của các khoản chi và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch doanh thu đề ra.
- Tổng hợp số liệu để lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, cung cấp cái nhìn tổng thể về tài chính của doanh nghiệp cho các đối tượng trong và ngoài đơn vị.

1.1.3. Sự cần thiết của việc tổ chức Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là thước đo cao nhất về năng lực hoạt động của một doanh nghiệp. Chỉ khi kế toán tổ chức tốt việc bóc tách doanh thu và chi phí, doanh nghiệp mới có thể nhìn rõ lợi nhuận thuần túy đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, từ đó có phương án tái đầu tư hợp lý.
- Trong môi trường cạnh tranh, việc tăng doanh thu thường khó khăn hơn việc tiết kiệm chi phí. Tổ chức kế toán chặt chẽ giúp doanh nghiệp nhận diện được các khoản chi phí bất hợp lý, từ đó thực hiện các biện pháp tiết giảm, nâng cao biên lợi nhuận.
- Đối với các đối tượng bên ngoài như cơ quan Thuế, ngân hàng hay nhà đầu tư, số liệu về doanh thu và lợi nhuận là căn cứ để xác định nghĩa vụ thuế và uy tín tín dụng. Tổ chức kế toán tốt giúp doanh nghiệp tránh được các rủi ro pháp lý và tạo dựng niềm tin với đối tác.

- Những số liệu quá khứ được kế toán tổng hợp một cách khoa học chính là “nguyên liệu” quan trọng để Ban lãnh đạo xây dựng kế hoạch kinh doanh và ngân sách cho các kỳ tiếp theo một cách sát thực và khả thi nhất.

1.2. Kế toán doanh thu – thu nhập

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh bao gồm cả bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

+) Bán hàng hóa: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư;

+) Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng,...

1.2.1.2. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC

a) Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí đã hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.1.3. Chứng từ sử dụng

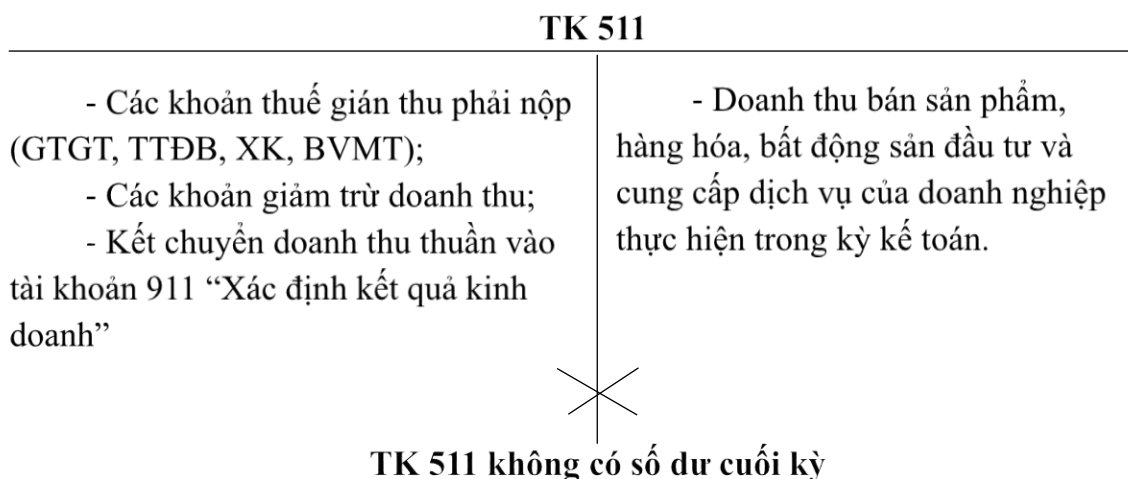
- Hợp đồng kinh tế
- Hợp đồng nguyên tắc
- Bảng báo giá
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có,...

1.2.1.4. Tài khoản sử dụng

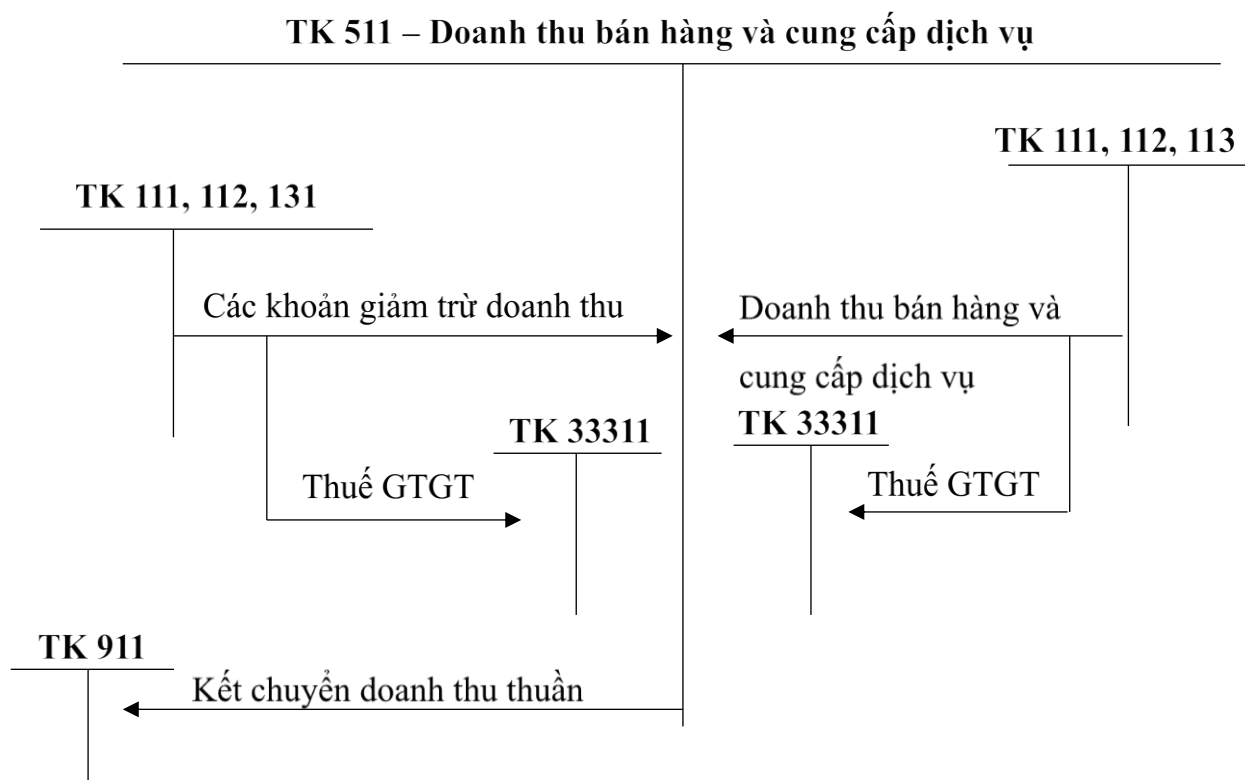
Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT – BTC, tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có 4 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118: Doanh thu khác

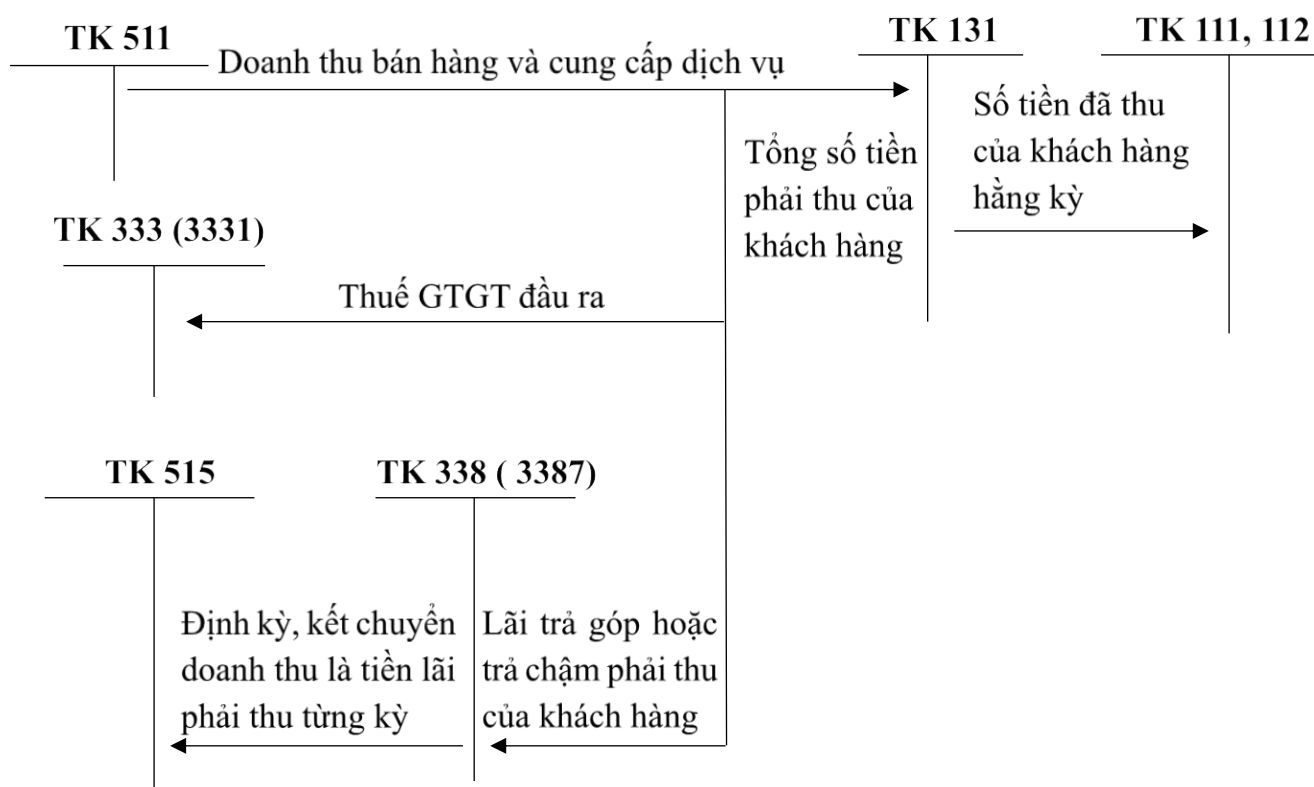
❖ *Kế cấu tài khoản:*



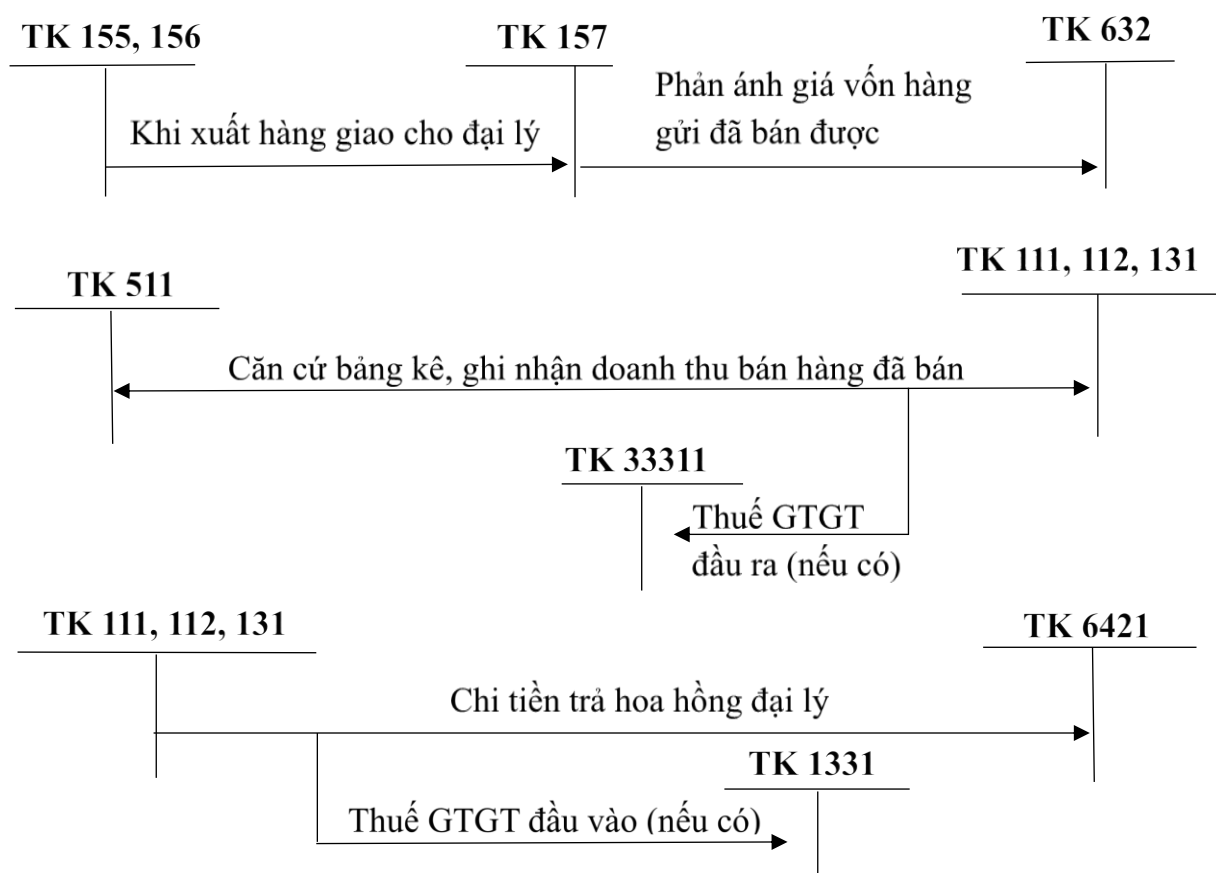
1.2.1.5. Phương pháp hạch toán



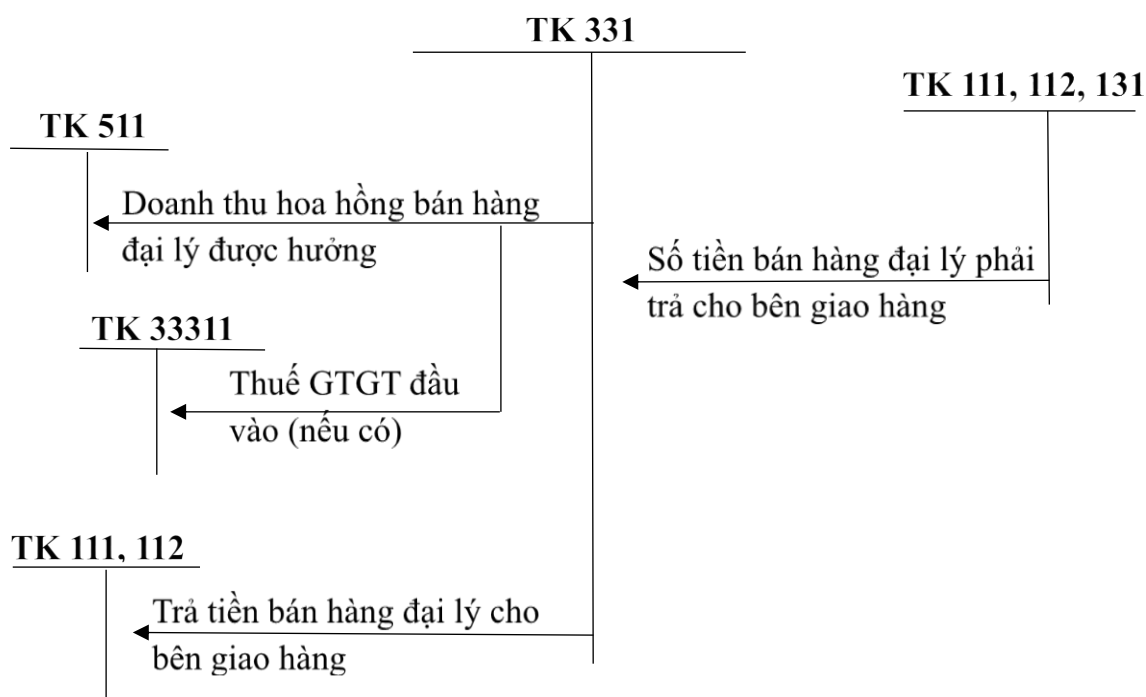
Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trực tiếp



Sơ đồ 1.2. Kế toán BH và CCDV theo phương thức trả chậm, trả góp



Sơ đồ 1.3. Hạch toán kế toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý



Sơ đồ 1.4. Hạch toán kế toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- *Chiết khấu thương mại* là khoản doanh nghiệp đã giảm trừ cho khách do mua với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

- *Giảm giá hàng bán* là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém, mất phẩm chất, không đúng quy cách được quy định trong hợp đồng kinh tế.

- *Hàng bán bị trả lại* là hàng bị khách hàng trả lại do nguyên nhân vi phạm cam kết hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu bị trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu bị trả lại một phần hàng), đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng trên.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

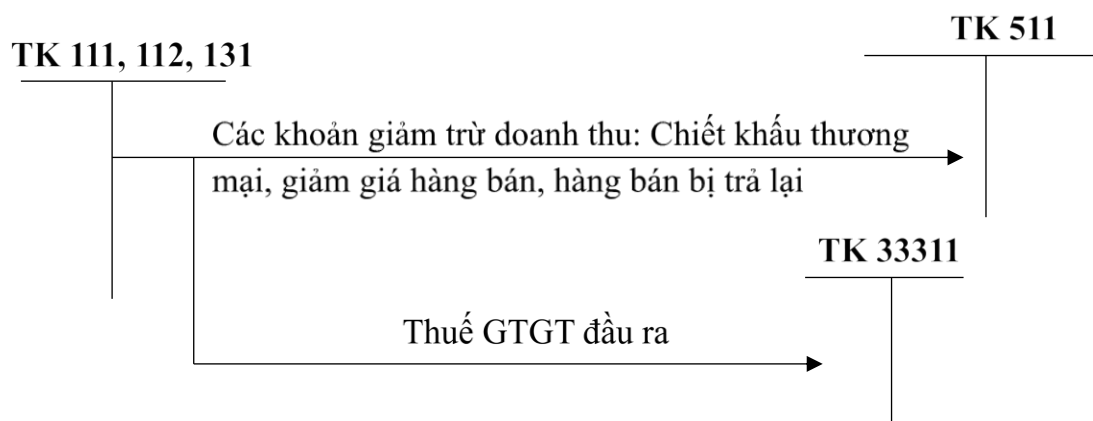
- Chiết khấu thương mại:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Biên bản chiết khấu thương mại
 - + Hợp đồng kinh tế,...
- Giảm giá hàng bán:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Biên bản giảm giá hàng bán
 - + Hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê,...
- Hàng bán bị trả lại:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Biên bản trả lại hàng bán
 - + Chứng từ kèm theo: Phiếu nhập kho, phiếu chi, giấy báo nợ,...

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

- Kế toán ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại vào bên nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

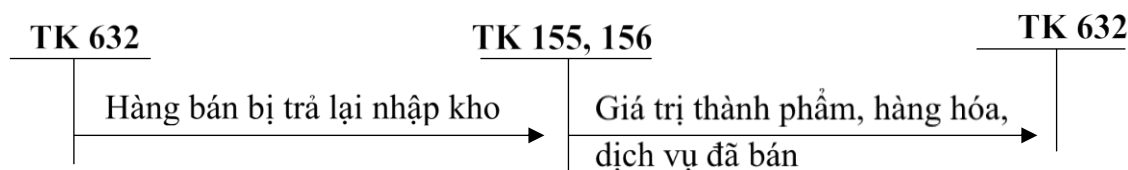
a. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



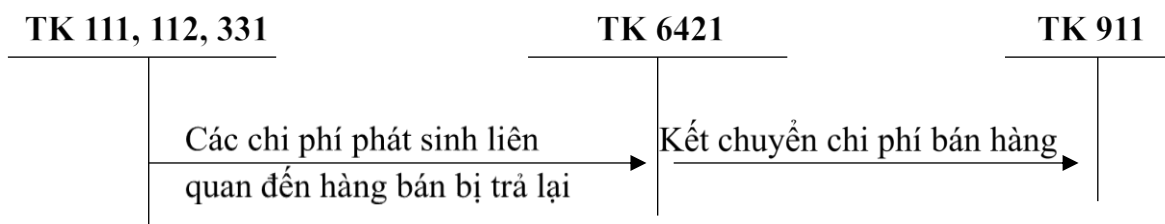
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

b. Kế toán các chi phí liên quan

➤ *Nhận lại sản phẩm, hàng hóa*



➤ *Chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi sản phẩm, hàng hóa*



1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính

Theo quy định tại điều 58 thông tư 133/21016/TT-BTC: Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- *Tiền lãi:* lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ,...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư vốn góp vào đơn vị khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu tính lãi
- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Sổ phụ ngân hàng

- Phiếu kê toán,...

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tài điều 58 của thông tư 133/2016/TT-BTC, để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng TK 515 “*Doanh thu hoạt động tài chính*”.

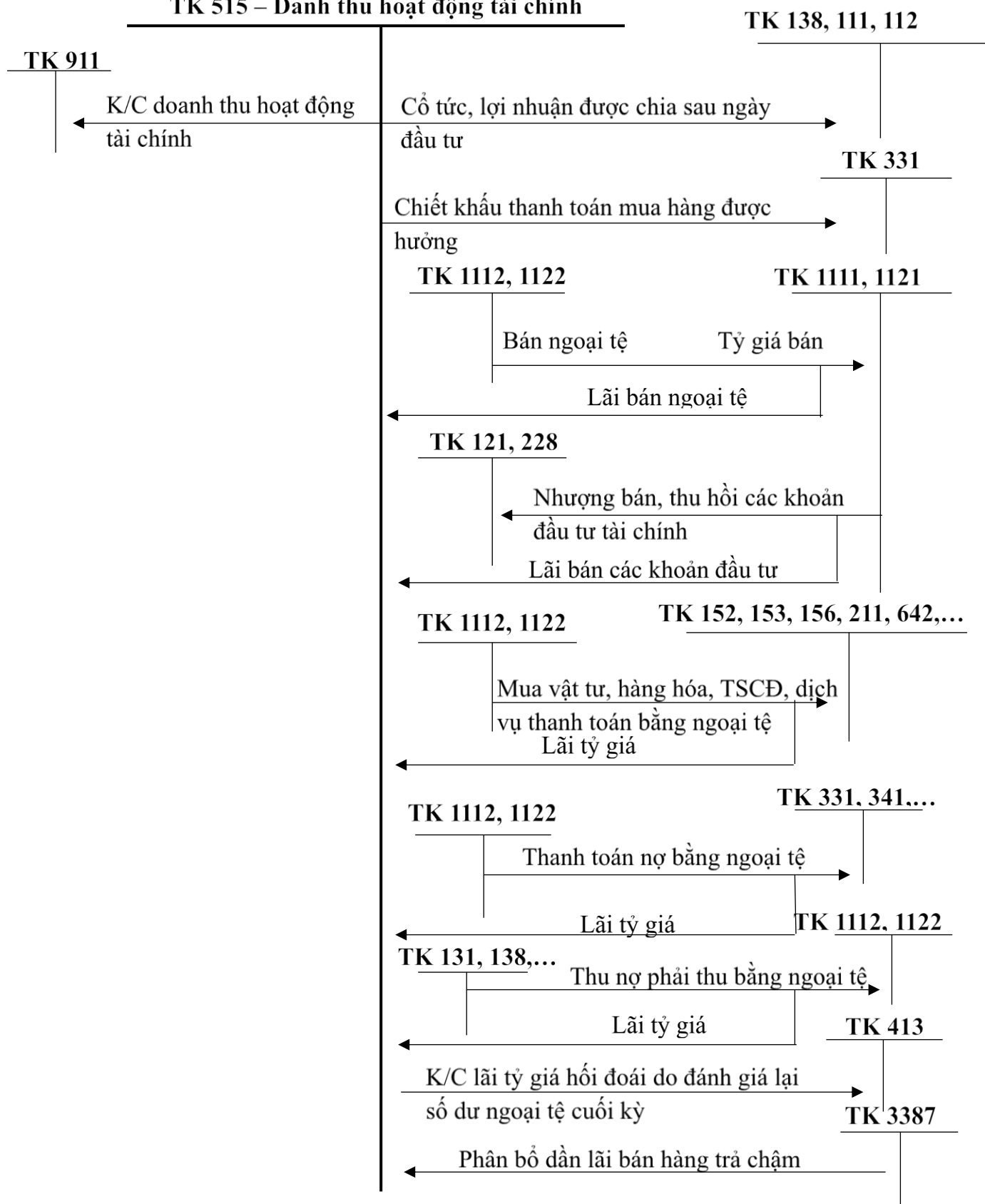
❖ Kết cấu tài khoản

TK 515	
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”	- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.



TK 515 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán
TK 515 – Danh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4. Kế toán thu nhập khác

1.2.4.1. Nội dung thu nhập khác

Thu nhập khác: Là các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTDDb, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Hóa đơn GTGT

- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Biên bản thanh lý TSCĐ,...

1.2.4.3. Tài khoản sử dụng

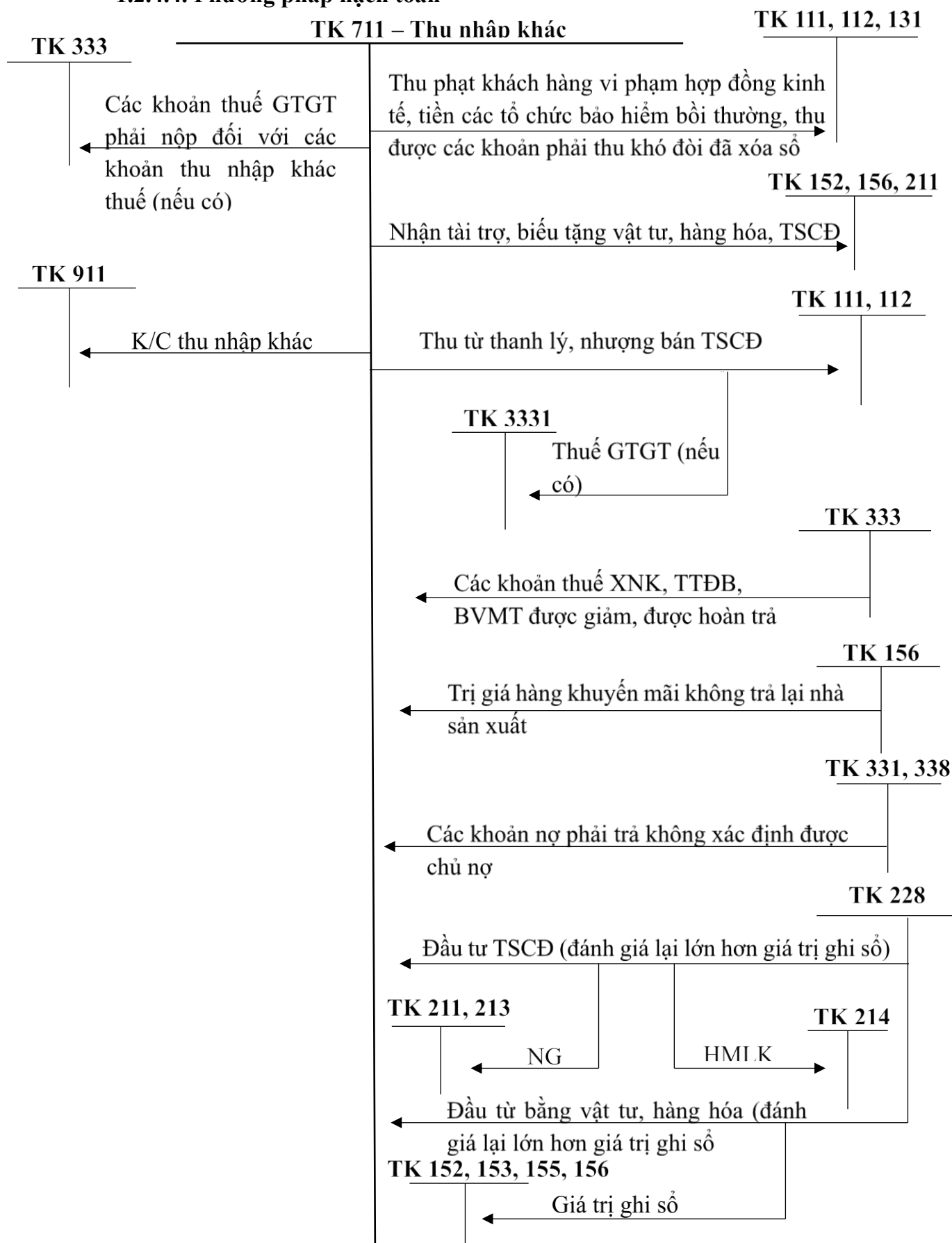
Theo quy định tại điều 65 của TT133/2016/TT-BTC, để phản ánh thu nhập khác, kế toán sử dụng *Tài khoản 711 “Thu nhập khác”*

❖ *Kết cấu tài khoản*

TK 711	
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

TK 711 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác

1.3. Kế toán chi phí

1.3.1. Kế toán giá vốn

1.3.1.1. Nội dung giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá thực tế của toàn bộ sản phẩm, hàng hóa được xuất bán trong kỳ.

+ Đối với doanh nghiệp thương mại giá vốn hàng bán bao gồm giá trị mua hàng và chi phí mua hàng. Hàng hóa của doanh nghiệp được nhập từ các nguồn, các đợt khác nhau. Do đó, khi xuất bán phải đánh giá theo một trong các phương pháp quy định để xác định giá vốn hàng xuất bán.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất, giá vốn hàng bán bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho số sản phẩm đã xuất bán. Sản phẩm của doanh nghiệp được sản xuất qua nhiều giai đoạn, từ các kỳ và đơn hàng khác nhau. Do đó, khi xuất bán phải đánh giá theo một trong các phương pháp quy định để xác định giá trị vốn hàng xuất bán.

1.3.1.2. Phương pháp tính giá vốn

- Bình quân gia quyền cuối kỳ:

Phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ, số lượng hàng tồn kho cuối kỳ, để tính giá đơn vị bình quân. Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	=	Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ	+	Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ
		Số lượng hàng i tồn đầu kỳ		Số lượng hàng i nhập trong kỳ

- Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân thời điểm)

Sau mỗi lần nhập vật tư – hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân HTK i sau lần nhập thứ n	=	Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Trị giá thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n
		Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n		Số lượng hàng i nhập kho ở lần nhập thứ n

- Xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này kế toán căn cứ vào đơn giá mua hàng của từng lần nhập theo thứ tự, hàng nhập trước sẽ lấy đơn giá đó làm giá xuất trước nhưng phải đảm bảo mối tương quan về lượng của hàng có đơn giá đó.

Vì vậy hàng tồn kho đầu kì giả định là xuất trước tiên, số hàng xuất thêm sau đó được xuất đúng thứ tự như được mua vào nhập kho. Như vậy giá mua của hàng xuất kho được tính theo giá của hàng mua vào nhập kho tại các thời điểm đầu, giá mua của hàng tồn kho cuối kì sẽ là giá mua của hàng mua vào nhập sau cùng. Việc tính giá mua của hàng xuất kho theo phương pháp này có ưu điểm là giá mua của hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo.

- Xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải quản lý nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa theo từng lô hàng. Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá của lô hàng đó. Thường sử dụng phương pháp này trong các doanh nghiệp có ít loại nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa hoặc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa ổn định, có tính tách biệt và nhận diện được.

Phương pháp này đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết từng lô hàng nhập xuất. Chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, hàng tồn kho theo từng lô hàng có thể nhận diện được thì mới tính giá xuất kho được theo phương pháp này.

Ngoài ra, còn có phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị có đặc thù như kinh doanh trong lĩnh vực siêu thị hoặc tương tự.

Theo phương pháp này giá trị xuất kho của hàng hóa được xác định căn cứ vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên (do doanh nghiệp tự xác định) theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ phần trăm này có tính việc các mặt hàng có thể bị hạ xuống thấp hơn giá ban đầu. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

$\text{Giá trị xuất kho của hàng hóa} = \text{Giá bán hàng tồn kho} - \text{Lợi nhuận biên}$
--

1.3.1.3. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 62 Thông tư 133/2016/TT-BTC, để phản ánh giá vốn sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, kế toán sử dụng tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”.

❖ Kết cấu tài khoản

TK 632

❖ Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh: - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ; - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết). ❖ Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT, phản ánh: - Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ; - Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá; - Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ; - Giá trị còn lại của BĐSĐT thanh lý, nhượng bán trong kỳ; - Chi phí của nghiệp vụ thanh lý, nhượng bán BĐSĐT phát sinh trong kỳ - Số tổn thất do giảm giá trị BĐSĐT năm giữ chờ tăng giá; - Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước) - Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh). - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại
--	--

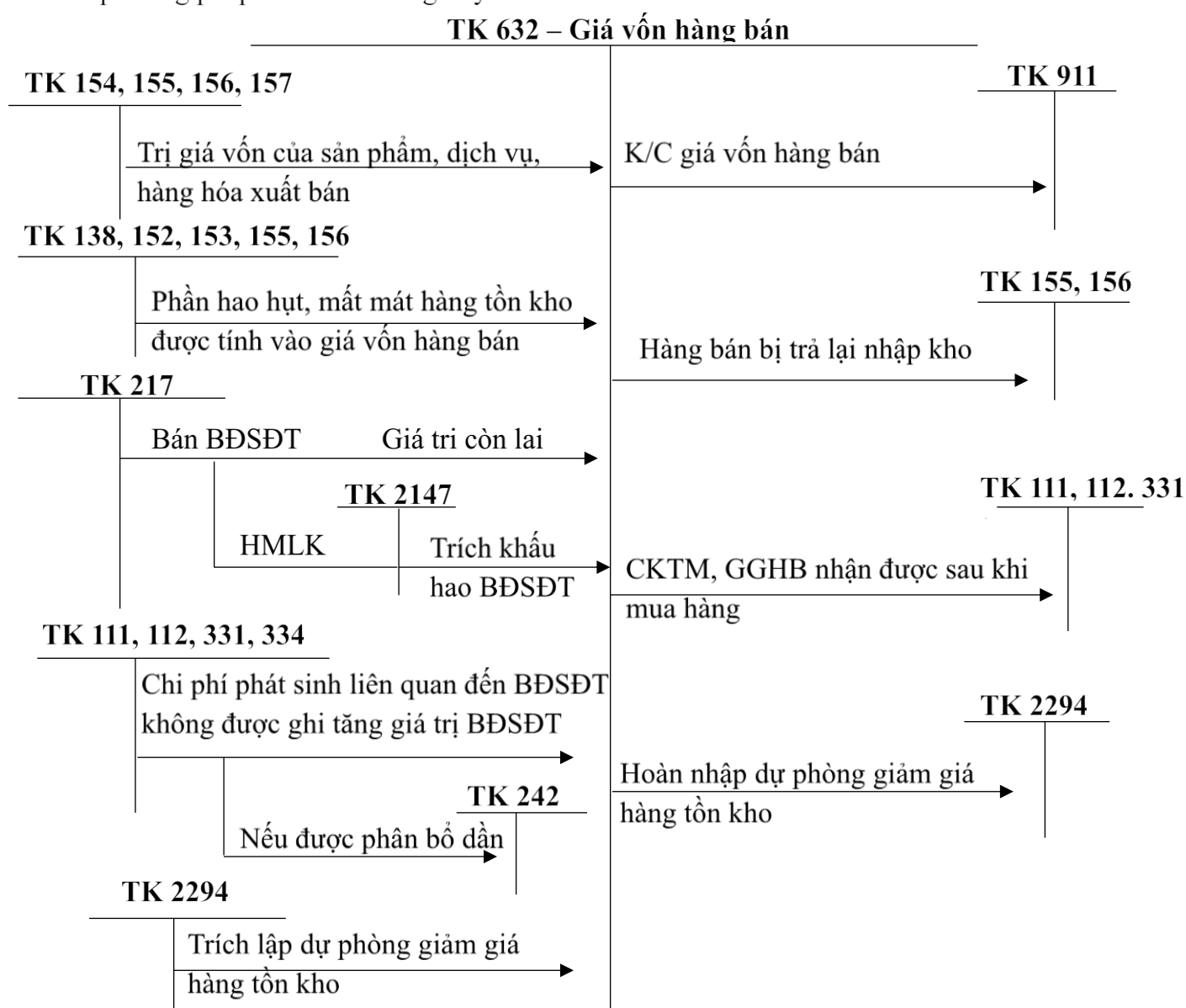
TK 632 không có số dư cuối kỳ

1.3.1.4. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán
- Bảng tổng hợp nhập xuất tồn
- Các chứng từ liên quan khác

1.3.1.5. Phương pháp hạch toán

Trong phạm vi của khóa luận em xin giới hạn nội dung hạch toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên như sau:



Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo

1.3.2. Kế toán chi phí tài chính

1.3.2.1. Nội dung chi phí tài chính

Theo quy định tại điều 63 của thông tư 133/2016/TT-BTC: Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm. lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý nhượng bán các khoản đầu tư, chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ bán ngoại tệ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- Các khoản chi phí tài chính khác.

1.3.2.2. Chứng từ sử dụng

- Ủy nhiệm chi
- Sổ phụ ngân hàng
- Giấy báo nợ
- Bảng tính lãi,...

1.3.2.3. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 63 của thông tư 133/2016/TT-BTC, để phản ánh chi phí hoạt động tài chính, kế toán sử dụng TK 635 “*Chi phí hoạt động tài chính*”.

❖ *Kết cấu tài khoản*

TK 635

- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ

- Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính

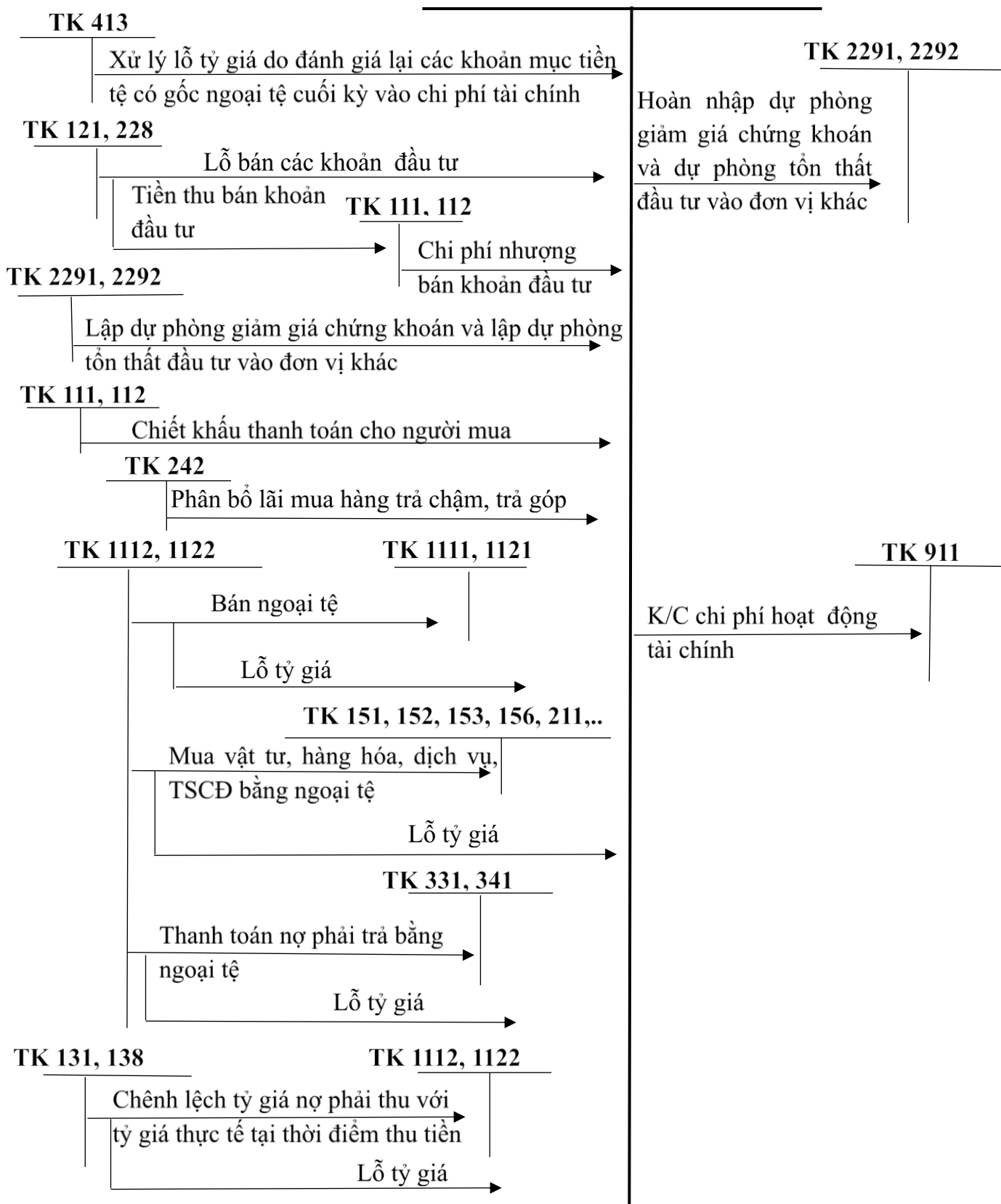
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh



TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.3.2.4. Phương pháp hạch toán

TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí hoạt động tài chính

1.3.3. Kế toán về chi phí quản lý kinh doanh

1.3.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- *Chi phí bán hàng*: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...), chi phí bằng tiền khác.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...), chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

1.3.3.2. Chứng từ sử dụng

a. Chi phí bán hàng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương
- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán tiền lương
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng khấu hóa TSCĐ và phân bổ CCDC
- Phiếu kế toán
- Thông báo nộp BHXH, BHYT, BHTN,...

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương

- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán tiền lương
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính khấu hao TSCĐ và phân bổ CCDC
- Giấy nộp tiền vào NSNN
- Thông báo nộp BHXH, BHYT, BHTN,...

1.3.3.3. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 64 của thông tư 133/2016/TT-BTC, để phản ánh chi phí quản lý kinh doanh kế toán sử dụng TK 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh”.

Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

TK 6421: Chi phí bán hàng

TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ *Kết cấu tài khoản*

TK 642

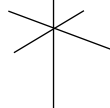
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.

- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

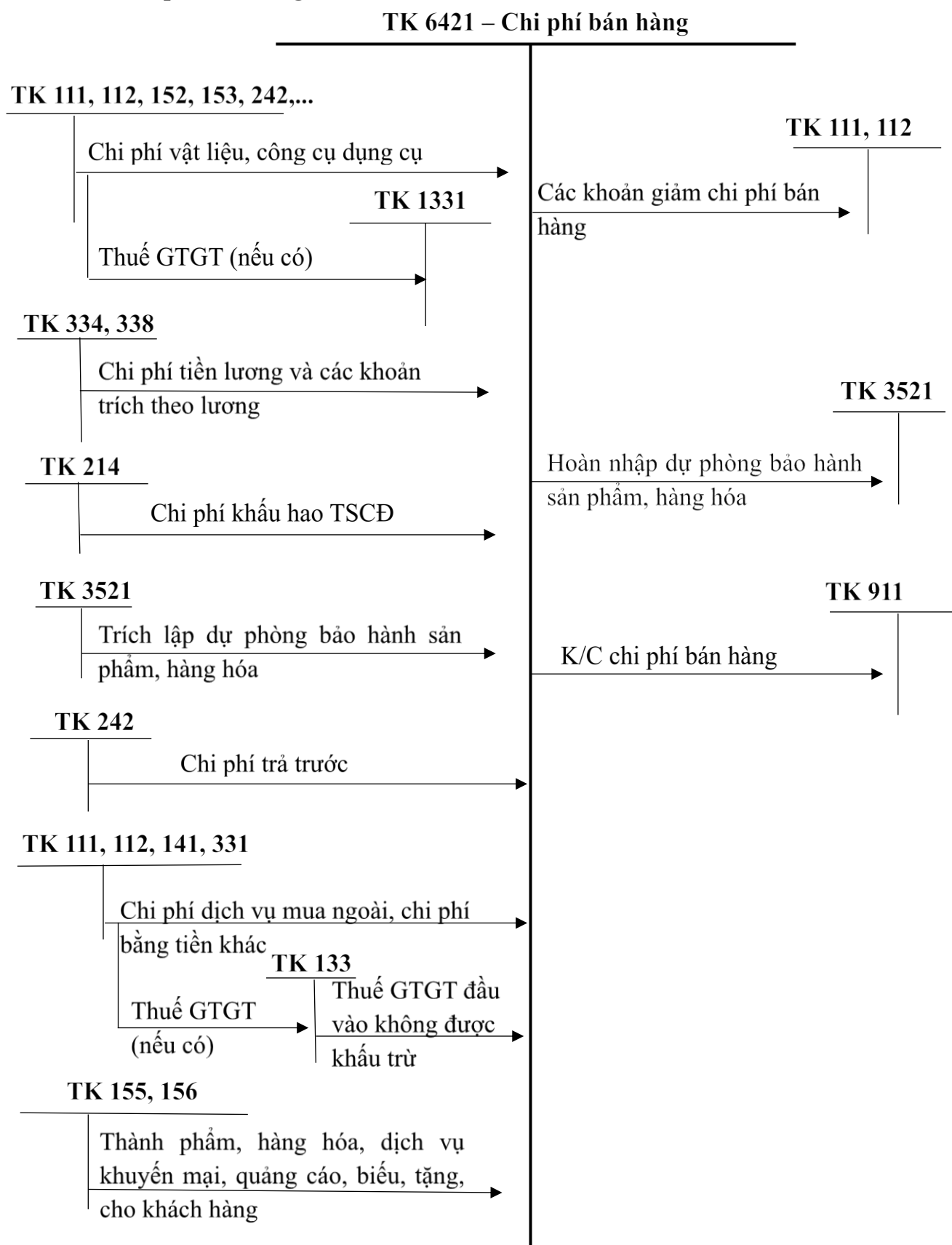
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.



TK 642 không có số dư cuối kỳ

1.3.3.4. Phương pháp hạch toán

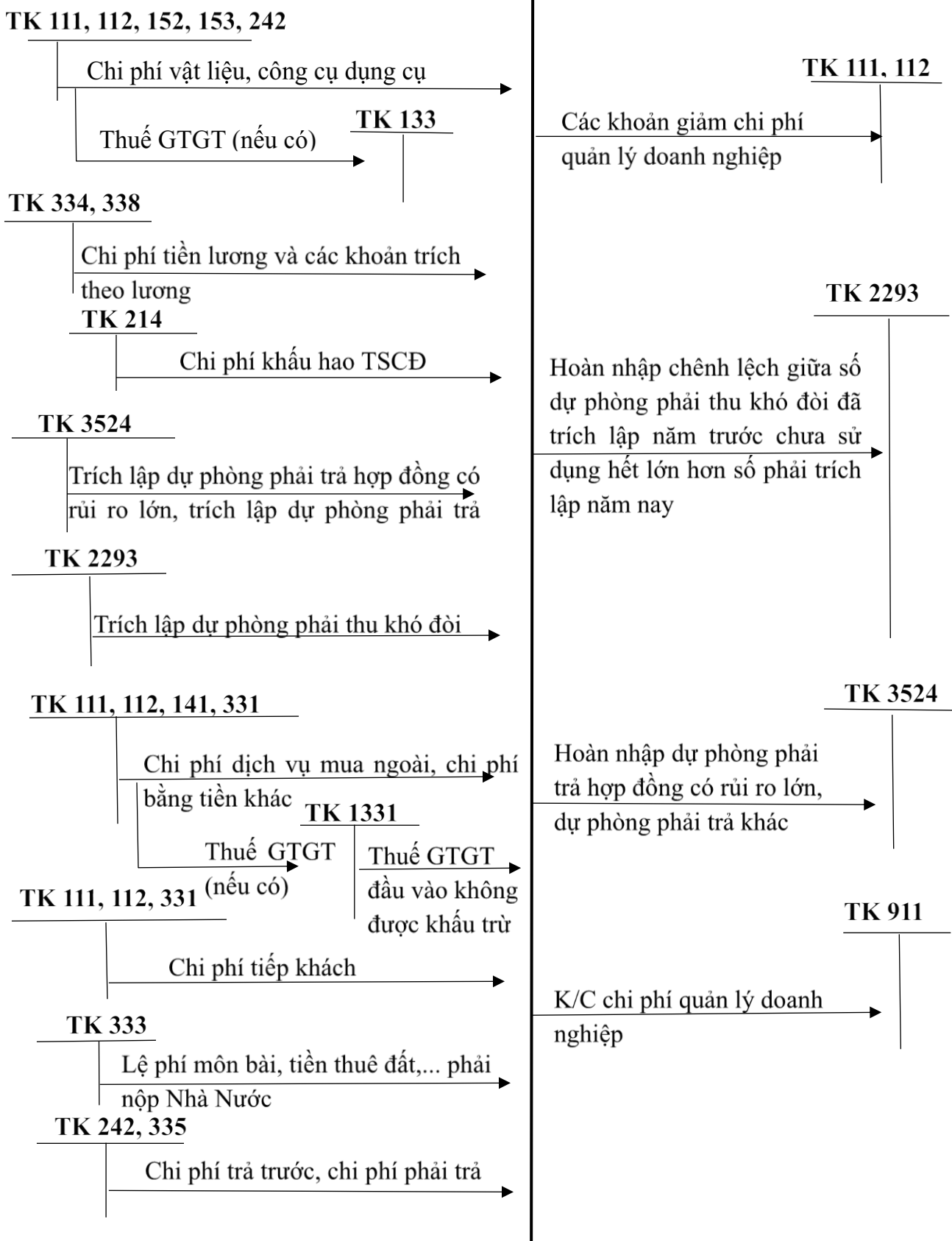
a. Chi phí bán hàng



Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí bán hàng

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp



Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh

1.3.4. Kế toán chi phí khác

1.3.4.1. Nội dung về chi phí khác

Chi phí khác là chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đầu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán đồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá vỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

1.3.4.2. Chứng từ sử dụng

- Ủy nhiệm chi
- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ
- Quyết định phạt từ cơ quan nhà nước,...

1.3.4.3. Tài khoản sử dụng

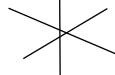
Theo quy định tại điều 66 của TT 133/2016/TT-BTC, để phản ánh chi phí khác, kế toán sử dụng TK 811 – “Chi phí khác”.

❖ *Kết cấu tài khoản*

TK 811

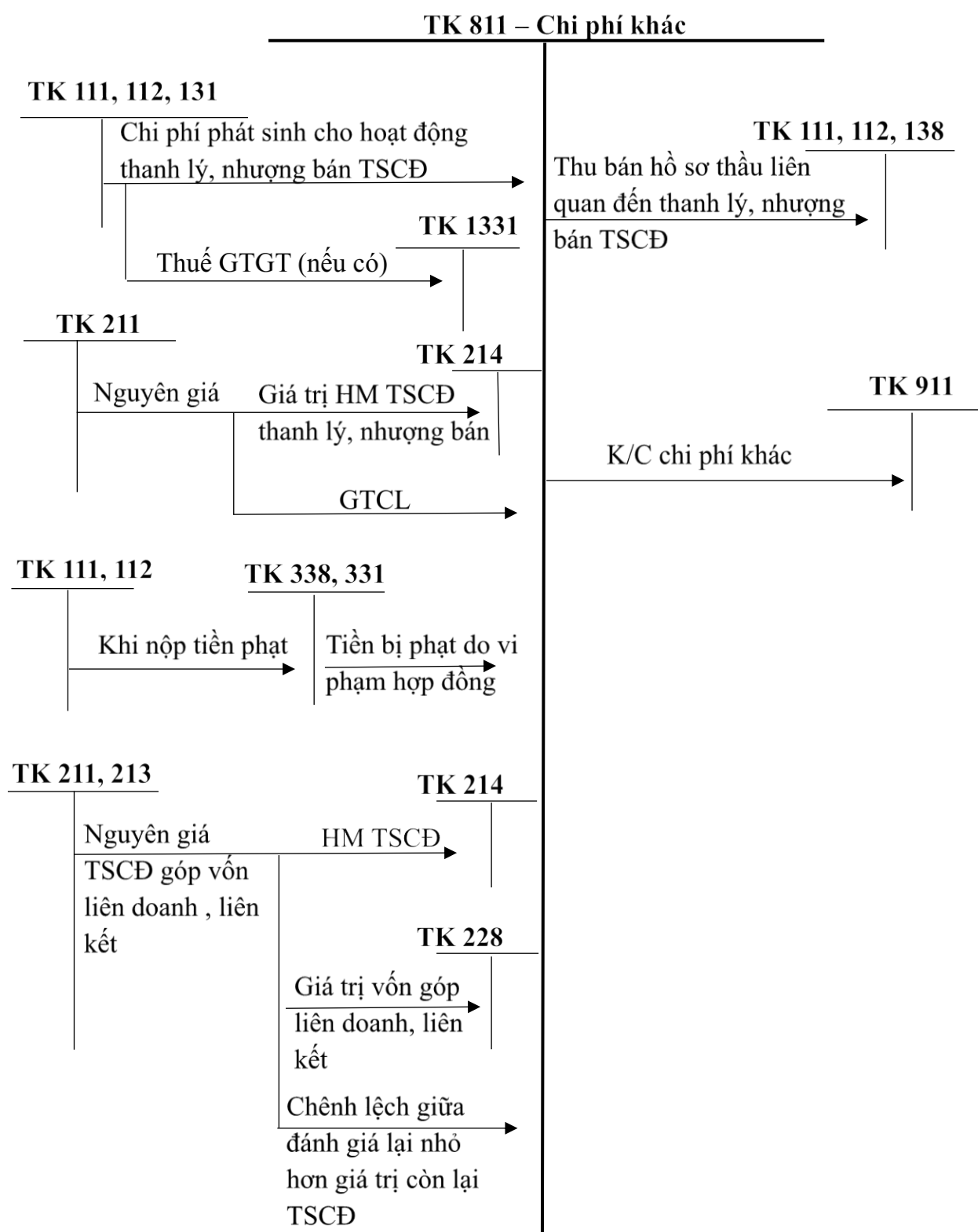
- Các khoản chi phí khác phát sinh.

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.



TK 811 không có số dư cuối kỳ

1.3.4.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí khác

1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.5.1. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, hoạt động dịch vụ, các thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Theo điều 7 quy định tại Luật số 67/2025/QH15, công thức:

$\text{Thu nhập chịu thuế} = (\text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ}) + \text{Các khoản thu nhập khác}$						
Thu nhập tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	-	Thu nhập được miễn thuế	-	Các khoản lỗ năm trước được kết chuyển

Thuế TNDN phải nộp	=	(	Thu nhập tính thuế	-	Phần trích lập quỹ khoa học và công nghệ (nếu có)	) X	Thuế suất thuế TNDN
-----------------------	---	---	-----------------------	---	---	-----	------------------------

1.3.5.2. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo có.
- Các chứng từ liên quan khác

1.3.5.3. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 67 của thông tư 133/2016/TT-BTC, để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán sử dụng TK 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”.

❖ *Kết cấu tài khoản*

TK 821

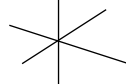
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm;

- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm;

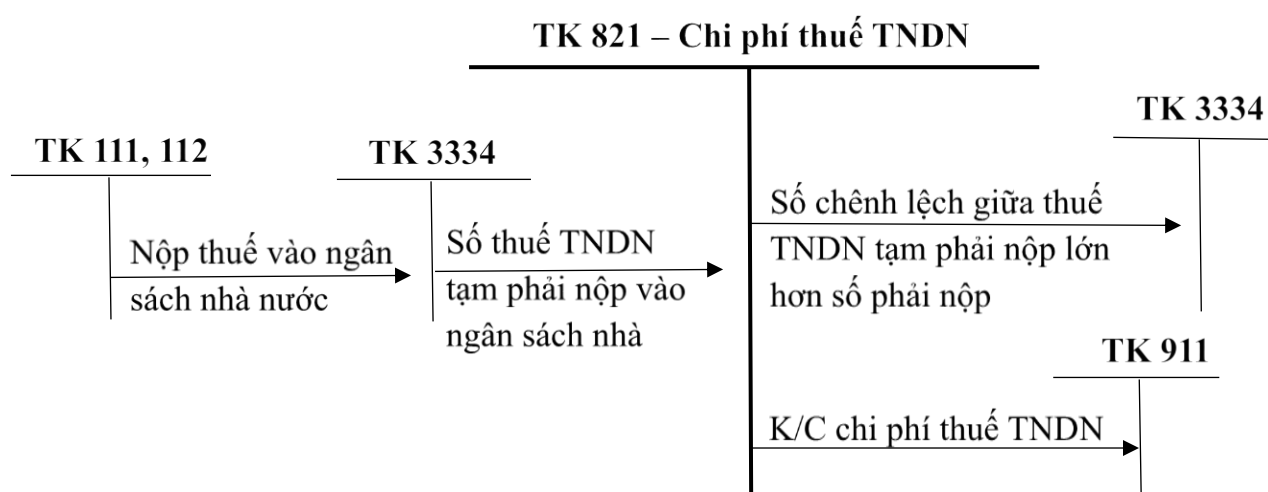
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại;

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.



TK 821 không có số dư cuối kỳ

1.3.5.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3.6.1. Nội dung về xác định kết quả kinh doanh

Theo quy định tại điều 68 thông tư 133/2016/TT-BTC, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

➤ Các chỉ tiêu xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần về BH và CCDV	=	Doanh thu BH và CCDV	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
--------------------------------------	---	----------------------	---	------------------------------

Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	=	Doanh thu thuần về BH và CCDV	-	Giá vốn hàng bán
------------------------------------	---	-------------------------------	---	------------------

Lợi nhuận thuần từ HĐKD	=	LN gộp về BH và CCDV	+	Doanh thu HĐTC	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí QLD
--------------------------------	---	----------------------	---	----------------	---	-------------------	---	-------------

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
-----------------------	---	---------------	---	--------------

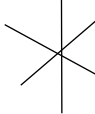
Tổng LNKT trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận khác
-----------------------------	---	---	---	----------------

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	=	Tổng LNKT trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN
--	----------	---------------------------------	----------	------------------------------

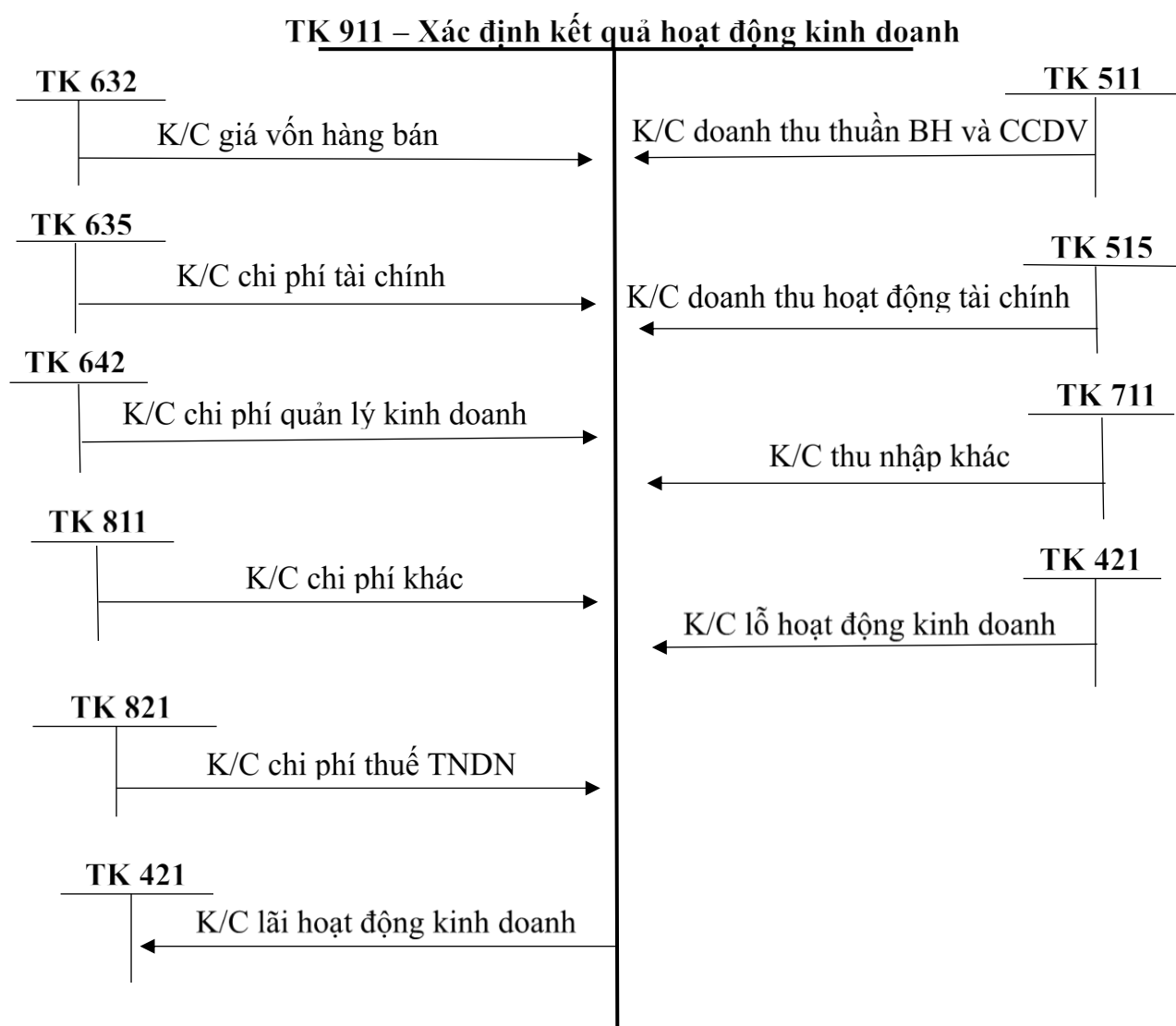
1.3.6.2. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 68 của thông tư 133/2016/TT-BTC, để xác định kết quả kinh doanh, kế toán sử dụng Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

❖ Kết cấu tài khoản

TK 911	
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.
	
TK 911 không có số dư cuối kỳ	

1.3.6.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.14. Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ

2.1. Tổng quan về Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá

2.1.1. Giới thiệu khái quát về Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá

2.1.1.1. Thông tin khái quát của công ty

- Tên tiếng việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ
- Địa chỉ trụ sở: K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Mã số thuế: 0402145647
- Loại hình pháp lý: Công ty trách nhiệm hữu hạn ngoài NN
- Đăng ký doanh nghiệp:
 - + Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 04 năm 2022
 - + Đăng ký thay đổi lần thứ 4: ngày 14 tháng 11 năm 2025
- Ngày hoạt động: 26-04-2022
- Tình trạng: Đang hoạt động
- Đại diện pháp luật: Lê Thị Hoa
- Nơi đăng ký quản lý thuế: K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Lắp đặt hệ thống điện (Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện và buôn bán thiết bị điện nước).

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Bách Hoá được thành lập vào ngày 26 tháng 04 năm 2022, có trụ sở tại phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp giấy phép đăng ký kinh doanh với ngành nghề hoạt động chính là lắp đặt hệ thống điện, cùng với các lĩnh vực liên quan như xây dựng công trình, cung cấp vật liệu và dịch vụ kỹ thuật.

Ban đầu, công ty đi vào hoạt động với quy mô còn nhỏ, nguồn lực nhân sự và trang thiết bị còn hạn chế, chủ yếu thực hiện các công trình nhỏ lẻ và dịch vụ trong

khu vực địa phương. Tuy nhiên, nhờ định hướng phát triển đúng đắn và sự nỗ lực không ngừng, công ty đã từng bước mở rộng phạm vi hoạt động, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Trong quá trình hoạt động, công ty luôn chú trọng đầu tư vào nâng cao tay nghề đội ngũ nhân viên, cải tiến quy trình làm việc và ứng dụng các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả thi công cũng như chất lượng công trình. Bên cạnh đó, công ty cũng từng bước xây dựng uy tín trên thị trường thông qua việc đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn trong các dự án đã thực hiện.

Song song với hoạt động kinh doanh, công ty luôn hướng tới việc xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp, tạo dựng niềm tin với khách hàng và đối tác. Nhờ đó, công ty ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ xây dựng tại địa phương.

Mặc dù là doanh nghiệp còn trẻ, nhưng với định hướng phát triển bền vững, Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Bách Hoá đang từng bước khẳng định vai trò và vị thế của mình trên thị trường, hướng tới trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ uy tín và chất lượng trong tương lai.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh, chức năng và nhiệm vụ của Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá

- Lĩnh vực hoạt động:

Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, chủ yếu tập trung vào các ngành nghề liên quan đến xây dựng, lắp đặt và thương mại. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là lắp đặt hệ thống điện cho các công trình dân dụng và công nghệ. Đây là lĩnh vực cốt lõi, đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển và tạo dựng uy tín của công ty trên thị trường.

Bên cạnh đó, công ty còn tham gia vào các hoạt động xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và các công trình kỹ thuật khác. Công ty cung cấp các dịch vụ thi công lắp đặt cửa nhôm và hệ thống cửa tự động, gia công cửa kính cường lực,... Góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng và nâng cao chất lượng công trình.

Ngoài lĩnh vực xây dựng và lắp đặt, công ty còn hoạt động trong lĩnh vực thương mại với việc kinh doanh, phân phối các vật liệu xây dựng, thiết bị điện, thiết bị nội thất và sản phẩm phục vụ cho ngành xây lắp điện nước. Hoạt động này giúp công ty chủ động nguồn cung cấp vật tư, đồng thời đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

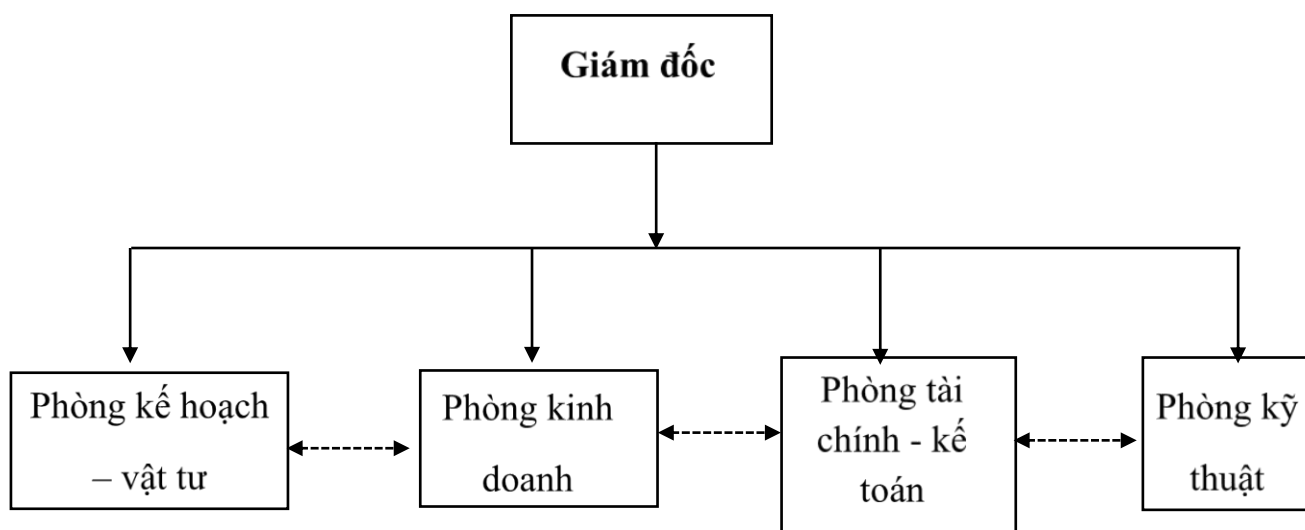
- Mục đích phát triển:

Công ty hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, trở thành đơn vị uy tín trong xây dựng, lắp đặt hệ thống điện và cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, xây lắp. Trọng tâm là nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo tiến độ thi công và an toàn trong mọi công trình, từ đó tạo dựng niềm tin với khách hàng và đối tác.

Bên cạnh đó, công ty không ngừng mở rộng quy mô hoạt động, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh nhằm tận dụng tối đa năng lực sẵn có và thích ứng với nhu cầu thị trường. Việc kết hợp giữa thi công và thương mại giúp công ty chủ động nguồn vật tư, tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá

a. Sơ đồ bộ máy quản lý tại Công ty



Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa

Ghi chú:

Quan hệ chỉ đạo: —————>

Quan hệ phối hợp: <----->

b. Chức năng của từng bộ phận

- Giám đốc:

- Là người đứng đầu và là người đại diện pháp nhân của công ty, cũng là người đảm bảo doanh nghiệp hoạt động đúng theo quy định pháp luật hiện hành.

- Là người đại diện ký kết các hợp đồng, các văn bản hành chính liên quan đến hoạt động của công ty.

- Là người chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- **Phòng kế hoạch – vật tư:** là bộ phận lập kế hoạch cung ứng và kiểm soát vật tư, hàng hóa đảm bảo đủ hàng phục vụ cho hoạt động kinh doanh và theo dõi và cập nhập thường xuyên các loại hàng nhập - xuất - tồn lên sổ sách hoặc các giấy tờ liên quan.

- **Phòng kinh doanh:** Bộ phận này có chức năng chính là thúc đẩy hoạt động bán hàng và mở rộng thị trường:

- Xây dựng và triển khai các chiến lược kinh doanh, bán hàng.
- Tìm kiếm khách hàng mới, duy trì mối quan hệ với khách hàng cũ.
- Tổ chức hoạt động bán hàng, thực hiện các chỉ tiêu doanh thu.
- Nghiên cứu thị trường, đối thủ cạnh tranh để đưa ra các biện pháp phù hợp.

- **Phòng tài chính kế toán:**

- Tổ chức các hoạt động kế toán phù hợp với Luật kế toán và Chế độ kế toán hiện hành.

- Tổ chức thu thập, xử lý, ghi nhận và phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp một cách đầy đủ, kịp thời và chính xác.

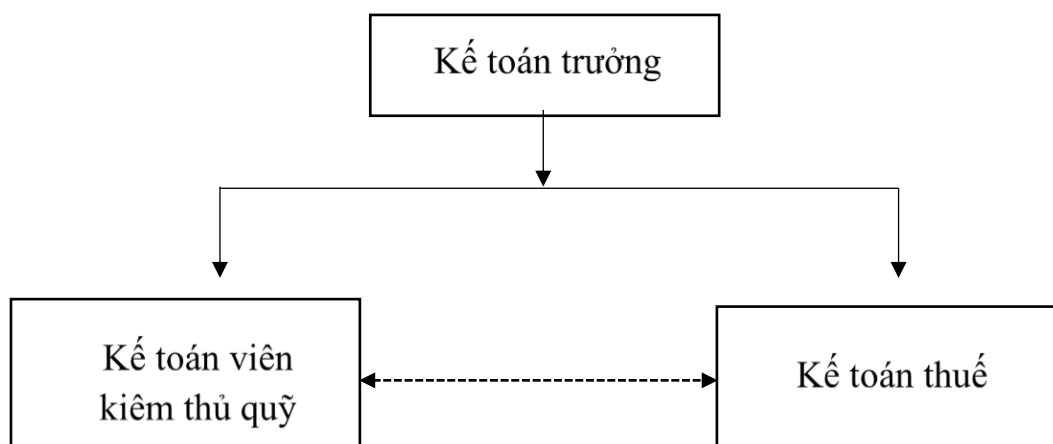
- Quản lý sử dụng hiệu quả nguồn tài chính của công ty.

- Chịu trách nhiệm toàn bộ về các hoạt động tài chính của công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc về số liệu, báo cáo do phòng ban lập ra.

- **Phòng kỹ thuật:** Đảm nhiệm các công việc thiết kế, xây dựng, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và duy trì các hệ thống, thiết bị, máy móc trong doanh nghiệp nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh hiệu quả như công tác lắp đặt, bảo trì thiết bị,...

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá

a. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty



Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa

Ghi chú:

Quan hệ trực tiếp: —————>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <----->

b. Chức năng của các bộ phận tại Công ty

Kế toán trưởng: Có trách nhiệm tổ chức công tác kế toán, giám sát tài chính và tuân thủ các quy định kế toán hiện hành của công ty.

- Giám sát, chỉ đạo các hoạt động kế toán chung của công ty.
- Đảm bảo tính chính xác, trung thực của các số liệu kế toán
- Đảm bảo sự cân đối chính xác giữ số liệu kế toán thuế và kế toán nội bộ.
- Lập hóa đơn.

Kế toán viên kiểm thủ quỹ: Là người chịu trách nhiệm quản lý và theo dõi các khoản thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của công ty hàng ngày để đảm bảo khoản thu chi được ghi chép chính xác. Đồng thời xử lý hoạt động liên quan đến BHXH doanh nghiệp và chấm công tính lương nhân viên.

- Lập bảng báo giá, soạn thảo hợp đồng.
- Thực hiện các công việc kế toán theo chỉ đạo của kế toán trưởng

Kế toán thuế: Hay còn gọi là kế toán dịch vụ được công ty thuê ngoài làm các công việc liên quan đến thuế bao gồm:

- Lập tờ khai thuế môn bài vào nộp thuế môn bài cho cơ quan thuế.
- Hằng ngày tập hợp hóa đơn, chứng từ phát sinh để theo dõi và hạch toán.
- Quy trình nghiệp vụ liên quan mua – bán hàng: Ghi nhận doanh thu, giá vốn hàng bán.
- Cuối quý lập báo cáo thuế GTGT, thuế TNCN. Nộp tiền thuế cho cơ quan thuế nếu có.
- Cuối năm lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế cho tháng cuối năm. Báo cáo thuế TNDN và báo cáo quyết toán thuế TNCN.

2.1.5. Chế độ kế toán và chính sách kế toán tại Công ty

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ được ban hành theo TT 133/2016/TT- BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng bộ tài chính.

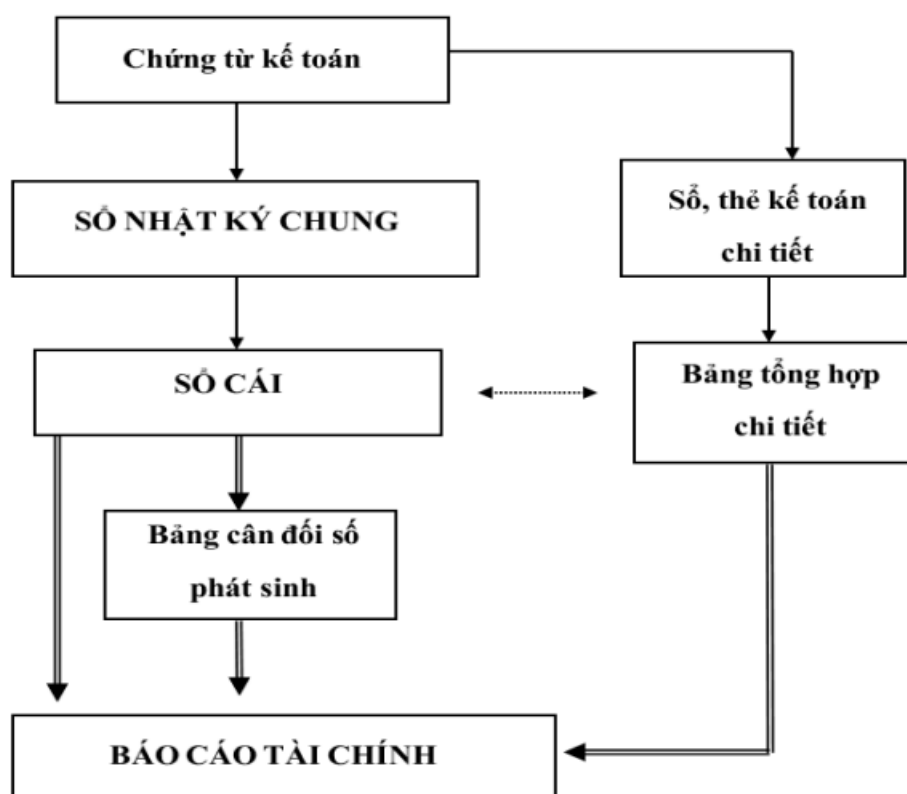
- Chính sách kế toán áp dụng:

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho sử dụng: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp kê khai thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp trích khấu hao TSCĐ: Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.
- Hình thức ghi sổ kế toán: Nhật ký chung.
- Phần mềm kế toán sử dụng: Phần mềm kế toán SmartPro.
- Hệ thống Báo cáo tài chính sử dụng tại doanh nghiệp:
 - + Báo cáo tình hình tài chính
 - + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- + Thuyết minh Báo cáo tài chính

2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty

Hình thức sổ kế toán “Nhật ký chung” là một trong những hình thức ghi sổ kế toán phổ biến nhất hiện nay bởi chúng mang lại nhiều ưu điểm như: Trình tự ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi chép, thuận tiện trong việc kiểm tra, đối chiếu số liệu kế toán cho từng đối tượng, cho phép tiến hành kiểm tra đối chiếu mọi thời điểm, cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời cho nhà quản lý. Tuy nhiên hình thức này cũng có một số nhược điểm như: Khối lượng ghi chép nhiều, dễ bị trùng lặp giữa các sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).



Sơ đồ 2.3. Sơ đồ hình thức ghi sổ kế toán Nhật ký chung của Công ty

Trình tự ghi sổ Nhật ký chung

- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên Sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

- Về nguyên tắc: Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng Cân Đối Số Phát Sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát Sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

- Căn cứ vào đặc điểm của doanh nghiệp cũng như để công tác kế toán trở nên thuận tiện và nhanh chóng hơn nên công ty quyết định sử dụng hình thức ghi sổ kế toán Nhật ký chung trên phần mềm kế toán SmartPro.

Trình tự xử lý dữ liệu theo hình thức Nhật ký chung trên phần mềm SMARTPRO

+ Hằng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán theo các phần hành đã được thiết kế sẵn trên phần mềm SmartPro.

+ Theo quy trình của phần mềm thì các số liệu được nhập tự động sẽ cập nhật vào các sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái, sổ chi tiết, Nhật ký chung,..) và các sổ, kế toán chi tiết liên quan.

+ Cuối năm, kế toán thực hiện khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Cuối cùng kế toán sẽ đối chiếu số liệu trên sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết, sau đó in ra, đóng thành quyển và lưu trữ.

Chọn tháng làm việc

Đơn vị bạn đang làm việc

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ

BACHHOA25

Chọn kỳ làm việc

Tháng: N

Năm: 2025

OK

BH

Hình 2.1. Giao diện – Cách đăng nhập vào tài khoản Công ty

2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá

2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu tại Công ty

- Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách hóa đăng ký giấy phép kinh doanh với ngành nghề chính là lắp đặt hệ thống điện, thi công lắp đặt cửa nhôm kính và cửa cuốn, cửa tự động, gia công lắp đặt cửa nhôm kính, cửa kính cường lực, buôn bán trang thiết bị dây điện, cáp điện, cầu dao, ống nước, công tắc, bóng đèn, bình nước nóng,...

- Doanh thu của công ty bao gồm doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ. Doanh thu cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong hoạt động của công ty. Theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2025 cho thấy doanh thu cung cấp dịch vụ chiếm khoảng 79,35% trên tổng doanh thu của công ty.

Doanh thu từ hoạt động bán hàng: Bao gồm bán hàng hóa như dây điện, cáp điện, ổ cắm, phích cắm, cầu dao, bình nước nóng, quạt, ống nước cho các đại lý, cửa hàng bán lẻ và khách lẻ.

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ: Thi công lắp đặt cửa nhôm kính và hệ thống cửa tự động, thi công lắp đặt cửa nhôm kính và cửa cuốn, gia công lắp đặt cửa nhôm kính, gia công lắp đặt cửa kính cường lực, quyết toán sửa chữa công trình, quyết toán chi phí nhân công sửa chữa.

- Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa đã áp dụng tính thuế GTGT phải nộp theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu chưa tính thuế GTGT và doanh nghiệp sử dụng “Hóa đơn GTGT”.

❖ *Phương thức bán hàng và phương thức thanh toán tại công ty:*

- Phương thức bán hàng:

- Bán hàng trực tiếp: Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ doanh nghiệp ký hợp đồng với khách hàng hoặc báo giá cho một gói dịch vụ. Đối với doanh thu bán hàng hóa khách hàng sẽ đến tại công ty mua hàng hoặc nhân viên sẽ giao hàng trực tiếp đến địa chỉ các khách hàng.

- Bán hàng trực tuyến: Khách hàng có thể đặt dịch vụ và hàng hóa thông qua website chính thống của công ty, điện thoại, gmail, Zalo,...

- Phương thức thanh toán:

- Thanh toán trực tiếp: Đối với các khách hàng cá nhân mua lẻ hàng hóa dịch vụ sẽ thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, quét thẻ tại công ty.

Thanh toán trả sau: Thời hạn thanh toán được quy định rõ trong hợp đồng. Khách hàng có thể thanh toán sau khi hoàn thành dịch vụ trong vòng 15 ngày, 30 ngày, 60 ngày,... tùy vào thỏa thuận khi ký kết hợp đồng. Khi thanh toán khách hàng có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng.

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Theo điều 57 thông tư 133/2016 TT-BTC, Công ty sử dụng tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ”.

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác.

Công ty sử dụng 2 tài khoản chi tiết:

- + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

2.2.1.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ *Chứng từ sử dụng:*

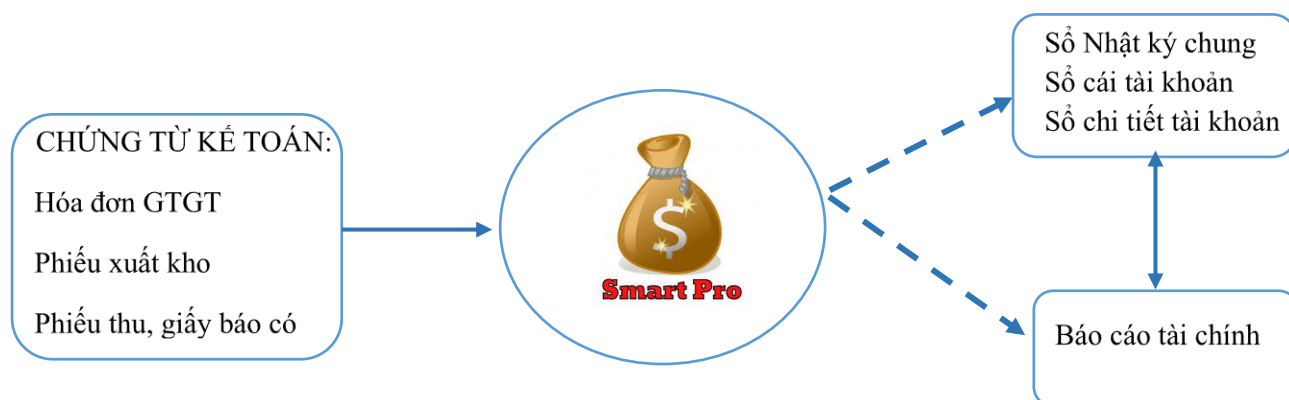
- Hợp đồng kinh tế/ Bảng báo giá;
- Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Giấy báo có của ngân hàng;
- Phiếu thu;...

❖ *Sổ sách sử dụng*

- Để theo dõi và quản lý doanh thu bán hàng hóa và doanh thu cung cấp dịch vụ, đơn vị sử dụng các sổ sách:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 511
- Sổ chi tiết tài khoản 5111, 5113

2.2.1.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và quy trình ghi sổ tại Công ty



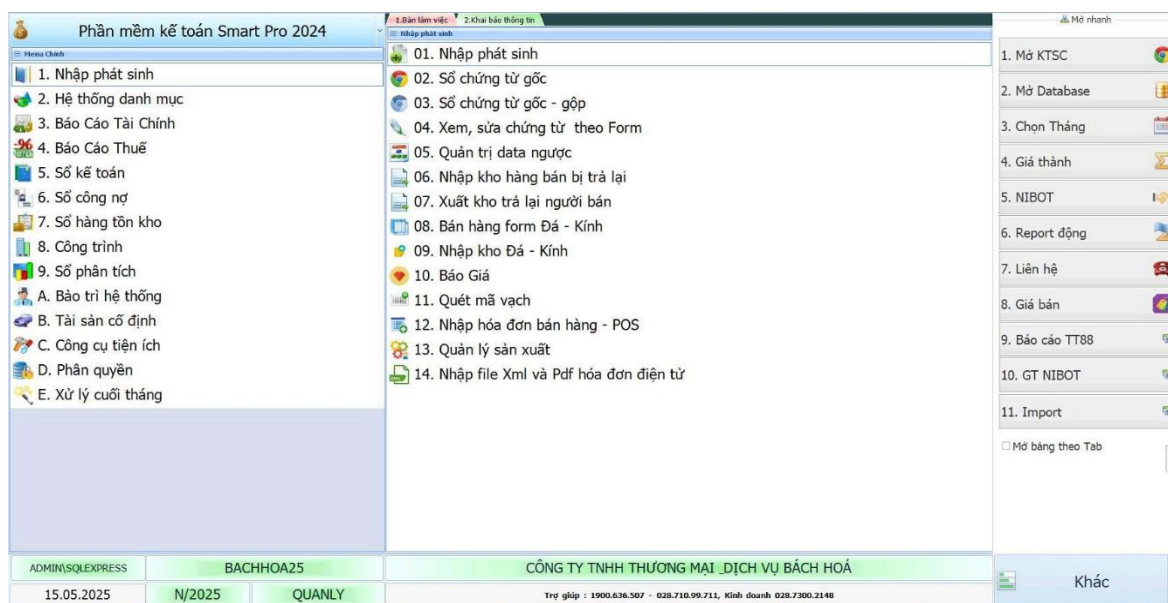
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ với quy trình bán hàng tại Công ty

Ghi chú

Nhập số liệu hằng ngày : —————>

Thực hiện cuối mỗi tháng/quý/năm : - - - - ->

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : <----->



Hình 2.2. Giao diện chính của phần mềm SmartPro

• Đối với khách lẻ:

- Khách lẻ đến trực tiếp lựa chọn hàng hóa dịch vụ và yêu cầu mua hàng -> Bộ phận bán hàng và phòng kế hoạch – vật tư sẽ trao đổi với khách hàng về yêu cầu mua.

- Khách hàng kiểm tra hàng thực tế tại chỗ và báo giá trực tiếp -> Phòng kế hoạch – vật tư sẽ lập báo giá cho khách hàng.

- Khách hàng thanh toán tiền mặt trực tiếp hoặc chuyển khoản -> Kế toán viên sẽ lập phiếu thu.

- Căn cứ vào chứng từ thanh toán -> Kế toán trưởng sẽ lập hóa đơn GTGT và phiếu xuất kho.

- Khách hàng kiểm tra hàng và mang hàng về.

- **Đối với khách hàng ký hợp đồng dịch vụ:**

Bước 1: Thiết lập giao dịch và hoàn thành dịch vụ:

- Ký kết và thực hiện: Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế và Bảng báo giá đã thống nhất, bộ phận kinh doanh phối hợp cùng bộ phận chuyên môn triển khai dịch vụ.

- Nghiệm thu khối lượng: Khi dịch vụ hoàn thành (hoặc hoàn thành từng giai đoạn), hai bên ký biên bản nghiệm thu. Đây là bằng chứng pháp lý quan trọng nhất để kế toán bắt đầu ghi nhận doanh thu theo nguyên tắc “phần công việc đã hoàn thành”.

Bước 2: Kế toán tiến hành lập chứng từ và cập nhật lên phần mềm:

- Xuất hóa đơn: Kế toán lập hóa đơn GTGT dựa trên giá trị nghiệm thu.

- Nếu khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt kế toán lập phiếu thu hoặc căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng nếu khách hàng chuyển khoản.

➤ Cả 2 phương thức bán hàng khi khách hàng kiểm tra hàng xong và khi hoàn thành dịch vụ cho khách hàng thì kế toán tiến hành xuất hoá đơn trên phần mềm VIN-HOADON và xử lý dữ liệu trên phần mềm NaNo Bot Tool để Import và phần mềm kế toán SmartPro.

Bước 1: Lập hóa đơn và chứng từ kế toán:

- Hóa đơn: Kế toán sử dụng phần mềm VIN-HOADON để xuất Hóa đơn GTGT điện tử và gửi cho khách hàng qua Email/Zalo.

- Xử lý phần mềm: Tải dữ liệu từ trang hoá đơn điện tử lên phần mềm NaNo Bot Tool -> Tự động nhập liệu và định khoản vào phần mềm Smartpro. Hệ thống tự động đẩy dữ liệu sang:

- + Phiếu xuất kho

- + Phiếu thu (nếu trả tiền ngay)

+ Sổ theo dõi công nợ (nếu chưa trả tiền).

Bước 2: Ghi nhận doanh thu, giá vốn và công nợ:

Tùy vào hình thức thanh toán, chứng từ sẽ luân chuyển như sau:

- Thanh toán ngay: Kế toán bán hàng lập phiếu thu (2 liên). Liên 1: Lưu tại quyền (kèm chứng từ gốc). Liên 2: Giao khách hàng.
- Chưa thanh toán: Theo dõi qua Sổ chi tiết công nợ (TK 131). Khi nhận tiền: Giấy báo Có từ ngân hàng.
- Tạm ứng một phần: Ghi nhận vào khoản tạm ứng, theo dõi phần còn lại.

Bước 3: Tổng hợp và báo cáo:

- Cuối kỳ: Kế toán đối chiếu số liệu giữa hóa đơn điện tử và phần mềm Smartpro.
- Ghi sổ: Nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi tiết TK 5111, 5113, 1111, 1121, 131.
- Kết chuyển: Trình bày thông tin lên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.2.1.5. Nghiệp vụ minh họa

Nghệp vụ 1: Bán hàng hóa

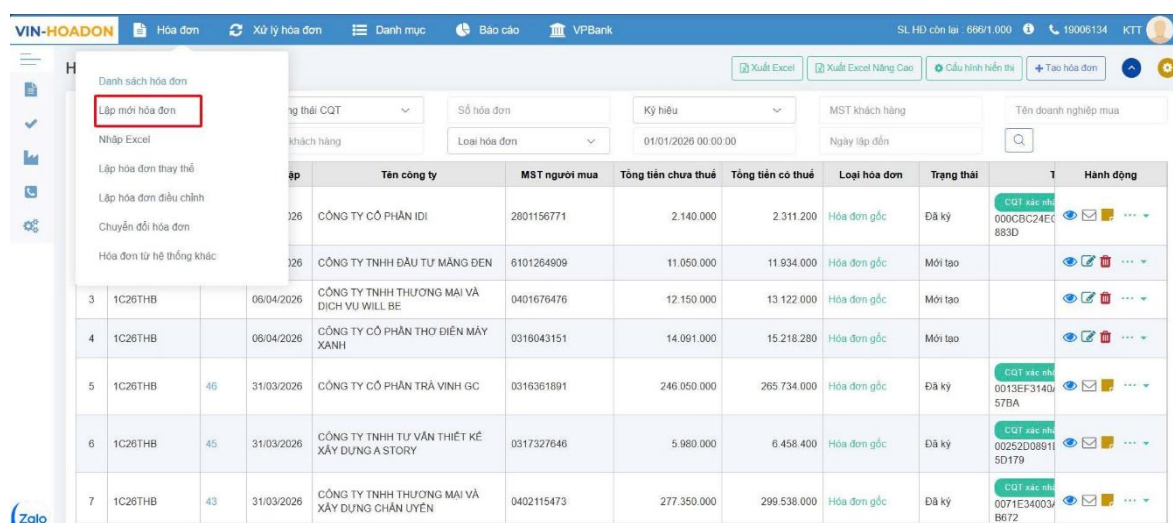
Theo hóa đơn số 23, ký hiệu 1C25THB: Ngày 17/05/2025 Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa xuất bán cho Công Ty Cổ Phần Trà Vinh. Nội dung các mặt hàng: Công tắc từ (Rờ le điện từ) MC 65a – 65A; Đế nổi CK157RH. Thành tiền trước thuế 2.428.126 đồng, tiền thuế 194.250 đồng, tổng tiền thanh toán 2.622.376 đồng và khách hàng chưa thanh toán.

Xuất hóa đơn GTGT: ngày 17/05/2025, kế toán nhận được yêu cầu lập hóa đơn bán hàng hóa tại đơn vị. Sau khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, kế toán lập hóa đơn GTGT bằng cách vào phần mềm hóa đơn điện tử VIN-HOADON để xuất hóa đơn GTGT và gửi hóa đơn GTGT qua mail/zalo,... của khách hàng.

Các bước lập hóa đơn bán ra trên VIN-HOADON

- Bước 1: Đăng nhập: Truy cập VIN-HOADON và đăng nhập tài khoản.
- Bước 2: Tạo hóa đơn mới: Chọn mục “Hóa đơn” trên menu, chọn tiếp “Lập hóa đơn mới”.

- Bước 3: Nhập thông tin: Điền đầy đủ thông tin người mua (Mã số thuế, tên công ty, địa chỉ), thông tin hàng hóa, dịch vụ (tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thuế suất).
- Bước 4: Lưu tạm và gửi nháp: Chọn “Lưu tạm”. Nên nhập email khách hàng và chọn “Gửi HD nháp” để kiểm tra lại thông tin trước khi ký chính thức.
- Bước 5: Ký hóa đơn: Khi thông tin đã chính xác, chọn “Xem hóa đơn” và nhấn “Ký”.
- Bước 6: Kiểm tra và xuất: Sau khi ký, nhấn phím F5 hoặc kiểm tra lại danh sách hóa đơn để đảm bảo CQT đã cấp mã.



The screenshot displays the VIN-HOADON software interface. On the left, a sidebar menu lists various functions, with 'Lập mới hóa đơn' (Create new invoice) highlighted in a red box. The main area shows a table of invoices with columns for ID, company name, customer ID, total amount before tax, total amount with tax, invoice type, status, and actions. The table contains 7 rows of data, including invoices from 'CÔNG TY CỔ PHẦN IDI', 'CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ MĂNG ĐEN', 'CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ WILL BE', 'CÔNG TY CỔ PHẦN THƠ ĐIỂN MÁY XANH', 'CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ VINH GC', 'CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG A STORY', and 'CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG CHÂN UYÊN'.

STT	Tên công ty	MST người mua	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền có thuế	Loại hóa đơn	Trạng thái	Hành động
126	CÔNG TY CỔ PHẦN IDI	2801156771	2.140.000	2.311.200	Hóa đơn gốc	Đã ký	CQT xác nh 000CBC24EC 883D
126	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ MĂNG ĐEN	6101264909	11.050.000	11.934.000	Hóa đơn gốc	Mới tạo	
3	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ WILL BE	0401676476	12.150.000	13.122.000	Hóa đơn gốc	Mới tạo	
4	CÔNG TY CỔ PHẦN THƠ ĐIỂN MÁY XANH	0319043151	14.091.000	15.218.280	Hóa đơn gốc	Mới tạo	
5	CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ VINH GC	0316361891	246.050.000	265.734.000	Hóa đơn gốc	Đã ký	CQT xác nh 0013EF314D 57BA
6	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG A STORY	0317327646	5.980.000	6.458.400	Hóa đơn gốc	Đã ký	CQT xác nh 00252D0891 5D179
7	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG CHÂN UYÊN	0402115473	277.350.000	299.538.000	Hóa đơn gốc	Đã ký	CQT xác nh 0071E34003 B6172

Hình 2.3. Giao diện phần mềm VIN-HOADON

- Sau khi ký hóa đơn và gửi cơ quan thuế cấp mã và số hóa đơn như hình hóa đơn GTGT bên dưới:



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial No): **1C25THB**
Số (No.): **23**

Ngày (date) 17 tháng (month) 05 năm (year) 2025
Mã CQT: 0096397B70B2CA4972A67FF26FC77E430C

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÀ
Mã số thuế (Tax code): 0402145647
Địa chỉ (Address): K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại (Tel): 0788090979 **Email:** bachhoawindows@gmail.com
Fax: **Website:**
Số tài khoản (A/C No): 6869 Ngân Hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng



Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ VINH GC
Địa chỉ (Address): 1/12 Hoàng Việt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số thuế (Tax code): 0316361891
Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản
Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Công tắc từ (Rò le điện từ) MC 65a - 65A	cái	2	1.185.188	2.370.376
2	Đế nổi CK157RH	cái	10	5.775	57.750
Cộng tiền hàng (Total amount):					2.428.126
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 194.250,08
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					2.622.376

Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÀ

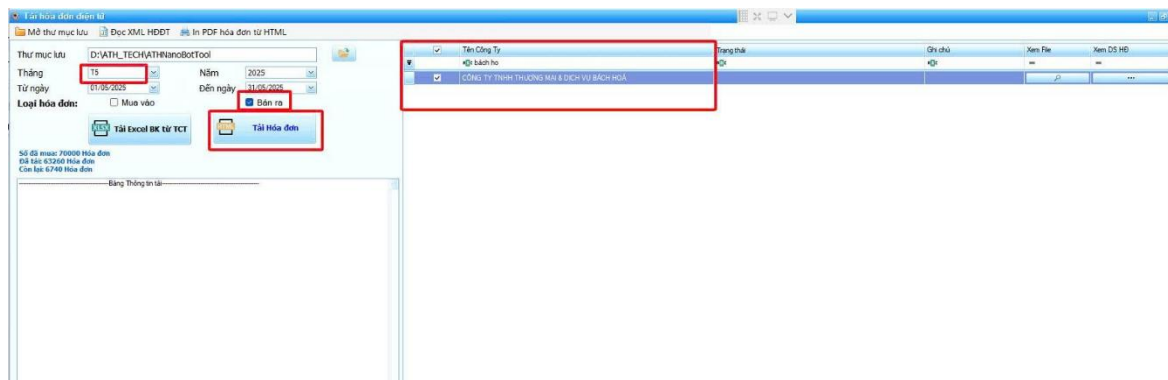
Ngày ký: 17 / 05 / 2025



Hình 2.4. Hóa đơn GTGT số 23 ngày 17/05/2025

Hằng ngày kế toán tải dữ liệu từ hóa đơn điện tử vào phần mềm NaNo Bot Tool, Nano Bot Tool xử lý các file đó, tự động chuyển đổi và nhập vào phần mềm kế toán SmartPro.

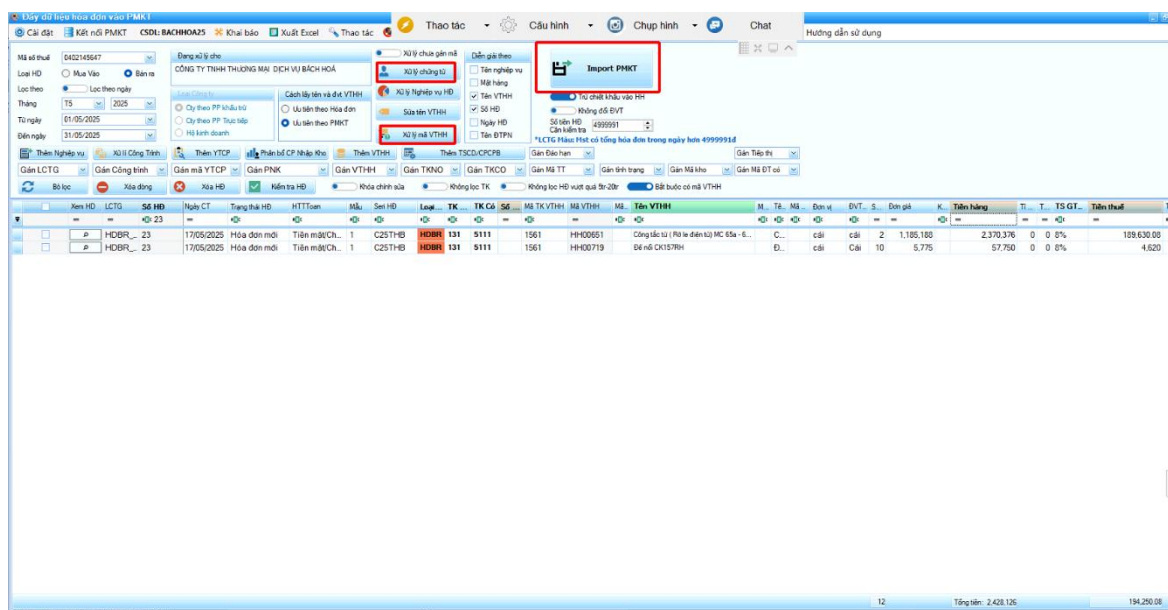
Sau khi vào phần mềm Nano Bot Tool kế toán chọn Công ty cần thực hiện “**Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa**” -> bên trái chọn thời gian cần xử lý “**Tháng 05**” -> Chọn loại hóa đơn cần tải “**Bán ra**” -> Bấm “**Tải hóa đơn**” để lấy hóa đơn từ trang <https://hoadondientu.gdt.gov.vn/>



Hình 2.5. Giao diện khi tải hóa đơn điện tử về phần mềm NaNo Bot Tool

Khi tải dữ liệu hóa đơn xong kế toán vào Import hóa đơn bằng cách kết nối “**Mã số thuế**” của công ty, bấm chọn kết nối PMKT “**BACHHOA25**” giữa phần mềm SmartPro và Nano Bot Tool. (Xem Phụ lục 3 và 4)

Sau khi kết nối thành công kế toán tiến hành xử lý dữ liệu hóa đơn như sau: Chọn hóa đơn cần thực hiện “**23**” -> bấm chọn “**Xử lý chứng từ**” gán định khoản và đối tượng pháp nhân -> sau khi định khoản xong chọn “**Xử lý VTHH**” để gán mã hàng hóa xuất -> khi thực hiện xong cách bước bấm “**Import PMKT**” dữ liệu sẽ tự đổ lên phần mềm SmartPro.



Hình 2.6. Cách xử lý hóa đơn và Import vào phần mềm SmartPro

➤ Căn cứ vào số hóa đơn 23, ký hiệu 1C25THB, ngày 17/05/2025 kế toán đã lập trên hóa đơn GTGT. Sau khi kế toán đã thực hiện xong các bước xử lý dữ liệu trên phần mềm NaNo Bot Tool, sẽ xuất hiện giao diện chứng từ **“HDBR”** trên phần mềm SmartPro như sau:

TT	TK hàng	Mã HH Xuất	Tên danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND	% CK	Chất khấu	Loại thuế	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	Ghi chú	Nhà	
1	1561	HH00651	Công tắc từ (Rơ le điện tử) MC 65a - 65A	cái	2.000	1.185,188	2.370,376	0	0	R	33311	0	189,430	2.560,006		
2	561	HH00719	Dây nối CK157H	Cá	16.000	5,775	92,750	0	0	R	33311	0	4,620	62,370		
						12,000	1,190,963	2,428,126	0	0			194,250	2,622,376		

Hình 2.7. Giao diện chi tiết chứng từ hóa đơn 23 trên phần mềm SmartPro

Sau khi Import hóa đơn vào phần mềm SmartPro, kế toán có thể vào mục **“Sổ chứng từ gốc”** để kiểm tra các hóa đơn đã được Import (Xem Phụ lục 5)

Để xem sổ Nhật ký chung nhấn chọn **“Sổ sách kế toán”** -> **“Sổ nhật ký chung”** -> Chọn kỳ muốn xem **“Tháng N”** -> Bấm **“In”** để xuất file sổ Nhật ký chung:

Hình 2.8. Xuất sổ Nhật ký chung

Tiếp theo muốn xem sổ cái các tài khoản nhấn chọn **“Sổ cái tài khoản”** -> Sau đó chọn thời gian **“Tháng N”** -> chọn tài khoản cần xem **“TK 511”** -> Bấm **“In”** để xuất file sổ cái tài khoản. (Xem Phụ lục 7)

Tương tự, muốn xem sổ chi tiết tài khoản nhấn chọn **“Sổ chi tiết tài khoản”** -> Sau đó chọn thời gian **“Tháng N”** -> chọn tài khoản cần xem **“TK 511”** -> Bấm **“In”** để xuất file sổ cái tài khoản. (Xem Phụ lục 8)

Nghiệp vụ 2: Bán nguyên liệu, vật liệu

Theo hóa đơn số 58, ký hiệu 1C25THB: Ngày 28/06/2025 Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa xuất bán nguyên vật liệu cho Công Ty Cổ Phần Trà Vinh. Nội dung các mặt hàng: Thép hộp mạ kẽm; Tôn lạnh. Thành tiền trước thuế 500.010.720 đồng, tiền thuế 50.001.072 đồng, tổng tiền thanh toán 550.011.792 đồng và khách hàng chưa thanh toán.

➤ Tương tự cách đẩy dữ liệu và Import hóa đơn từ phần Nano Bot Tool vào phần mềm SmartPro và lên các sổ sách kế toán như sau:

The screenshot shows the SmartPro software interface for entering a bill. The top section contains fields for bill type (HĐB), bill number (61891), date (28/06/25), and various tax codes. Below this is a table of items with columns for quantity, unit price, and total amount. The bottom of the screen shows a summary of the bill with a total amount of 550,011,792.

STT	Số hóa đơn	Đơn giá	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND	%	Chức năng	Loại thuế	Tỷ lệ	Tên thuế VND	Tổng tiền	Ghi chú	Nhà
1	152	NVL00017	Thép hộp mạ kẽm	kg	10,362.000	19,360	199,446,720	0	0 R	33311	10	19,944,672	219,391,392		
2	1561	HH00708	Tôn lạnh	kg	13,800.000	21,780	300,564,000	0	0 R	33311	10	30,056,400	330,620,400		

Summary of the bill:

- Tiền hàng: 500,010,720
- Tiền thuế: 50,001,072
- Tổng T. toán: 550,011,792

Hình 2.10. Giao diện chi tiết chứng từ hóa đơn 58 trên phần mềm SmartPro

Nghiệp vụ 3: Cung cấp dịch vụ

Theo hóa đơn số 25, ngày 24/05/2025 Công ty đã hoàn thành “*Thi công lắp đặt cửa nhôm kính và cửa cuốn theo hợp đồng số 1502-HĐNT2025/PGHBH ký ngày 15/02/2025 và kèm theo BBNT số 10-BBNT2025/PGH-BH ngày 24/05/2025*” tại công trình: WINMART+ cho Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Và Đầu Tư Xây Dựng Phát Gia Hưng với đơn giá chưa thuế là 61.115.230 đồng, thuế GTGT 8%.

Kế toán tiến hành lập hóa đơn dựa vào hợp đồng nguyên tắc số 1502 và biên bản nghiệm thu, số lượng: 1 gói, Đơn giá: 61.115.230 đồng, Thành tiền 66.004.448 đồng, Thuế GTGT 8%. Sau đó gửi cho khách hàng, sau khi khách hàng xác nhận đồng ý kế toán ký và xuất hoá đơn.

Căn cứ vào hợp đồng nguyên tắc số 1502, kế toán trưởng tiến hành xuất hóa đơn GTGT như sau:



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial No): **1C25THB**
Số (No.): **25**

Ngày (date) 24 tháng (month) 05 năm (year) 2025
Mã CQT: **00968A9469AA104AA9A7A25D7A231CBC2B**

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÀ
Mã số thuế (Tax code): 0402145647
Địa chỉ (Address): K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại (Tel): 0788090979 **Email:** bachhoawindows@gmail.com
Fax: **Website:**
Số tài khoản (A/C No): 6869 Ngân Hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng



Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHÁT GIA HƯNG
Địa chỉ (Address): Số 1/5/9, khu phố Đồng An 2, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Mã số thuế (Tax code): 3702188478
Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản
Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Thi công lắp đặt cửa nhôm kính và cửa cuốn theo hợp đồng số 1502-HĐNT2025/PGH-BH ký ngày 15/02/2025 và kèm theo BBNT số 10-BBNT2025/PGH-BH ngày 24/05/2025 tại công trình: WINMART+ - Địa điểm: Thửa đất 8/1 và 9/1, TĐĐ số 7, đường ĐT609C, Thôn Thanh Vân, X. Đại Cường, H. Đại Lộc, T. Quảng Nam	gói	1	61.115.230	61.115.230
Cộng tiền hàng (Total amount):					61.115.230
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	4.889.218,4
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					66.004.448

Số tiền viết bằng chữ (In words): Sáu mươi sáu triệu không trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÀ

Ngày ký: 24 / 05 / 2025



Hình 2.11. Hóa đơn GTGT số 25 ngày 24/05/2025

- Tương tự cách đẩy dữ liệu và Import hóa đơn từ phần Nano Bot Tool vào phần mềm SmartPro và lên các sổ sách kế toán (**Xem phụ lục 6**)
- Sau khi nhập dữ liệu, phần mềm sẽ tự động ghi nhận vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 511, chi tiết TK 5111, 5113.

➤ Trích sổ Nhật ký chung (Xem phụ lục số 1)

➤ Trích sổ cái Tài khoản 511

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ
K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0402145647

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
02/01/25	HD.1	02/01/25	Dịch vụ HD số: 1 Ngày: 02/01/2025	131		37.290.885
02/01/25	HD.2	02/01/25	Dịch vụ HD số: 2 Ngày: 02/01/2025	131		33.826.344
...	...	...	...	...	...	...
13/02/25	HD.60	13/02/25	Dịch vụ HD số: 60 Ngày: 13/02/2025	131		30.000.000
25/02/25	HDBR.61	25/02/25	Bán hàng HD số: 61 Ngày: 25/02/2025	131		5.103.000
...	...	...	...	...	...	...
31/03/25	HD.92	31/03/25	Dịch vụ HD số: 92 Ngày: 31/03/2025	131		110.500.000
...	...	...	...	...	...	...
15/04/25	HD.125	15/04/25	Dịch vụ HD số: 125 Ngày: 15/04/2025 - CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC NGÔ LONG	131		1.800.000.000
...	...	...	...	...	...	...
30/04/25	KC.02	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	841.865.461	
30/04/25	KC.03	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	2.037.990.411	
...	...	...	...	...	...	...
17/05/25	HDBR.23	17/05/25	Bán hàng hóa Công nợ	131		2.428.126
...	...	...	...	...	...	...
24/05/25	HD.25	24/05/25	Doanh thu dịch vụ Công nợ	131		61.115.230
...	...	...	...	...	...	...
27/06/25	HDBR.55	27/06/25	Bán hàng Ngày: 27/06/2025	131		1.000.016.800
...	...	...	...	...	...	...
28/06/25	HDBR.58	28/06/25	Bán hàng Ngày: 28/06/2025	131		500.010.720
...	...	...	...	...	...	...
28/07/25	HD.77	28/07/25	Dịch vụ HD số: 77 Ngày: 28/07/2025	131		21.416.120
28/07/25	HD.78	28/07/25	Dịch vụ HD số: 78 Ngày: 28/07/2025	131		19.532.268
...	...	...	...	...	...	...
31/08/25	KC.01	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	396.590.620	
31/08/25	KC.02	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	92.039.387	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	1.163.336.242	
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	4.344.742.822	
			CỘNG PHÁT SINH		29.227.799.216	29.227.799.216
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		29.227.799.216	29.227.799.216

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc

LÊ THỊ HOA

Hình 2.12. Trích sổ cái TK 511

➤ Trích sổ chi tiết Tài khoản 5111

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BẠCH HOÀ
K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0402145647

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu : 5111-Doanh thu bán hàng hóa
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
06/01/25	HDBR.5	06/01/25	Bán hàng HĐ số: 5 Ngày: 06/01/2025	131		242.250
...	...	...	...	...	...	...
10/01/25	HDBR.14	10/01/25	Bán hàng HĐ số: 14 Ngày: 10/01/2025	131		2.205.000
...	...	...	...	...	...	...
25/02/25	HDBR.61	25/02/25	Bán hàng HĐ số: 61 Ngày: 25/02/2025	131		5.103.000
...	...	...	...	...	...	...
31/03/25	KC.02	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	117.100.268	
...	...	...	...	...	...	...
15/04/25	HDBR.110	15/04/25	Bán hàng HĐ số: 110 Ngày: 15/04/2025	131		50.044.533
...	...	...	...	...	...	...
17/05/25	HDBR.23	17/05/25	Bán hàng hóa Công nợ	131		2.370.376
17/05/25	HDBR.23	17/05/25	Bán hàng hóa Công nợ	131		57.750
...	...	...	...	...	...	...
31/05/25	KC.02	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	823.152.028	
...	...	...	...	...	...	...
28/06/25	HDBR.58	28/06/25	Bán hàng Ngày: 28/06/2025	131		199.446.720
28/06/25	HDBR.58	28/06/25	Bán hàng Ngày: 28/06/2025	131		300.564.000
...	...	...	...	...	...	...
25/07/25	HDBR.74	25/07/25	Bán hàng HĐ số: 74 Ngày: 25/07/2025	131		2.814.120
25/07/25	HDBR.74	25/07/25	Bán hàng HĐ số: 74 Ngày: 25/07/2025	131		930.000
25/07/25	HDBR.74	25/07/25	Bán hàng HĐ số: 74 Ngày: 25/07/2025	131		571.000
25/07/25	HDBR.74	25/07/25	Bán hàng HĐ số: 74 Ngày: 25/07/2025	131		2.940
25/07/25	HDBR.74	25/07/25	Bán hàng HĐ số: 74 Ngày: 25/07/2025	131		60.900
25/07/25	HDBR.74	25/07/25	Bán hàng HĐ số: 74 Ngày: 25/07/2025	131		23.100
...	...	...	...	...	...	...
31/08/25	KC.02	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	396.590.620	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	1.163.336.242	
			Cộng phát sinh		6.036.131.416	6.036.131.416
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LÊ THỊ HOA

Hình 2.13. Trích sổ chi tiết TK 5111

➤ *Trích sổ chi tiết Tài khoản 5113*

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ

K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402145647

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 5113-Doanh thu cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
...	...	...	...	...	...	...
02/01/25	HD.1	02/01/25	Dịch vụ HĐ số: 1 Ngày: 02/01/2025	131		37.290.885
02/01/25	HD.2	02/01/25	Dịch vụ HĐ số: 2 Ngày: 02/01/2025	131		33.826.344
...	...	...	...	...	...	...
19/03/25	HD.78	19/03/25	Dịch vụ HĐ số: 78 Ngày: 19/03/2025	131		6.841.000
21/03/25	HD.79	21/03/25	Dịch vụ HĐ số: 79 Ngày: 21/03/2025	131		39.128.490
...	...	...	...	...	...	...
08/04/25	HD.98	08/04/25	Dịch vụ HĐ số: 98 Ngày: 08/04/2025	131		49.473.160
08/04/25	HD.99	08/04/25	Dịch vụ HĐ số: 99 Ngày: 08/04/2025	131		47.587.100
...	...	...	...	...	...	...
24/05/25	HD.25	24/05/25	Doanh thu dịch vụ Công nợ	131		61.115.230
...	...	...	...	...	...	...
22/10/25	HD.161	22/10/25	Gia công lắp đặt cửa nhôm kính HĐ số: 161	131		19.918.056
...	...	...	...	...	...	...
01/12/25	HD.217	01/12/25	Thực hiện theo hợp đồng 92025/HĐTC-TH-BH hạng mục G01; G02; G03; G04; G05; G06; G07; G08; G09; G10. Ngày: 01/12/2025	131		268.800.000
...	...	...	...	...	...	...
17/12/25	HD.237	17/12/25	Gia công lắp đặt CH 06 Ngày: 17/12/2025	131		150.500.000
17/12/25	HD.238	17/12/25	Thực hiện gia công lắp đặt kính thủy Ngày: 17/12/2025	131		2.226.750
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	4.344.742.822	
			Cộng phát sinh		23.191.667.800	23.191.667.800
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LÊ THỊ HOA

Hình 2.14. Trích sổ chi tiết TK 5113

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến các khoản giảm trừ doanh thu. Do đó em xin phép không trình bày kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa trong bài.

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá

2.2.3.1. Đặc điểm

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu là các khoản thu lãi từ ngân hàng.

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.3.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có.
- Sao kê ngân hàng.
- Sổ phụ ngân hàng.

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 515.

2.2.3.4. Quy trình ghi sổ

Vào mỗi tháng kế toán mang giấy giới thiệu có chữ ký của giám đốc tới ngân hàng để in sổ phụ, giấy báo nợ báo có, sao kê ngân hàng của Công ty để đối chiếu số liệu trong tháng.

Căn cứ vào giấy báo có lãi tiền gửi, sổ phụ ngân hàng hoặc sao kê tài khoản ngân hàng, kế toán nhập liệu vào phần mềm SmartPro. Kế toán chỉ nhập các ô loại chứng từ, đối tượng, ngày chứng từ, diễn giải, tài khoản nợ có, số tiền theo trên giấy báo có hoặc sao kê ngân hàng. Sau khi nhập liệu phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu lên các sổ nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản, sổ cái tài khoản 515.

Nghiệp vụ: Ngày 24/04/2025 công ty nhận giấy báo có nhận được lãi tiền gửi của ngân hàng EximBank chi nhánh Đà Nẵng. Số tiền lãi công ty nhận được là 302 đồng.

EXIMBANK		SAO KÊ TÀI KHOẢN ACCOUNT STATEMENT		Trang 7/43 Page	
Tên chủ tài khoản: Name of Account Holder: Số tài khoản: Account No.: Mở tại: At:		CONG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BẠCH HOA 6869 EIB HUNG VUONG		Loại tiền: VND Currency:	
				Ngày sao kê Statement Period Từ ngày: 01/01/2025 From: Đến ngày: 31/12/2025 To:	
Số dư kỳ trước Previous Balance		338,964		Số dư cuối kỳ Current Balance	
				486,232	
Ngày hạch toán Accounting Date	Ngày hiệu lực Value Date	Nội dung Description	Phát sinh Nợ Debit Amount	Phát sinh Có Credit Amount	Số dư Balance
		Số dư kỳ trước Previous Balance			338,964
22/04/2025	22/04/2025	Bach Hoa Thanh Toan Cong NoBach Hoa Thanh Toan Cong No qua Napas,so trace: [244752]	232,000,000		214,413,209
22/04/2025	22/04/2025	Bach Hoa Thanh Toan Cong NoBach Hoa Thanh Toan Cong No qua Napas,so trace: [245668]	213,144,481		1,268,728
24/04/2025	24/04/2025	6869:Int.Pd:25-03-2025 to 24-04-2025 Interest run		302	1,269,030
29/04/2025	29/04/2025	HD113+114+115+116+117+118+119+120+123+124+126+107+94 CÔNG TY CP TRA VINH GC 01203001 NH Ngoại Thương VN		107,240,268	108,509,298

Hình 2.15. Trích sao kê ngân hàng EXIMABANK ngày 24/04/2025

Hàng ngày căn cứ vào sao kê ngân kế toán tiến hành ghi nhận lãi tiền gửi vào phân hệ “**Nhập phát sinh**” trên phần mềm SmartPro.

Đăng nhập vào tài khoản công ty chọn “**Nhập phát sinh**” -> Loại chứng từ “**CTNH**” để nhập dữ liệu -> Kiểm tra lại nội dung số tiền -> “**Lưu**”.(Xem Phụ lục9)

Sau khi nhập đầy đủ thông tin sẽ có được giao diện như sau:

NHẬP PHÁT SINH													
Loại ctừ	CTNH	Mã KH		Seri HD		Số HD		Ngày HD	24/04/25				
Số ctừ	000115/01	Ngày ctừ	24/04/25	HD VAT	X	STT	2	Số ctừ	Ngày				
Diễn giải	Thu lãi tiền gửi ngân hàng												
TK Nợ	1121_EX	Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam											
ĐTPN Nợ													
YTCP Nợ													
TK Có	515	Doanh thu hoạt động tài chính											
ĐTPN Có													
Tỷ giá		Tiền VND: 302 TS: 1331 Thuế VND: 0 Tổng tiền: 302											
Tỷ giá USD		0.00 0.00											
TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình
1			24/04/25	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121	515	302	0	0	302			
Tiền hàng: 302 Tiền thuế: 0 Tổng T. toán: 302													

Hình 2.16. Giao diện hạch toán sao kê ngân hàng EXIMBANK ngày 24/04/2025

Phần mềm sẽ hiển thị như giao diện trên và đồng thời sẽ tự cập nhập lên sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 515,...

➤ **Sổ Nhật ký chung (Xem phụ lục số 1).**

➤ **Sổ cái tài khoản 515**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ
K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0402145647

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
24/01/25	CTNH.00 0048/01	24/01/25	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121_EX		8.616
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	8.616	
...	...	...	...	...	...	...
24/04/25	CTNH.00 0115/01	24/04/25	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121_EX		302
...	...	...	...	...	...	...
24/06/25	CTNH.00 0231/01	24/06/25	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121_EX		4.893
...	...	...	...	...	...	...
30/06/25	CTNH.00 0991/01	30/06/25	lãi tiền gửi	1121_SCB		933
30/06/25	KC.03	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	5.826	
...	...	...	...	...	...	...
24/12/25	CTNH.00 0810/01	24/12/25	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121_EX		3.476
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	3.476	
			CỘNG PHÁT SINH		27.102	27.102
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		27.102	27.102

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc
LÊ THỊ HOA

Hình 2.17. Trích sổ cái TK 515

2.2.4. Kế toán thu nhập khác tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến các khoản thu nhập khác. Do đó em xin phép không trình bày kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa trong bài.

2.2.5. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá

2.2.5.1. Đặc điểm giá vốn tại Công ty

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và áp dụng tính giá xuất kho phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập để xác định giá trị hàng xuất kho. Sau mỗi lần nhập hàng, kế toán tiến hành xác định lại đơn

giá bình quân bằng cách lấy tổng giá trị tồn kho trước nhập cộng với giá trị nhập trong kỳ, chia cho tổng số lượng tương ứng. Đơn giá này được sử dụng để tính giá vốn cho các lần xuất kho tiếp theo cho đến khi phát sinh lần nhập mới. Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân HTK i sau lần nhập thứ n	=	$\frac{\text{Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Trị giá thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n}}{\text{Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Số lượng hàng i nhập kho ở lần nhập thứ n}}$
--	---	--

2.2.5.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

2.2.5.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu xuất kho.

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 632

2.2.5.4. Quy trình ghi sổ

- Khi phòng kế hạch – vật tư xuất hàng hóa để bán cho khách hàng, kế toán trưởng lập hóa đơn GTGT nhằm xác nhận số lượng hàng thực tế xuất ra.

- Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT để nhập dữ liệu lên phần mềm SmartPro, phần mềm sẽ tự động tính toán và cập nhật giá vốn của hàng được xuất giao cho khách hàng và tạo phiếu xuất kho tương ứng.

- Dữ liệu được tự động ghi nhận vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 632 – Giá vốn hàng bán, để theo dõi các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ.

- Để tính được giá vốn theo phương pháp bình quân giá quyền sau mỗi lần nhập, trước khi tính giá vốn kế toán cần khai báo tham số hệ thống. Vào mục “**Khai báo thông tin**” -> Chọn “**Cài đặt thông số**”. Ở dòng ID14 Phương pháp đánh giá hàng tồn kho chọn “**BQGQL**”. Tiếp tục ở dòng ID26 danh sách tài khoản sổ vật tư hàng hóa chọn “**152,1521,153,155,156,1561**”.

IDV	Tên	Giá trị	Ghi chú	ĐD	Trạng thái	Giá trị 2
ID10	Theo dõi công nợ theo từng hợp đồng	F	T - C6,F - Không		0	
ID11	Danh sách tài khoản SỐ CÔNG NỢ THEO ... ('1311')		Bắt buộc phải đặt tài khoản trong dấu ''		0	
ID12	Danh sách các tài khoản DOANH THU ('S11','S111','S112','S113','S114','711','3387')		Bắt buộc phải đặt tài khoản trong dấu ''		0	
ID13	Danh sách tài khoản SỐ THEO DÕI CÔNG ... (*)		Bắt buộc phải đặt tài khoản trong dấu ''		0	
ID14	Phương pháp đánh giá hàng tồn kho	BQQL	(BQQL-Bình quân gia quyền,NTXT-Nhập...		0	
ID15	Theo dõi nhiều kho	F	T - C6,F - Không		0	
ID16	Thư mục lưu file XML của HTTK 130	D:\HTTK_v4.4.8\DataFiles	(Thư mục lưu Datafile của HTTK)		0	
ID17	Tổng hợp chi phí theo TK,ĐTPN,YTCTP	F	T - C6,F - Không		0	
ID18	Tổng hợp chi phí theo công trình	F	T - C6,F - Không		0	
ID19	Danh sách tài khoản SỐ CÔNG NỢ THEO ... ('131','331','141','136','336')		Bắt buộc phải đặt tài khoản trong dấu ''		0	
ID20	Theo dõi doanh thu theo CÔNG TRÌNH	F	T - C6,F - Không		0	
ID21	Đường dẫn Thư mục SMART	D:\NANGDONG\PMKT\SMART\	(Thư mục lưu Hệ thống file mẫu)		0	
ID22	Danh sách tài khoản SỐ CÔNG NỢ THEO ... ('1311','1312','131')		Bắt buộc phải đặt tài khoản trong dấu ''		0	
ID23	Theo dõi chi phí theo yêu cầu chi phí	F	T - C6,F - Không		0	
ID24	Danh sách tài khoản SỐ YẾU TỐ CHI PHÍ ('6428','641')		Bắt buộc phải đặt tài khoản trong dấu ''		0	
ID25	Danh sách tài khoản SỐ TỔNG HỢP CHI ... ('6428','641')		Bắt buộc phải đặt tài khoản trong dấu ''		0	
ID26	Danh sách tài khoản SỐ VẬT TƯ HÀNG H... ('1521','156','1561','155','002','152','153')		Bắt buộc phải đặt tài khoản trong dấu ''		0	
ID27	Tên file menu BAI	DIYMENUC SOFTWARE			0	
ID28	Theo dõi hàng hóa theo từng lô	F	T - C6,F - Không (T - khi sử dụng PP xuât...		0	

Hình 2.18. Giao diện khai báo tham số hệ thống trên phần mềm SmartPro

Nhiệm vụ 1: Nối tiếp nghiệp vụ 1 phần doanh thu tính giá vốn của hóa đơn GTGT số 23 ngày 17/05/2025 đã bán cho Công Ty Cổ Phần Trà Vinh GC.

- Công ty áp dụng tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập, nên tại thời điểm xuất kho thì đã được cập nhật đơn giá và thành tiền vào phiếu xuất kho. Cuối ngày kế toán in ra 1 lần và kẹp với chứng từ đi kèm.
- Sau mỗi lần nhập kế toán tiến hành tính giá vốn trên phần mềm SmartPro theo thứ tự các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm SmartPro sau khi đã Import và xử lý dữ liệu các hóa đơn vào phần mềm, kế toán tiến hành tính giá vốn. (Xem Phụ lục 10)

Bước 2: Kế toán vào menu chính chọn “**Xử lý cuối tháng**” -> Chọn tab 3 “**Xử lý đơn giá xuất kho**” -> Chọn mục 01 “**Bình quân theo tháng**” để chạy giá vốn. Sau khi chọn bấm chọn xong màn hình sẽ hiển thị ô như sau:

The screenshot shows a software window titled "Xử lý lại đơn giá và giá trị xuất kho của Vật Tư, Hàng Hóa, Thành Phẩm". The interface includes a sidebar on the right with 11 menu items: 1. Mở KTSC, 2. Mở Database, 3. Chọn Tháng, 4. Giá thành, 5. NIBOT, 6. Report động, 7. Liên hệ, 8. Giá bán, 9. Báo cáo TT88, 10. GT NIBOT, 11. Import. The main area is divided into sections for selecting the month (Tháng 5), start/end dates (01/05/25 to 31/05/25), and accounts (Tài khoản: 1521,156,1561,155,002,152,153). A "Xử lý" button is highlighted. The bottom status bar shows user information: ADMIN(SQLEXPRESS), BACHHOA25, CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BÁCH HOÁ, and a date of 15.05.2025.

Hình 2.19. Giao diện tính giá xuất kho tháng 5 trên phần mềm

- Kế toán tiếp tục chọn “**Xử lý theo ngày**” và chọn tháng cần xử lý “**Tháng 5**” sẽ hiện ra ngày bắt đầu 01/01/2025 ngày kết thúc 31/05/2025 -> Chọn các tài khoản cần xử lý giá vốn rồi kích chọn “**Xử lý**”. Màn hình hiện lên “**Đã xử lý xong**” chọn “**OK**”. Kết chuyển xong giá vốn, số liệu giá vốn sẽ tự động được cập nhật vào phiếu xuất kho của từng hóa đơn trong kỳ đó.

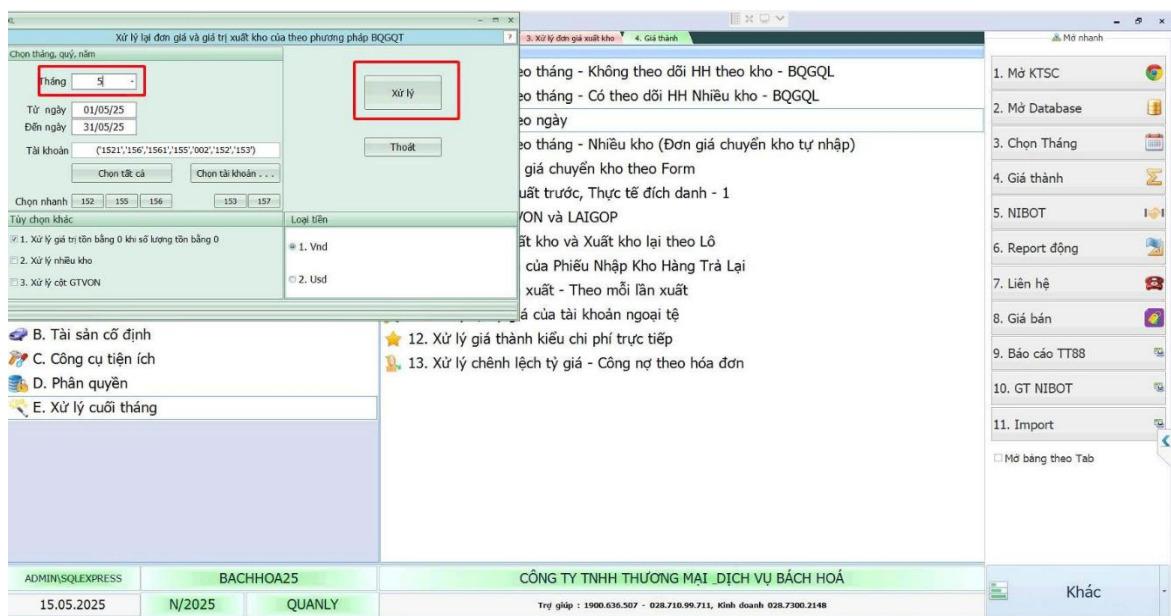
Bước 3: Sau khi phần mềm xử lý xong ở bước 2 kế toán tiến hành chọn mục 03 “**Bình quân theo ngày**” để giúp kế toán xác định số lượng hàng tồn kho ngay tại mỗi ngày có phát sinh nghiệp vụ xuất kho, dựa trên lượng hàng tồn ngay trước thời điểm xuất kho đó.

Kế toán chọn tháng cần thực hiện “**Tháng 5**” và bấm chọn “**Xử lý**” màn hình hiện lên “**Đã xử lý xong**” bấm chọn “**OK**” để hoàn tất quá trình xác định đơn giá xuất và số lượng hàng xuất. Nếu có hiện thị thông báo hàng âm thì cần phải chỉnh sửa mã hàng hóa và những mặt hàng âm sẽ không hiện thị đơn giá, thành tiền. Nếu không hiện thông báo gì tức đã hoàn thành hàng hóa không còn âm.

Các trường hợp âm hàng ví dụ như:

+ Do thiếu hàng hóa: Số lượng tồn kho ít hơn số lượng xuất bán, kế toán nên đàm phán với khách hàng lập hóa đơn thay thế hoặc hóa đơn điều chỉnh cho hàng bị âm.

+ Do không đồng bộ giữa mã hàng hóa nhập vào và mã hàng hóa bán ra, kế toán cần điều chỉnh khớp mã hàng hóa.



Hình 2.20. Giao diện xử lý hàng hóa tháng 5 trên phần mềm

Tháng	Năm	Database	BACHHOA25	SỐ HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	ĐTPN Nợ	TK Có	Ngày Có	Mã HH	Tên danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND	% CK	% CK2	Chiết khấu	Chiết khấu
5	2025	BACHHOA25	BS	23	17/05/25	Xuất kho theo HD số: 23, 17/05/25	632	61891	1561	6...	HH00651	Công tắc từ (trả về đến từ) MC 65A - 65A	cái	2.000	1.006,212	2.016,425	0	0	0	0
5	2025	BACHHOA25	BS	23	17/05/25	Xuất kho theo HD số: 23, 17/05/25	632	61891	1561	6...	HH00719	Đèn LED CK157RH	Cái	10.000	4,243	42,430	0	0	0	0

Hình 2.21. Giao diện giá vốn hóa đơn số 23 ngày 17/05/2025 trên phần mềm SmartPro

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOẢ
K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
MST : 0402145647

Mẫu số : 02-VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 17 tháng 5 năm 2025

Số : 23

Nợ : 632

Có : 1561

Họ tên người nhận hàng :	CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ VINH GC					
Tên khách hàng :	CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ VINH GC					
Theo hóa đơn số :	23					Ngày : 17/05/2025
Xuất tại kho :	Kho công ty					
STT	Mã	Tên hàng hóa, thành phẩm, nguyên liệu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	HH00651	Công tắc từ (Rơ le điện từ) MC 65a - 65A	cái	2	1,008,212	2,016,425
2	HH00719	Đế nối CK157RH	Cái	10	4,243	42,430
Tổng cộng :						2,058,855
Số tiền viết bằng chữ :		Hai triệu không trăm năm mươi tám nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng				
Người lập (Ký, họ tên)		Người nhận hàng (Ký, họ tên)		Thủ kho (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)

Hình 2.22. Giao diện phiếu xuất kho hóa đơn số 23 ngày 17/05/2025

Giải thích đơn giá xuất của hàng hóa “Đế nối CK157RH”:

Ngày 17/05/2025, do số dư đầu kỳ của mặt hàng bằng 0, đơn giá bình quân thời điểm được xác định ngay sau lần nhập đầu tiên này là:

$$\text{Đơn giá bình quân thời điểm} = \frac{678.880}{160} = 4.243$$

Sổ chi tiết VTHH – Đế nối CK157RH (Xem phụ lục 24)

Nghiệp vụ 2: Nối tiếp nghiệp vụ 2 phần doanh thu tính giá vốn của hóa đơn GTGT số 58 ngày 28/06/2025 đã bán cho Công Ty Cổ Phần Trà Vinh GC.

➤ Tương tự cách tính giá vốn của nghiệp vụ 1, có được phiếu xuất kho như sau:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ
K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
MST : 0402145647

Mẫu số : 02-VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 28 tháng 6 năm 2025

Số : **58**

Nợ : 632

Có : 152

Họ tên người nhận hàng :	CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ VINH GC					
Tên khách hàng :	CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ VINH GC					
Theo hóa đơn số :	58	Ngày :		28/06/2025		
Xuất tại kho :	Kho công ty					
STT	Mã	Tên hàng hóa, thành phẩm, nguyên liệu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	NVL00017	Thép hộp mạ kẽm	kg	10302	17,602	181,333,480
2	HH00708	Tôn lạnh	Kg	13800	19,800	273,240,000
Tổng cộng :						454,573,480
Số tiền viết bằng chữ : Bốn trăm năm mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi đồng						
Người lập (Ký, họ tên)		Người nhận hàng (Ký, họ tên)		Thủ kho (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)

Hình 2.23. Giao diện phiếu xuất kho hóa đơn số 58 ngày 28/06/2025

Nghiệp vụ 3: Nối tiếp nghiệp vụ 3 phần doanh thu tính giá vốn của hóa đơn GTGT số 25 ngày 24/05/2025 đã bán cho Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Và Đầu Tư Xây Dựng Phát Gia Hưng với nội dung là “*Thi công lắp đặt cửa nhôm kính và cửa cuốn*”.

Đối với hoạt động thi công thì công ty sẽ tập hợp toàn bộ chi phí vào tài khoản 154. Tức là tất cả chi phí như nguyên vật liệu, nhân công và chi phí chung phát sinh trong quá trình thi công đều được đưa vào tài khoản 154 để theo dõi.

Sau khi tập hợp xong, khi sản phẩm hoàn thành thì kế toán sẽ kết chuyển từ 154 sang giá vốn TK 632. Lúc đó giá vốn sẽ được xác định dựa trên tổng chi phí đã tập hợp trong TK 154 chia cho số lượng sản phẩm hoàn thành, đồng thời có điều chỉnh phần dở dang nếu còn.

- Đầu năm, kế toán khi mở Data dữ liệu cho năm tài chính mới, tiến hành khai báo tài khoản chi phí tính giá thành: Vào Menu chính chọn Công trình -> Chọn “**Khai báo công trình**” -> Chọn “**Khai báo tài khoản doanh thu và chi phí**”.

Hình 2.24. Giao diện khai báo tài khoản doanh thu và chi phí

Để tính giá xuất kho cho công trình “*Thi công lắp đặt cửa nhôm kính và cửa cuốn*”, kế toán thực hiện các bước sau:

Bước 1: Khai báo danh mục công trình (Xem Phụ lục số 11)

Bước 2: Nhập phát sinh cho công trình (Xem phụ lục số 11)

Bước 3: Tính giá thành công trình:

- Sau khi nhập phát sinh và khai báo tài khoản doanh thu chi chi phí xong kế toán bắt đầu đi tính giá thành công trình như sau:

a. Tổng hợp chi phí công trình, ở Menu chính chọn “**Công trình**” -> Chọn tab 3 “**Xử lý giá thành**” -> chọn mục “**Xử lý giá thành công trình**” -> chọn “**Xử lý**”.

Hình 2.25. Giao diện tập hợp chi phí và xử lý giá thành công trình

b. Tiếp tục ở tab 3 “**Xử lý giá thành**” -> Chọn “**Kết chuyển giá vốn – 1 công trình**”, Sau đó chọn tháng cần xử lý “**Tháng 5**” -> “**List và Xử lý giá thành**” -> Chọn

công trình muốn kết chuyển ở ô Công trình “**HD025**”-> “**Thêm**” -> Sau cùng chọn “**Hạch toán vào KTSC**”

Công trình	Kết chuyển vào 632	Tỷ lệ	Dỡ dăng cuối kỳ	Lấy kế chi phí	DT Hợp Đồng ->	DT Trong Kỳ ->	DT Lấy kế ->
Nguyên liệu	36,387,963	0.0	36,387,963	36,387,963			
Nhân công	33,041,819	0.0	33,041,819	33,041,819			
Máy thi công	0	0.0	0	0			
SX chung	0	0.0	0	0		61,115,230	
Tổng cộng	69,429,782		69,429,782	69,429,782			61,115,230

Hình 2.26. Giao diện kết chuyển giá vốn – 1 công trình

- Sau khi xử lý giá thành công trình xong dữ liệu sẽ tự động nhập lên các sổ sách kế toán và báo cáo công trình như sau:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÀ

K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402145647

CHI TIẾT CHI PHÍ VÀ DOANH THU THEO CÔNG TRÌNH

Công trình : HD025 - Gia công theo HD025 ngày 24/05/25

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Chứng từ			Hóa đơn		Diễn giải	Số tiền				Tổng	
Loại	Số	Ngày	Số	Ngày		621	622	623	627	62*	511*
HD	25	24/5/2025	25	24/5/2025	Doanh thu dịch vụ Công nợ						61,115,230
PXKNL	000052/0	24/5/2025			Xuất kho mvl theo HD025 ngày 24/05/25	28,800,000				28,800,000	
PXKNL	000052/0	24/5/2025			Xuất kho mvl theo HD025 ngày 24/05/25	7,587,963				7,587,963	
PKT	000002/0	24/5/2025			Hạch toán lương nhân công tháng 5		33,041,819			33,041,819	
Tổng cộng						36,387,963	33,041,819			69,429,782	61,115,230

Thủ quỹ

Kế toán trưởng
PHẠM THỊ NHƯ Ý

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc
LÊ THỊ HOA

Hình 2.27. Giao diện chi tiết chi phí và doanh thu theo công trình HD 25

- Trích sổ Nhật ký chung (Xem phụ lục số 1)
- Công ty không sử dụng sổ chi tiết TK 632
- Trích sổ cái Tài khoản 632

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ
K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0402145647

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :632 - Giá vốn hàng bán
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
...	...	...	...	...	...	...
14/01/25	PXK.30	14/01/25	Xuất kho theo HD số : 30,14/01/25	1561	2.075.586	
14/01/25	PXK.32	14/01/25	Xuất kho theo HD số : 32,14/01/25	1561	500.558	
...	...	...	...	...	...	...
06/03/25	PXK.66	06/03/25	Xuất kho theo HD số : 66,06/03/25	1561	8.511.291	
12/03/25	PXK.68	12/03/25	Xuất kho theo HD số : 68,12/03/25	1561	635.558	
...	...	...	...	...	...	...
14/04/25	PXK.107	14/04/25	Xuất kho theo HD số : 107,14/04/25	1561	2.580.000	
14/04/25	PXK.108	14/04/25	Xuất kho theo HD số : 108,14/04/25	1561	2.580.000	
...	...	...	...	...	...	...
17/05/25	PXK.23	17/05/25	Xuất kho theo HD số : 23,17/05/25	1561	2.058.855	
...	...	...	...	...	...	...
31/05/25	GV.001	31/05/25	KC chi phí dở dang nhân công vào 632, Công trình : HD025	154	69.429.782	
...	...	...	...	...	...	...
27/06/25	PXK.55	27/06/25	Xuất kho theo HD số : 55,27/06/25	152	909.137.996	
...	...	...	...	...	...	...
28/06/25	PXK.58	28/06/25	Xuất kho theo HD số : 58,28/06/25	152	454.573.480	
...	...	...	...	...	...	...
25/07/25	PXK.74	25/07/25	Xuất kho theo HD số : 74,25/07/25	1561	3.827.628	
25/07/25	PXK.75	25/07/25	Xuất kho theo HD số : 75,25/07/25	1561	2.936.502	
...	...	...	...	...	...	...
20/08/25	PXK.98	20/08/25	Xuất kho theo HD số : 98,20/08/25	1561	56.164.221	
20/08/25	PXK.99	20/08/25	Xuất kho theo HD số : 99,20/08/25	1561	17.289.201	
...	...	...	...	...	...	...
20/10/25	PXK.159	20/10/25	Xuất kho theo HD số : 159,20/10/25	1561	19.384.792	
21/10/25	PXK.160	21/10/25	Xuất kho theo HD số : 160,21/10/25	1561	16.039.585	
...	...	...	...	...	...	...
12/12/25	PXK.227	12/12/25	Xuất kho theo HD số : 227,12/12/25	1561	6.391.548	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	PXK.283	31/12/25	Xuất kho theo HD số : 283,31/12/25	1561	120.892.819	
			CỘNG PHÁT SINH		28.168.774.381	28.168.774.381
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		28.168.774.381	28.168.774.381

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HOA

Hình 2.28. Trích sổ cái tài khoản 632

2.2.6. Kế toán Chi phí tài chính tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá

2.2.6.1. Nội dung

- Chi phí tài chính là chi phí liên quan đến hoạt động cho vay hoặc đi vay vốn, chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư và các khoản chi tài chính khác,... Trong năm 2025, chỉ phát sinh chi phí lãi vay.

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- Để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 635 “*Chi phí tài chính*”. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển hết sang tài khoản 911 “*Xác định kết quả kinh doanh*” nên không có số dư cuối kỳ.

2.2.6.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Ủy nhiệm chi
- Sổ phụ ngân hàng
- Giấy báo nợ

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 635

2.2.6.4. Quy trình hạch toán

Sau khi kế toán nhận được báo nợ trả khoản lãi vay, căn cứ vào sao kê giao dịch chuyển khoản thì tiến hành ghi sổ trên phần mềm. Nếu có hóa đơn GTGT bên ngân hàng xuất cho công ty thì kế toán chọn nhập dữ liệu theo sao kê ngân hàng hoặc Import Hóa đơn vào phần mềm để không bị trùng nghiệp vụ.

Nghiệp vụ: Ngày 10/06/2025 Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa đã trả lãi vay cho Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (SCB) với số tiền thanh toán 7.240.041 đồng. Công ty đã thanh toán lãi vay bằng chuyển khoản.



Mẫu số 1
Ký hiệu: K25TAB
Số: 103986

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 10 tháng 06 năm 2025

MCCQT:

Tên người bán: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Sông Hàn

Mã số thuế: 0301103908-072

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: CONG TY TNHH THƯƠNG MAI & DỊCH VỤ BẠCH HOA

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0402145647

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tỉnh chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1			THU LAI VAY QU A HAN PDLD2512 700093		1			KCT	7.240.041

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	7.240.041
			Tổng giảm trừ không chịu thuế	
			Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	0
			Tổng tiền phí	0
			Tổng tiền chiết khấu thương mại	
			Tổng giảm trừ khác	0
			Tổng tiền thanh toán bằng số	7.240.041
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 2.29. Hóa đơn số 103986 trả lãi ngân hàng

SACOMBANK



SỐ PHỤ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KHÔNG KỲ HẠN

ACCOUNT STATEMENT

Từ ngày: 01/01/2025 Đến ngày: 31/12/2025

---oOo---

Số tài khoản/Account no:

0788090979

Tên khách hàng

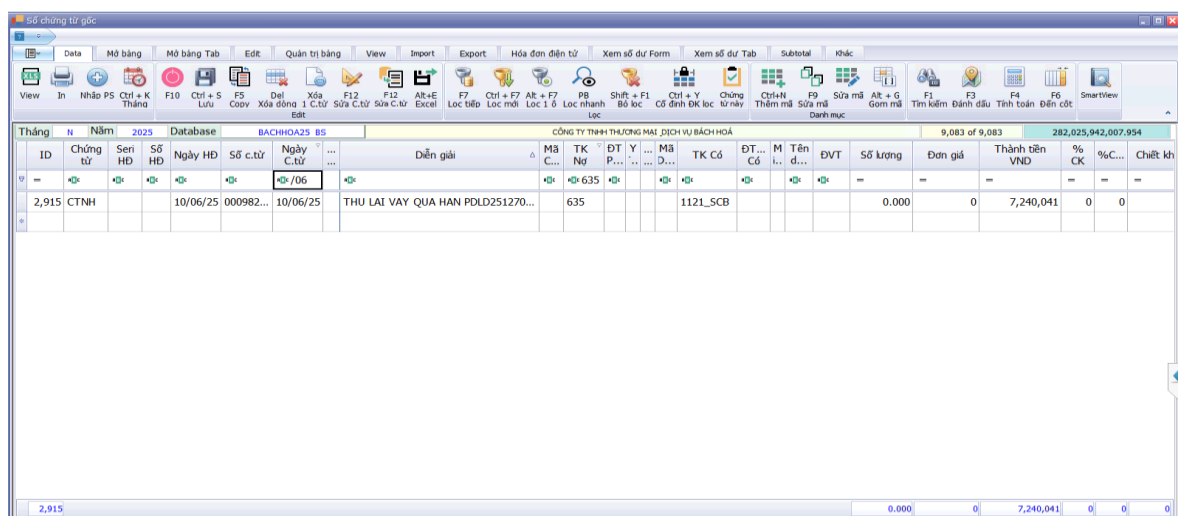
Account holder:

CONG TY TNHH THƯƠNG MAI & DỊCH VỤ BACH HOA

STT No	Ngày giao dịch Booking date (*)	Ngày hiệu lực Value date (*)	Số giao dịch Txn ID	Diễn giải Description	Số tiền rút Debit	Số tiền gửi Credit
...	...	...	...	...	...	...
1	01/04/2025 00:07:17	31/03/2025	04012056935 1-20250331	CHI LẠI TK TIEN GUI 0788090979		110
2	08/04/2025 09:14:05	08/04/2025	FT2509804D YQ	LE THI HOA chuyen tien CKN 293249 - MBBANK IBFT - Ngân hàng TMCP Quân Đội		6,700,000
3	08/04/2025 18:32:41	08/04/2025	TT25098FZH VZ	CONG TY TNHH THƯƠNG MAI & DỊCH VỤ BACH HOA CK TVAY	6,630,103	
19	14/05/2025 11:02:33	14/05/2025	FT25134TZJ9 Y	PHI IB - CK NHANH NGOAI HE THONG N	19,973	
20	14/05/2025 11:02:33	14/05/2025	FT25134TZJ9 Y	cong ty bach hoa thanh toan cong no CKN 078890	363,144,320	
...	...	...	...	...	...	...
33	10/06/2025 08:13:22	10/06/2025	TT25161QHT XT	CK THU TIEN VAY CTY BACH HOA	7,240,041	
...	...	...	...	...	...	...
51	10/07/2025 09:09:38	10/07/2025	TT25191YMG FN	CK TVAY CTY BACH HOA	7,489,698	
...	...	...	...	...	...	...

Hình 2.30. Sao kê ngân hàng trả tiền lãi cho ngân hàng vào ngày 10/06/2025

Kế toán sau khi nhận được sao kê ngân hàng và hóa đơn tiến hành nhập liệu lên phần mềm. Vào “**Nhập phát sinh**” -> Chọn loại chứng từ “**CTNH**” -> Ngày chứng từ “**10/06/25**” -> Ghi nhận số tiền đã trả lãi cho ngân hàng -> Kiểm tra nội dung, định khoản và số tiền đúng -> Bấm “**Lưu**”. Sau khi thực hiện xong có giao diện như sau:



Tháng	N	Năm	Database	BACHHOA25	BS	Diễn giải	Mã C...	TK N...	ĐT...	Mã...	TK C...	ĐT...	M...	Tên...	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND	% CK	% C...	Chết kh
10/06		2025	10/06/25	000982...	10/06/25	THU LẠI VAY QUA HẠN PDL251270...	635				1121_SCB					0.000	0	7,240,041	0	0	0

Hình 2.31. Giao diện hạch toán trả lãi cho ngân hàng tháng 6

Sau khi hạch toán vào phần mềm xong, các thông tin sẽ được tự động nhập vào các sổ Nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết,...

Cuối năm, kế toán in sổ Nhật ký chung, sổ Cái,... để lưu trữ.

- *Sổ Nhật ký chung (Xem phụ lục số 1).*
- *Công ty không sử dụng sổ chi tiết TK 635*
- *Sổ Cái tài khoản 635*

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ
K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0402145647

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI
Mã hiệu :635 - Chi phí tài chính
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
08/04/25	CTNH.000955/01	08/04/25	THU LAI VAY QUA HAN PDLĐ2430900174	1121_SCB	6.630.103	
30/04/25	KC.06	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		6.630.103
10/06/25	CTNH.000982/01	10/06/25	THU LAI VAY QUA HAN PDLĐ2512700093	1121_SCB	7.240.041	
30/06/25	KC.05	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		7.240.041
10/07/25	CTNH.000997/01	10/07/25	THU LAI VAY QUA HAN PDLĐ2512700093	1121_SCB	7.489.698	
31/07/25	KC.05	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		7.489.698
11/08/25	CTNH.001007/01	11/08/25	THU LAI VAY QUA HAN PDLĐ2512700093	1121_SCB	7.741.472	
31/08/25	KC.05	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		7.741.472
08/09/25	CTNH.001013/01	08/09/25	THU LAI VAY QUA HAN PDLĐ2512700093	1121_SCB	7.735.119	
30/09/25	KC.05	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		7.735.119
10/10/25	CTNH.001019/01	10/10/25	THU LAI VAY QUA HAN PDLĐ2512700093	1121_SCB	7.489.689	
31/10/25	KC.05	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		7.489.689
07/11/25	CTNH.001024/01	07/11/25	THU LAI VAY QUA HAN PDLĐ2512700093	1121_SCB	7.721.831	
30/11/25	KC.05	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		7.721.831
			CỘNG PHÁT SINH		52.047.953	52.047.953
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		52.047.953	52.047.953

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc

LÊ THỊ HOA

Hình 2.32. Trích sổ cái tài khoản 635

2.2.7. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá

2.2.7.1. Nội dung

- Bao gồm các khoản chi liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành doanh nghiệp mà không trực tiếp gắn liền với hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm,...

Cụ thể:

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Cước dịch vụ viễn thông, chi phí dùng cho văn phòng (giấy in, bút), chi phí tiếp khách, chi phí lệ phí môn bài, phí dịch vụ ngân hàng,...

- Lương nhân viên văn phòng.

- Phân bổ chi phí trả trước cho việc mua thiết bị, công cụ dụng cụ.

- Đối với việc phân bổ chi phí trả trước cho việc mua thiết bị, công cụ dụng cụ sử dụng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp. Cuối tháng, kế toán thực hiện phân bổ chi phí trả trước trên phần mềm SmartPro.

2.2.7.2. Tài khoản sử dụng

- Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa kế toán sử dụng tài khoản 6422 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ.

2.2.7.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng chấm công,...

❖ *Sổ sách sử dụng*

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 6422
- Sổ cái TK 642,...

2.2.7.4. Quy trình hạch toán

- Đối với việc hạch toán lương nhân viên kế toán tiến hành tính lương dựa vào bảng chấm công sau đó ghi nhận lên phần mềm SmartPro.

Nghiệp vụ 1: Ngày 31/05/2025, công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ & Bách Hóa tiến thành tính lương tháng 5 cho bộ phận nhân viên quản lý doanh nghiệp với tổng số tiền lương là 51.500.000 đồng

BẢNG CHẤM CÔNG																																							
Tháng 5 năm 2025																																							
TT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày trong tháng/ thứ trong tuần																																Công làm việc	Công nghỉ lễ	Công nghỉ phép	Tổng số công	
			01 T5	02 T6	03 CN	04 T2	05 T3	06 T4	07 T5	08 T6	09 T7	10 CN	11 T2	12 T3	13 T4	14 T5	15 T6	16 T7	17 CN	18 T2	19 T3	20 T4	21 T5	22 T6	23 T7	24 CN	25 T2	26 T3	27 T4	28 T5	29 T6	30 T7	31 T1						
I	Bộ phận văn phòng																																						
1	Phạm Thị Như Ý		L	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	26.0	1.0	0.0	27.0	
2	Dương Thị Mỹ Duyên		L	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	26.0	1.0	0.0	27.0
3	Trương Quốc Đạt		L	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	26.0	1.0	0.0	27.0
4	Trần Đăng Nghĩa			x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	26.0	0.0	0.0	26.0
5	Nguyễn Chi Lý			x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	26.0	0.0	0.0	26.0
II	Bộ phận bán hàng																																						
1	A Nat		L	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	26.0	1.0	0.0	27.0	
2	Nguyễn Mạnh Hoàng		L	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	26.0	1.0	0.0	27.0	
3	Trần Văn Đông		L	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	26.0	1.0	0.0	27.0	
4	Nguyễn Hữu Vinh		L	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	26.0	1.0	0.0	27.0	
5	A Tân		L	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	26.0	1.0	0.0	27.0	
6	Lê Bá Đù		L	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	26.0	1.0	0.0	27.0	
7	Nguyễn Thanh Danh		L	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	26.0	1.0	0.0	27.0	
8	Nguyễn Văn Hiếu		L	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	26.0	1.0	0.0	27.0	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...		
Tổng Cộng																																				884.0	34.0	0.0	918.0

Ký hiệu bảng chấm công:

Đà Nẵng, Ngày Tháng 5 năm 2025

Lương thời gian: X
Lương nửa thời gian: X/2
Nghỉ phép: P
Nghỉ không lương: K
Nghỉ lễ: L

Người chấm công

Giám đốc

Hình 2.33. Trích Bảng chấm công tháng 5

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HÒA							CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM					
MST: 0402145647							Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc					
Địa chỉ: K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng												
							BẢNG TÍNH - THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG					
							Tháng 5 năm 2025					
STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương Chính	Phụ cấp			Tổng Thu Nhập	Ngày công	Tổng Lương Thực Tế	Tạm ứng	Thực lĩnh	Ghi Chú
		1	2	Ăn trưa	Đồng phục	Điện thoại	8	9	10	22	23	
A	Bộ phận Quản lý		45,000,000	3,500,000	1,000,000	2,000,000	51,500,000	135	51,500,000	0	51,500,000	
1	Phạm Thị Như Ý	KT	9,000,000	700,000	200,000	400,000	10,300,000	27	10,300,000		10,300,000	
2	Dương Thị Mỹ Duyên	KT	9,000,000	700,000	200,000	400,000	10,300,000	27	10,300,000		10,300,000	
3	Trương Quốc Đạt	TK	9,000,000	700,000	200,000	400,000	10,300,000	27	10,300,000		10,300,000	
4	Trần Đăng Nghĩa	KT	9,000,000	700,000	200,000	400,000	10,300,000	27	10,300,000		10,300,000	
5	Nguyễn Chi Lý	NVBH	9,000,000	700,000	200,000	400,000	10,300,000	27	10,300,000		10,300,000	
B	Bộ phận nhân công CT		261,000,000	20,300,000	5,800,000	11,600,000	298,700,000	762	298,700,000	0	298,700,000	
1	A Nat	NV	9,000,000	700,000	200,000	400,000	10,300,000	27	10,300,000		10,300,000	
2	Nguyễn Mạnh Hoàng	NV	9,000,000	700,000	200,000	400,000	10,300,000	27	10,300,000		10,300,000	
3	Trần Văn Đông	NV	9,000,000	700,000	200,000	400,000	10,300,000	27	10,300,000		10,300,000	
4	Nguyễn Hữu Vinh	NV	9,000,000	700,000	200,000	400,000	10,300,000	27	10,300,000		10,300,000	
5	A Tân	NV	9,000,000	700,000	200,000	400,000	10,300,000	27	10,300,000		10,300,000	
6	Lê Bá Đù	NV	9,000,000	700,000	200,000	400,000	10,300,000	27	10,300,000		10,300,000	
7	Nguyễn Thanh Danh	NV	9,000,000	700,000	200,000	400,000	10,300,000	27	10,300,000		10,300,000	
8	Nguyễn Văn Hiếu	NV	9,000,000	700,000	200,000	400,000	10,300,000	27	10,300,000		10,300,000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	
			306,000,000	23,800,000	6,800,000	13,600,000	350,200,000	897	350,200,000	0	350,200,000	

Hình 2.34. Trích Bảng thanh toán tiền lương tháng 5

Ví dụ minh họa: Tính lương cho nhân viên Phạm Thị Như Ý

Lương cơ bản 9.000.000

Tổng ngày công: 27 ngày

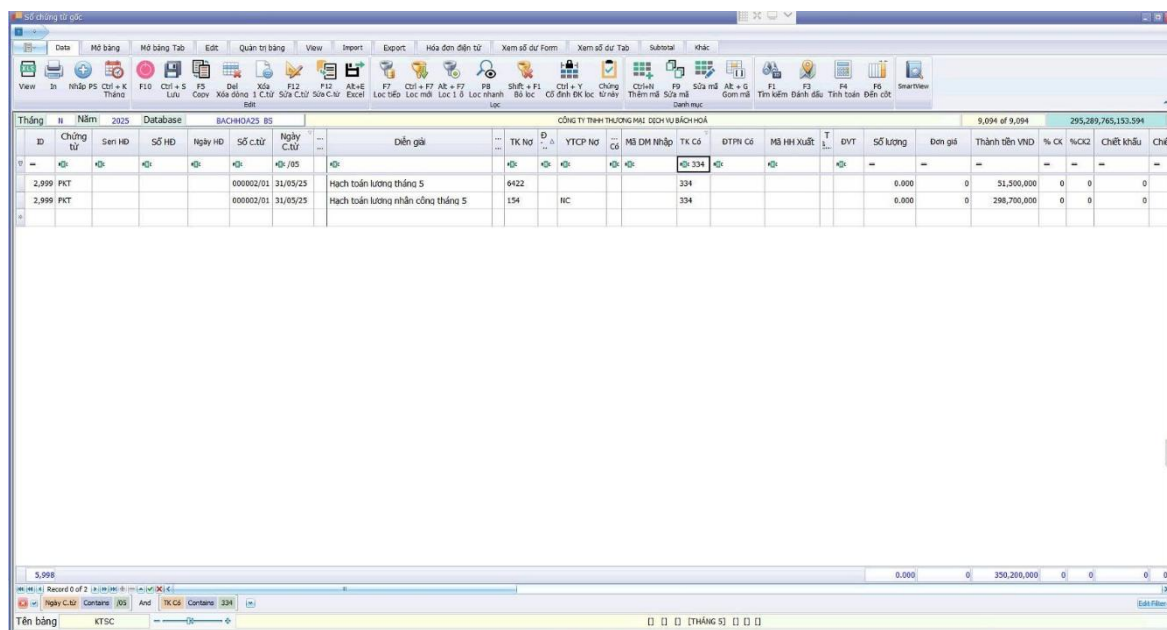
$$\text{Lương thực tế} = \frac{9.000.000}{27} \times 27 = 9.000.000 \text{ đồng}$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng lương} &= \text{Lương thực tế} + \text{Phụ cấp (Ăn trưa, điện thoại, đồng phục)} \\ &= 9.000.000 + 700.000 + 200.000 + 400.000 = 10.300.000 \end{aligned}$$

$$\text{Thực lĩnh} = \text{Tổng lương} - \text{Các khoản trích theo lương trừ vào lương của CNV}$$

$$= 10.300.000 - 0 = 10.300.000 \text{ đồng}$$

Đối với nhân viên kế toán, thủ kho, nhân viên bán hàng, kỹ thuật lương sẽ được hạch toán TK 6422, lương của nhân viên công nhân công trình sẽ đưa vào TK 154.



Hình 2.35. Giao diện phiếu kế toán tính lương tháng 5

Sau khi nhập xong, các thông tin sẽ được tự động nhập vào sổ Nhật ký chung, sổ Cái, sổ Chi tiết,...

Cuối năm, kế toán in sổ Nhật ký chung, sổ Cái, sổ Chi tiết,... để lưu trữ.

➤ Sổ Nhật ký chung (**Xem Phụ lục số 1**).

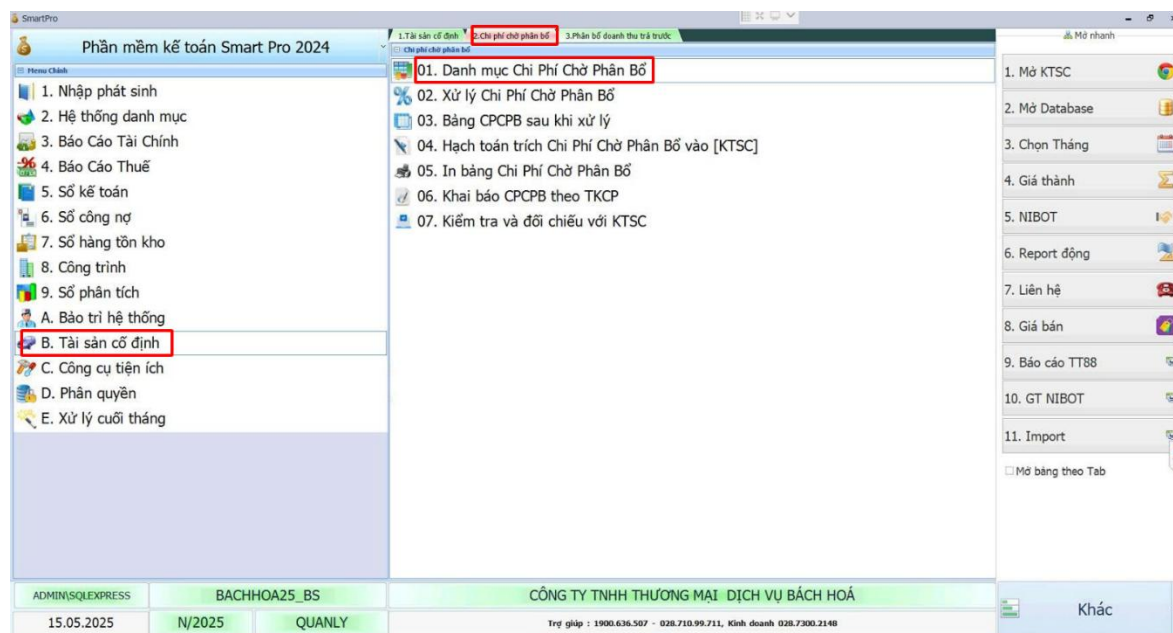
➤ Sổ Cái TK 642 (**Xem trang số 79**).

- Đối với các khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh khác, kế toán dựa vào hóa đơn chứng từ hạch toán vào phần mềm.

Nghiệp vụ 2: Ngày 20/06/2024, Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa mua “*Chứng thư số gói ONECA4Y (bao gồm thiết bị ONE-CA USB Token)*” và “*Phần mềm token manager ONECA4Y*” nhằm mục đích phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, được kế toán đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp, thời gian phân bổ cho công cụ dụng cụ này là 12 tháng. Năm 2025 thì công cụ dụng cụ này vẫn đang còn phân bổ đến hết tháng 5 năm 2025.

Sau khi có hóa đơn mua hàng kế toán vào phần hành “**Tài sản cố định**” -> Chọn tab 2 “**Chi phí chờ phân bổ**” -> Chọn “**Danh mục chi phí chờ phân bổ**” để tiến hành

khai báo mới cho chi phí phân bổ mà đơn vị mua về dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp.



Hình 2.36. Giao diện kế toán tài sản, công cụ, chi phí.

Cuối tháng, kế toán chọn mục “*Xử lý chi phí chờ phân bổ*” -> Chọn tháng cần thực hiện -> Chọn “*Hạch toán trích trước chi phí chờ phân bổ vào KTSC*” phần mềm sẽ xuất hiện như sau:

Tháng	N	Năm	Database	SỐ HD	Ngày HD	Có KH	Dự Toán	TXCP	TXHM	TXTS	DT SỐ	ETP	N NG	M	Nguyên giá	Ngày CH	Ngày bán	Ngày Trích	Thời gian	KH 1 Tháng	LK KH -> Đầu	GT Còn Lại Đầu	Seri HD	Mã số thuế
1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Hình 2.37. Danh sách các chi chỉ chờ phân bổ

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HÓA
Địa chỉ : K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0402145647

BẢNG TRÍCH CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

Tháng 4 năm 2025

Mã	Tên tài sản	Đối tượng sử dụng	Tài khoản chi phí	Nguyên giá	Ngày mua	Ngày khấu hao	Thời gian khấu hao	Khấu hao kỳ này	Lũy kế khấu hao	Giá trị còn lại cuối kỳ
C24TVS01	Chứng thư số gói ONECA4Y	QLDN	6422	328.182	20/06/24	20/06/24	12	27.349	300.839	27.343
C24TVS03	Phần mềm token manager ONECA4Y	QLDN	6422	1.639.000	20/06/24	20/06/24	12	136.583	1.502.413	136.587
Tổng cộng				1.967.182				163.932	1.803.252	163.930
			6422					163.932		

Ngày 30 tháng 4 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LÊ THỊ HOA

Hình 2.38. Bảng trích chi phí chờ phân bổ.

Nghiệp vụ 3: Ngày 14/02/2025 Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Bách hóa mua đồ dùng văn phòng với số tiền 750.600 đồng đã bao gồm VAT. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Hóa đơn GTGT số 898 ngày 14/02/2025 (Xem phụ lục 14)

Nghiệp vụ 4: trong tháng 07/2025, Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa phát sinh nhiều giao dịch thanh toán cho nhà cung cấp qua ngân hàng Eximbank. Tại mỗi lần giao dịch hoặc định kỳ, ngân hàng sẽ xuất hóa đơn phí dịch vụ. Cụ thể, ngày 01/07/2025 ngân hàng thu phí dịch vụ với số tiền chưa thuế 55.520 đồng, thuế GTGT 10% là 5.520 đồng.

Hóa đơn GTGT số 34687 ngày 01/07/2025 (Xem Phụ lục 15)

➤ **Sổ Nhật ký chung (Xem Phụ lục số 1)**

➤ **Sổ chi tiết TK 6422 (Xem phụ lục 25)**

➤ **Sổ Cái TK 642**

SỔ CÁI
Mã hiệu :642 - Chi phí quản lý kinh doanh
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
09/01/25	CTNH.000024/0 1	09/01/25	Phi ngân hàng	1121_EX	550.500	
...	...	...	...	...	...	...
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		53.540.517
...	...	...	...	...	...	...
14/02/25	PC.898	14/02/25	Nhập kho Giấy IK Copy A4/70 HĐ số: 898	1111	750.600	
...	...	...	...	...	...	...
28/02/25	KC.06	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		55.918.021
...	...	...	...	...	...	...
30/04/25	CPCPB.001/4	30/04/25	Hạch toán CP CPB : Chứng thư số gói ONECA4Y Tháng 4	242	27.349	
30/04/25	CPCPB.002/4	30/04/25	Hạch toán CP CPB : Phần mềm token manager ONECA4Y Tháng 4	242	136.583	
...	...	...	...	...	...	...
05/05/25	CTNH.000117/0 1	05/05/25	Phi ngân hàng	1121_EX	9.298	
05/05/25	CTNH.000121/0 1	05/05/25	Phi ngân hàng	1121_EX	4.400	
...	...	...	...	...	...	...
31/05/25	PKT.000002/0 1	31/05/25	Hạch toán lương tháng 5	334	51.500.000	
...	...	...	...	...	...	...
25/06/25	CTNH.000987/0 1	25/06/25	Phi giao dịch	1121_SCB	24.504	
...	...	...	...	...	...	...
01/07/25	CTNH.34687	01/07/25	Phi dịch vụ ngân hàng HĐ số: 34687	1121_EX	55.520	
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	KC.06	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		61.146.014
...	...	...	...	...	...	...
01/12/25	CTNH.58880	01/12/25	Phi dịch vụ ngân hàng HĐ số: 58880	1121_EX	61.600	
02/12/25	PC.768	02/12/25	Cước vận chuyển từ Hồ Chí Minh- Đà Nẵng Ngày: 02/12/2025	1111	300.000	
...	...	...	...	...	...	...
12/12/25	PC.87	12/12/25	Dịch vụ hỗ trợ thay đổi giấy phép Ngày: 12/12/2025	1111	2.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
15/12/25	CTNH.232350	15/12/25	PHI T10/2025-0788090979-GOI EBASIC HĐ số: 232350	1121_SCB	89.000	
31/12/25	PKT.000002/01	31/12/25	Hạch toán lương tháng 12	334	51.500.000	
			CỘNG PHÁT SINH		721.181.314	721.181.314
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		721.181.314	721.181.314

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc

LÊ THỊ HOA

Hình 2.39. Trích sổ Cái TK 642

2.2.8. Kế toán chi phí khác tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến các khoản chi phí khác. Do đó em xin phép không trình bày kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa trong bài.

2.2.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

2.2.9.1. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành, làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Cuối năm, căn cứ vào tổng kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán thuế tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp cho nhà nước, sau đó lưu lại các chứng từ liên quan.

2.2.9.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

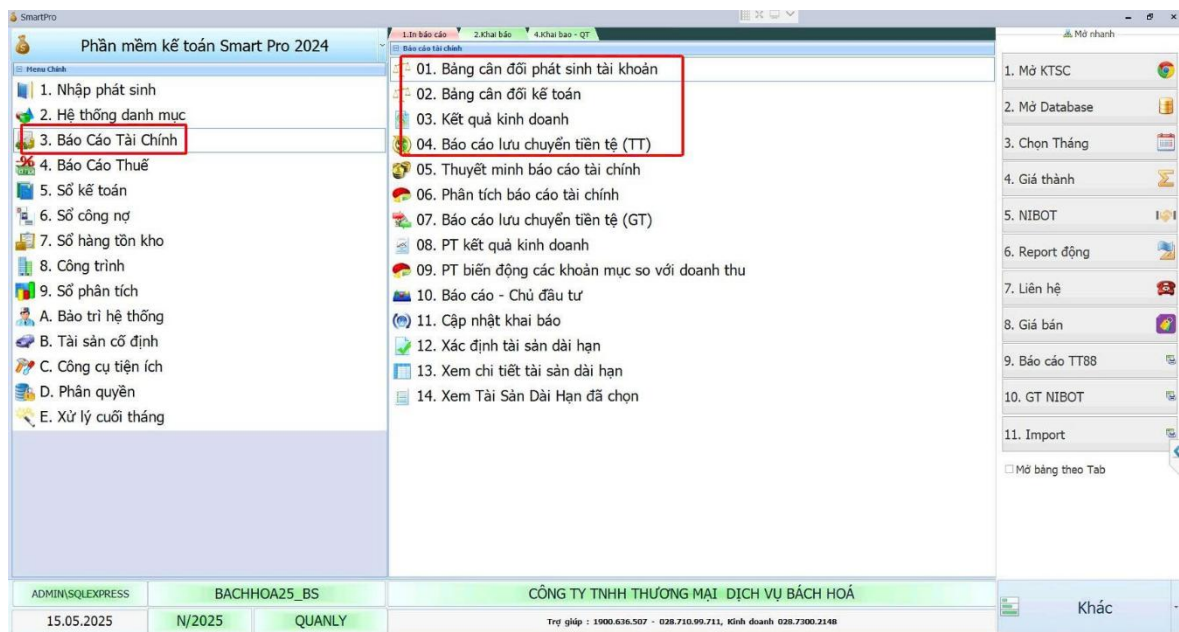
2.2.9.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 821

2.2.9.4. Quy trình ghi sổ

Sau khi hạch toán đúng và đủ các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ trên phần mềm SmartPro, kế toán tiền hàng vào phần mềm SmartPro -> Chọn “**Báo cáo tài chính**”.

Tích chọn “**Bảng Cân đối tài khoản**” -> “**Báo cáo KQHĐKD**” -> “**Báo cáo LCTT trực tiếp**” -> “**Thuyết minh Báo cáo tài chính**” và chọn năm “**2025**” phần mềm sẽ tự động xuất ra BCTC hoàn chỉnh.



Hình 2.40. Giao diện vào Báo cáo tài chính trên phần mềm

Dựa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong BCTC năm 2025 đã xuất từ phần mềm SmartPro, kế toán tiến hành vào phần mềm HTKK để lập tờ khai quyết toán thuế TNDN. Đăng nhập vào phần mềm HTKK chọn Mã số thuế của công ty sau đó chọn “**Thuế thu nhập doanh nghiệp**” -> Chọn tờ khai “**Quyết toán thuế TNDN năm (03/TNDN)(TT80/2021)**” -> Chọn phụ lục “**03-1A/TNDN – Phụ lục KQHĐKD**”

Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 (Xem phụ lục 12)

Tiếp theo, tiến hành nhập các số liệu vào phụ lục “**03-1A/TNDN**” -> Bấm “**Ghi**” số liệu sẽ tự động cập nhật lên tờ khai thuế TNDN như sau:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [] [03] Bổ sung lần thứ: [1]

Mẫu số:
03/TNDN
(Ban hành kèm theo
Thông tư số
80/2021/TT-BTC
ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: C33 - Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÀ

[07] Mã số thuế: 0402145647

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	285.822.670
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	285.822.670
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	285.822.670
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		

1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	285.822.670
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	84.002.001
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	84.002.001
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	201.820.669
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	201.820.669
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%	C7	201.820.669
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 17%) + (C8 x C8a))	C9	34.309.514
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN(C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh(C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	34.309.514
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	34.309.514
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	34.309.514

2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	34.309.514
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	34.309.514
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	34.309.514
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ
THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 20 tháng 04 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu (nếu có)

LÊ THỊ HOA

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BDS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 34.309.514 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HÓA WINDOWS.

Hình 2.41. Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

• Căn cứ theo quy định tại Điều 16 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, doanh nghiệp có lỗ được chuyển lỗ sang năm sau; số lỗ này được trừ vào thu nhập chịu thuế. Thời gian được chuyển lỗ tính liên tục không quá 05 năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ. Trong năm 2025, Công ty có thu nhập chịu thuế là 285.822.670 đồng. Do còn số lỗ phát sinh năm 2023 chưa chuyển hết, Công ty đã thực hiện chuyển phần lỗ tương ứng 84.002.001 đồng của năm 2023 để đưa thu nhập tính thuế giảm xuống còn 201.820.669 đồng. Theo đó, phát sinh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2025 là 34.309.514 đồng.

Thu nhập chịu thuế = Tổng LNKT trước thuế TNDN + Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN – Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN

$$= 285.822.670 + 0 - 0$$

$$= 285.822.670 \text{ đồng.}$$

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - [Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định]

$$= 285.822.670 - [0 + 84.002.001]$$

$$= 201.820.669 \text{ đồng.}$$

- Căn cứ tại điều 10 Luật số 67/2025/QH15 (ngày 14 tháng 6 năm 2025), Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.

Thuế TNDN phải nộp = [Thu nhập tính thuế - Phần trích lập quỹ KH&CN (nếu có)] x Thuế suất thuế TNDN

$$= 201.820.669 \times 17\%$$

$$= 34.309.514 \text{ đồng.}$$

PHỤ LỤC

CHUYỂN LỖ

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ

[03] Mã số thuế: 0402145647

Mẫu số: **03-2/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước	Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Lỗ của hoạt động sản xuất kinh doanh được chuyển trong kỳ				
1	2020	0	0	0	0
2	2021	0	0	0	0
3	2022	36.298.386	36.298.386	0	0
4	2023	189.778.191	105.776.190	84.002.001	0
5	2024	0	0	0	0
	Tổng cộng			84.002.001	
II	Lỗ của hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển trong kỳ				
1	2020	0	0	0	0
2	2021	0	0	0	0
3	2022	0	0	0	0
4	2023	0	0	0	0
5	2024	0	0	0	0
	Tổng cộng			0	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 20 tháng 04 năm 2026

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ
THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

LÊ THỊ HOA

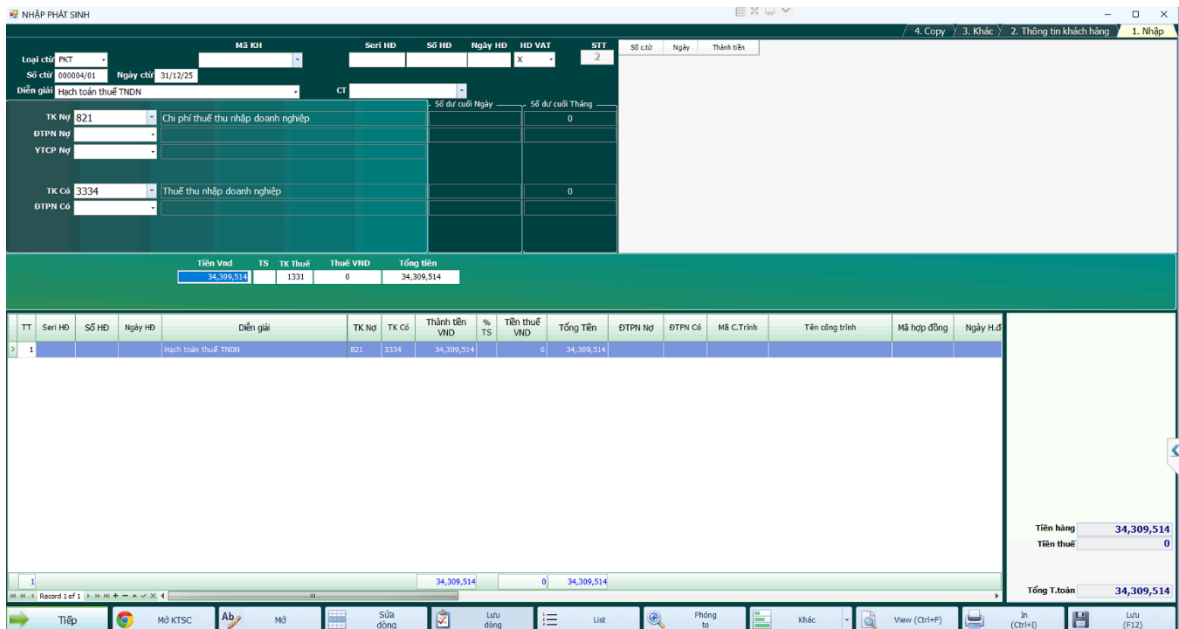
Ghi chú:

- Số liệu chỉ tiêu [04] được tổng hợp vào chỉ tiêu C3a của Tờ khai 03/TNDN;
- Số liệu chỉ tiêu [05] được tổng hợp vào chỉ tiêu D2 của Tờ khai 03/TNDN.

 Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HÓA WINDOWS.**

Hình 2.42. Phụ lục chuyển lỗ năm 2025

➤ Năm 2024 công ty lãi 142.074.576 đồng nhưng số lỗ năm 2022 là 36.298.386 đồng và năm 2023 lỗ 189.778.191 đồng chưa kết chuyển hết. Thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, số lỗ năm 2022 chuyển qua 2024 là 36.298.386 đồng và số lỗ năm 2023 chuyển qua 2024 là 105.776.190 đồng, lỗ còn lại năm 2023 là 84.002.001 đồng chuyển tiếp qua năm 2025, số lãi còn lại 201.820.669 đồng tính thuế TNDN năm 2025. Thực hiện chuyển lỗ theo mẫu 03-2/TNDN.



Hình 2.43. Giao diện hạch toán chi phí thuế TNDN vào phần mềm SmartPro

Sau khi hạch toán chi phí thuế TNDN thành công, phần mềm sẽ tự động cập nhật và kết chuyển số liệu các sổ sách liên quan dưới đây:

- Sổ Nhật ký chung (Xem phụ lục 1)

➤ Sổ Cái TK 821

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ
K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0402145647

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
31/12/25	PKT.000004/ 01	31/12/25	Hạch toán thuế TNDN	3334	34.309.514	
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821	911		34.309.514
			CỘNG PHÁT SINH		34.309.514	34.309.514
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		34.309.514	34.309.514

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc

LÊ THỊ HOA

Hình 2.44. Sổ Cái TK 821

Sau khi nhập đầy đủ các thông tin được yêu cầu tại 02 biểu mẫu: Phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh, tờ khai quyết toán thuế TNDN. Khi đã hoàn tất bấm “**Ghi**” và đợi màn hình hiển thị thông báo “**Đã ghi dữ liệu thành công**” -> tiến hành chọn “**Xuất XML**” lưu về máy và nộp tờ khai.

Để nộp tờ khai, kế toán truy cập vào trang “**Dịch Vụ Công Thuế Nhà Nước**” của Tổng cục thuế tại: <https://dichvucong.gdt.gov.vn>

Hướng dẫn các bước nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN (Phụ lục số 13).

2.2.10. Kế toán xác định kết quả động kinh doanh

2.2.10.1. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

2.2.10.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kết chuyển

2.2.10.3. Sổ sách sử dụng

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 911
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.10.4. Quy trình ghi sổ

- Cuối mỗi tháng, kế toán kết chuyển tất cả các tài khoản từ tài khoản 511, 515, 711, 632, 635, 642, 811, 821 sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của công ty TNHH Thương Mại & Bách Hóa.

- Công ty sử dụng phần mềm kế toán nên việc xác định kết quả kinh doanh được kế toán thực hiện vào cuối kỳ bằng bút toán khóa sổ trên phần mềm kế toán SmartPro. Các bút toán kết chuyển tự động trên phần mềm. Sau đó, dữ liệu sẽ được kết xuất sang sổ cái tài khoản 911.

- Kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu chi phí trên phần mềm như sau:

• **Bước 1:** Vào phần mềm SmartPro bấm chọn “*Xử lý cuối tháng*” -> Chọn tab 1 “*Xử lý*” -> Chọn mục “*Kết chuyển số dư tài khoản – Tự động*”. (Xem phụ lục 18)

Bước 2: Chọn kết chuyển lãi lỗ sẽ kết chuyển tất cả các tài khoản 511, 515, 711, 632, 635, 642, 811, 821 qua tài khoản 911. Chọn tháng cần xử lý -> Chọn các tùy chọn (nếu có) -> Bấm “**OK**” để phần mềm tự động hạch toán các bút toán kết chuyển vào sổ nhật ký chung, sổ cái,... (Xem phụ lục 19)

Ví dụ minh họa: Kết chuyển số dư các tài khoản của tháng 6 năm 2025

<

Hình 2.45. Giao diện kết chuyển tài khoản chi phí

Data		Mô bảng		Mô bảng Tab		Edit		Quản trị bảng		View		Insert		Export		Hỗ trợ đơn vị		Xem số dư Form		Xem số dư Tab		Subtotal		Khác																					
View	In	Nhập PS	Ctrl + K	Thống	F10	Ctrl + S	Lưu	F5	Del	Xóa	Xóa dòng 1 C.từ	F12	Xóa C.từ	F12	Alt+E	Excel	F7	Loc tiếp	Ctrl + F7	Loc mới	Alt + F7	Loc nhanh	P8	Shift + F1	Bỏ lọc	Ctrl + Y	Cố định ĐK lọc	Chứng từ này	Ctrl+H	Thêm mã	F9	Sửa mã	Sửa mã	Alt + G	Gom mã	F1	Tìm kiếm	Đánh dấu	F3	Tinh toán	F4	Đến cột	F6	SmartView	
						Edit																						Danh mục																	
Tháng				N	Năm	2025	Database	BACHHOA25 BS	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BÁCH HOÁ															9,083 of 9,083				282,025,942,007.954																	
ID	Chứng từ	...	S	...	Số c.từ	Ngày C.từ	...	Diễn giải	Mã C...	TK Nợ	DT Y	...	M	TK Có	...	M T	...	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND	% CK	%C...	Chiết khấu	Chiết khấu 2	Loại thuế																			
=							/06								911				=	=	=	=	=	=	=																				
0	KC				01	30/06/25		Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111					911				0.000	0	1,728,824,670	0	0	0	0	0																				
0	KC				02	30/06/25		Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113					911				0.000	0	3,504,750,000	0	0	0	0	0																				
0	KC				03	30/06/25		Kết chuyển số dư tài khoản 515	515					911				0.000	0	5,826	0	0	0	0	0																				
0	KC				07	30/06/25		Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang...	4212					911				0.000	0	4,708,860,674	0	0	0	0	0																				

Hình 2.46. Giao diện kết chuyển tài khoản doanh thu

➤ **Sổ Cái tài khoản 911**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ

Mẫu số S03b-DNN

K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Mã số thuế : 0402145647

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :911 - Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
31/01/25	KC.02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		21.467.122
31/01/25	KC.03	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113		4.991.270.542
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		8.616
31/01/25	KC.05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	3.157.749.546	
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	53.540.517	
31/01/25	KC.07	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	1.801.456.217	
...	...	...	...	...	...	...
30/06/25	KC.01	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		1.728.824.670
30/06/25	KC.02	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113		3.504.750.000
30/06/25	KC.03	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		5.826
30/06/25	KC.04	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	9.869.476.310	
30/06/25	KC.05	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	635	7.240.041	
30/06/25	KC.06	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	65.724.819	
30/06/25	KC.07	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212		4.708.860.674
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		1.163.336.242
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113		4.344.742.822
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		3.476
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	9.870.749.895	
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	59.015.915	
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821	821	34.309.514	
31/12/25	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212		4.455.992.784
			CỘNG PHÁT SINH		38.741.856.251	38.741.856.251
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		38.741.856.251	38.741.856.251

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LÊ THỊ HOA

Hình 2.47. Trích sổ cái tài khoản 911

➤ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ

K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0402145647

Mẫu số B02 – DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

ĐVT : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		29.227.799.216	9.540.673.621
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		29.227.799.216	9.540.673.621
4. Giá vốn hàng bán	11		28.168.774.381	9.096.422.920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.059.024.835	444.250.701
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		27.102	16.336
7. Chi phí tài chính	22		52.047.953	35.603.172
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
9. Chi phí quản lý kinh doanh	24		721.181.314	1.566.589.289
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		285.822.670	(1.157.925.424)
11. Thu nhập khác	31			1.300.000.000
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			1.300.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		285.822.670	142.074.576
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		34.309.514	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		251.513.156	142.074.576

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc
LÊ THỊ HOA

Hình 2.48. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.3. Quy trình kiểm tra, đối chiếu số liệu tại Công ty

Để đảm bảo tính chính xác trước khi lập Báo cáo tài chính, kế toán tại công ty đã thực hiện quy trình đối chiếu chặt chẽ số liệu. Cụ thể như sau:

2.3.1. Đối chiếu Doanh thu

- Đối chiếu doanh thu trên phần mềm với tờ khai thuế GTGT hàng quý ở chi tiêu số 34.

Ví dụ minh họa: Đối chiếu doanh thu quý 3 năm 2025 ở phần mềm với bảng kê và tờ khai thuế GTGT quý 3 năm 2025.

+ Đối chiếu, kiểm tra số tiền ở dòng tổng cộng của bảng kê quý 3 và số tiền doanh thu ở dòng tổng cộng trên phần mềm.

+ Đối chiếu, kiểm tra số tiền doanh thu ở dòng tổng cộng trên phần mềm với chi tiêu số 34 trên tờ khai thuế GTGT quý 3.

FileEditViewImportExportHóa đơn điện tửXem số dư FormXem số dư TabSubtotalKhác

ViewInNhập P5Ctrl + KThángF10Ctrl + SLưuF5CopyXóa xóa dòng 1 CtrlXóa F12Sửa F12Sửa CtrlXác ExcelF7Loc tiếpF7Ctrl + F7Alt + F7P8Shift + F1Bỏ locCtrl + YChứng từ nàyCtrl + HThêm mã F9Sửa mã Alt + GSửa mã F1Tìm kiếm F3Đánh dấu F4Tinh toán F6Điền cộtSmartView

Tháng03Năm2025DatabaseBACHHOA25 BSCÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BÁCH HOÁ2,530 of 2,53017,793,369,278.680

ID	Chứng từ	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Số N	Thành tiền VND	% CK	% C	Chiết khấu	Chiết khấu 2	Loại thuế	TK Thuế	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	Mặt hàng	Mã KH	Tên
1,331	HDBR	1C25THB	69	11/07/25	...	1,608,107	0	0	0	0	R	333...	10	160,811	1,768,918	DPC - Dây, cáp điện CAP 6.0	61891	CÔNG TY CỔ
1,331	HDBR	1C25THB	69	11/07/25	...	2,474,010	0	0	0	0	R	333...	10	247,401	2,721,411	DPC - Dây, cáp điện CAP 4.0	61891	CÔNG TY CỔ
1,331	HDBR	1C25THB	69	11/07/25	...	3,085,764	0	0	0	0	R	333...	10	308,576	3,394,340	DPC - Dây, cáp điện CAP 2.5	61891	CÔNG TY CỔ
1,331	HDBR	1C25THB	69	11/07/25	...	841,164	0	0	0	0	R	333...	10	84,116	925,280	DPC - Dây, cáp điện CAP 1.5	61891	CÔNG TY CỔ
1,331	HDBR	1C25THB	69	11/07/25	...	967,114	0	0	0	0	R	333...	10	96,711	1,063,825	DPC - Dây, cáp điện ĐÔI 2 x 24T	61891	CÔNG TY CỔ
1,331	HDBR	1C25THB	69	11/07/25	...	780,000	0	0	0	0	R	333...	10	78,000	858,000	Cáp RG6/5C-FB/CCS/80/SP/TR	61891	CÔNG TY CỔ
1,331	HDBR	1C25THB	69	11/07/25	...	3,150,000	0	0	0	0	R	333...	10	315,000	3,465,000	Cáp mạng Cat5e FTP 305m/thùng 1103-0...	61891	CÔNG TY CỔ
1,331	HDBR	1C25THB	69	11/07/25	...	134,400	0	0	0	0	R	333...	8	10,752	145,152	Ổng mềm ruột gà SP9025CM	61891	CÔNG TY CỔ
1,331	HDBR	1C25THB	69	11/07/25	...	577,500	0	0	0	0	R	333...	8	46,200	623,700	Ổng mềm SP 9020 CM	61891	CÔNG TY CỔ
1,331	HDBR	1C25THB	69	11/07/25	...	525,000	0	0	0	0	R	333...	8	42,000	567,000	Ổng mềm SP 9016CM	61891	CÔNG TY CỔ
1,331	HDBR	1C25THB	69	11/07/25	...	51,975	0	0	0	0	R	333...	8	4,158	56,133	Đế nối CK157RH	61891	CÔNG TY CỔ
1,331	HDBR	1C25THB	69	11/07/25	...	59,850	0	0	0	0	R	333...	8	4,788	64,638	Bộ ngắt mạch an toàn HB 20A	61891	CÔNG TY CỔ
1,331	HDBR	1C25THB	69	11/07/25	...	239,400	0	0	0	0	R	333...	8	19,152	258,552	Cầu dao tiếp 1P 32A 06KA	61891	CÔNG TY CỔ
1,331	HDBR	1C25THB	69	11/07/25	...	418,950	0	0	0	0	R	333...	8	33,516	452,466	Cầu dao tiếp 1P16A	61891	CÔNG TY CỔ
1,331	HDBR	1C25THB	69	11/07/25	...	1,302,000	0	0	0	0	R	333...	8	104,160	1,406,160	Cầu dao tiếp 3P 32A 06KA	61891	CÔNG TY CỔ
962,767						1,725,127,557	0	0	0	0				140,088,324	1,865,215,880			

Record 0 of 664

TK CờContains511

Hình 2.49. Giao diện doanh thu Quý 3/2025 trên phần mềm

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ										
MST: 0402145647										
HÓA ĐƠN ĐẦU RA - QUÝ 3										
STT	Số hóa đơn	Ngày lập	MST người mua/MST người nhận hàng	Tên người mua/Tên người nhận hàng	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền thanh toán	Trạng thái hóa đơn	Kết quả kiểm tra hóa đơn	Ghi chú
1	69	11/07/2025	0316361891	CÔNG TY CỔ PHẦN TRẢ VINH GC	30.823.762,0	2.942.742,0	33.766.504,0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn	
2	70	11/07/2025	0316361891	CÔNG TY CỔ PHẦN TRẢ VINH GC	21.066.057,0	1.987.025,0	23.053.082,0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn	
3	71	11/07/2025	0316361891	CÔNG TY CỔ PHẦN TRẢ VINH GC	22.961.750,0	2.270.490,0	25.232.240,0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn	
28	96	13/08/2025	0310471746	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BÁCH HOÁ XANH	4.416.000,0	353.280,0	4.769.280,0	Hóa đơn thay thế	Đã cấp mã hóa đơn	Thay thế cho hóa đơn 68, ngày lập 11/07/2025
29	100	20/08/2025	0316361891	CÔNG TY CỔ PHẦN TRẢ VINH GC	20.586.845,0	1.646.947,6	22.233.793,0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn	
30	98	20/08/2025	0303217354	CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ GIỚI DI ĐỘNG	63.660.750,0	5.092.860,0	68.753.610,0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn	
31	99	20/08/2025	0316361891	CÔNG TY CỔ PHẦN TRẢ VINH GC	21.083.105,0	1.686.648,4	22.769.753,0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn	
32	101	21/08/2025	0310471746	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BÁCH HOÁ XANH	12.985.000,0	1.038.800,0	14.023.800,0	Hóa đơn thay thế	Đã cấp mã hóa đơn	Thay thế cho hóa đơn 97, ngày lập 13/08/2025
67	136	26/09/2025	0401813203	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHÚ MINH KHANG	44.000.000,0	3.520.000,0	47.520.000,0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn	
68	137	29/09/2025	0316361891	CÔNG TY CỔ PHẦN TRẢ VINH GC	435.750,0	34.860,0	470.610,0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn	
69	138	30/09/2025	0102385623-005	CÔNG TY BẢO HIỂM MIC ĐÀ NẴNG	175.000.000,0	14.000.000,0	189.000.000,0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn	
TỔNG CỘNG					1.725.127.557,0	140.088.323,79	1.865.215.880,8			

Hình 2.50. Trích bảng kê đầu ra Quý 3/2025

- Tờ khai thuế GTGT Quý 3/2025 (Xem phụ lục số 22)

2.3.2. Đối chiếu chi phí

- Đối chiếu chi phí phân bổ công cụ dụng cụ, chi phí trả trước với dòng Tổng cộng ở số tiền còn lại ở sổ cái hoặc bảng cân đối số phát sinh.

BẢNG TRÍCH CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

Năm 2025

Mã TS	Tên tài sản	Đối tượng sử dụng	TK TS	TK CP	TK HM	Nguyên giá		Ngày mua	Thời gian KH	Khấu hao cả năm	Lũy kế khấu hao	Giá trị còn lại	
						Đầu năm	Cuối năm					Đầu năm	Cuối năm
C24TVS01	Chứng thư số gói ONECA4Y	LDN	242	6422	242	328.182	328.182	20/06/24	12	136.739	328.182	136.739	0
C24TVS03	Phần mềm token manager ONECA4Y	LDN	242	6422	242	1.639.000	1.639.000	20/06/24	12	682.919	1.639.000	682.919	0
Tổng cộng						1.967.182	1.967.182			819.658	1.967.182	819.658	0
				6422						819.658			
				242		1.967.182	1.967.182				1.967.182	819.658	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LÊ THỊ HOA

Hình 2.51. Bảng trích chi phí chờ phân bổ 2025

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÀ

K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402145647

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :242 - Chi phí trả trước

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ		819.658	
31/01/25	CPCPB.001/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Chứng thư số gói ONECA4Y Tháng 1	6422		27.349
31/01/25	CPCPB.002/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Phần mềm token manager ONECA4Y Tháng 1	6422		136.583
28/02/25	CPCPB.001/2	28/02/25	Hạch toán CP CPB : Chứng thư số gói ONECA4Y Tháng 2	6422		27.349
28/02/25	CPCPB.002/2	28/02/25	Hạch toán CP CPB : Phần mềm token manager ONECA4Y Tháng 2	6422		136.583
31/03/25	CPCPB.001/3	31/03/25	Hạch toán CP CPB : Chứng thư số gói ONECA4Y Tháng 3	6422		27.349
31/03/25	CPCPB.002/3	31/03/25	Hạch toán CP CPB : Phần mềm token manager ONECA4Y Tháng 3	6422		136.583
30/04/25	CPCPB.001/4	30/04/25	Hạch toán CP CPB : Chứng thư số gói ONECA4Y Tháng 4	6422		27.349
30/04/25	CPCPB.002/4	30/04/25	Hạch toán CP CPB : Phần mềm token manager ONECA4Y Tháng 4	6422		136.583
31/05/25	CPCPB.001/5	31/05/25	Hạch toán CP CPB : Chứng thư số gói ONECA4Y Tháng 5	6422		27.343
31/05/25	CPCPB.002/5	31/05/25	Hạch toán CP CPB : Phần mềm token manager ONECA4Y Tháng 5	6422		136.587
			CỘNG PHÁT SINH			819.658
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM			819.658

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LÊ THỊ HOA

Hình 2.52. Sổ cái TK 242**2.3.3. Đối chiếu các tài khoản liên quan**

- Đối chiếu công nợ phải thu 131 và phải trả 331 với khách hàng và nhà cung cấp kèm theo biên bản đối chiếu công nợ (Nếu có).

- Đối chiếu số dư tài khoản ngân hàng (112) và sổ phụ hoặc sao kê của ngân hàng.
- Đối chiếu Sổ cái TK 1331, 3331 với tờ khai thuế GTGT trong năm 2025:
 - + Số dư đầu kỳ TK 1331 khớp với chỉ tiêu 22 trên tờ khai thuế GTGT Quý
 - + Tổng số phát sinh bên Nợ trong năm của TK 1331 phải bằng tổng giá trị ở ô số 25 trên tờ khai thuế GTGT của 4 quý trong năm đã nộp.
 - + Tổng số phát sinh bên Có của TK 3331 phải bằng tổng giá trị ở ô số 35 trên tờ khai thuế GTGT của 4 quý trong năm đã nộp.
 - + Số dư cuối kỳ TK 1331 nếu dư bên Nợ thì phải khớp với chỉ tiêu số 43 trên tờ khai thuế GTGT. Ngược lại, nếu dư TK 3331 Có thì khớp với chỉ tiêu số 40.

2.3.4. Kiểm tra bút toán kết chuyển cuối kỳ

Trong thực tế, trường hợp doanh nghiệp có lợi nhuận và phải nộp thuế TNDN, phần mềm không tự động tính thuế TNDN phải nộp mà kế toán phải tự tính số thuế phải nộp và hạch toán.

+ Đầu tiên, kế toán kết chuyển bút toán cuối kỳ trước khi hạch toán chi phí thuế TNDN (TK 821). Để giúp kế toán kiểm tra xem lợi nhuận bao nhiêu và tính được số tiền thuế TNDN phải nộp trong năm.

+ Sau khi kế toán thực hiện hạch toán chi phí thuế TNDN phải nộp, kế toán phải thực hiện kết chuyển số dư các tài khoản cuối kỳ lần 2 để kiểm tra các tài khoản loại 5 đến loại 9 không có số dư cuối kỳ.

+ Đề phòng trường hợp kế toán quên hạch toán chi phí thuế TNDN và kết chuyển số dư các tài khoản cuối kỳ lần 2. -> Thực hiện kiểm tra TK 821 trên Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.3.5. Đối chiếu giữa Báo cáo kết quả kinh doanh và Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh* phải khớp với sự biến động của chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (TK 4212) trên *Bảng cân đối số phát sinh*.

PHỤ LỤC**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****Năm 2025**

Mẫu số: **B02 - DNN**
(Ban hành theo
Thông tư số
133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ
BÁCH HOÀ

[03] Mã số thuế: 0402145647

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		29.227.799.216	9.540.673.621
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		29.227.799.216	9.540.673.621
4. Giá vốn hàng bán	11		28.168.774.381	9.096.422.920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.059.024.835	444.250.701
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		27.102	16.336
7. Chi phí tài chính	22		52.047.953	35.603.172
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		721.181.314	1.566.589.289
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		285.822.670	(1.157.925.424)
10. Thu nhập khác	31		0	1.300.000.000
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	1.300.000.000
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		285.822.670	142.074.576
14. Chi phí thuế TNDN	51		34.309.514	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		251.513.156	142.074.576

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 20 tháng 04 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Lê Thị Hoa



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HÓA WINDOWS.

Hình 2.53. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÀ
K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0402145647

Mẫu số B01 – DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI PHÁT SINH TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Mã hiệu	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ (Vnd)		Phát sinh trong kỳ (Vnd)		Số dư cuối kỳ (Vnd)	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	84.002.001		9.656.104.509	9.907.617.665		167.511.155
4211	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	226.076.577			142.074.576	84.002.001	
4212	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		142.074.576	9.656.104.509	9.765.543.089		251.513.156
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			29.227.799.216	29.227.799.216		
5111	Doanh thu bán hàng hóa			6.036.131.416	6.036.131.416		
5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ			23.191.667.800	23.191.667.800		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			27.102	27.102		
632	Giá vốn hàng bán			28.168.774.381	28.168.774.381		
635	Chi phí tài chính			52.047.953	52.047.953		
642	Chi phí quản lý kinh doanh			721.181.314	721.181.314		
6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp			721.181.314	721.181.314		
821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			34.309.514	34.309.514		
911	Xác định kết quả kinh doanh			38.741.856.251	38.741.856.251		
	Tổng cộng	2.845.133.344	2.845.133.344	282.025.942.008	282.025.942.008	16.169.387.488	16.169.387.488

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LÊ THỊ HOA

Hình 2.54. Bảng cân đối phát sinh tài khoản

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa, được sự giúp đỡ nhiệt tình và tận tâm chỉ dẫn của các anh chị trong công ty em đã có cơ hội được học hỏi và tiếp cận thực tế công tác kế toán và hệ thống sổ sách của công ty cũng như được áp dụng những kiến thức mà thầy cô đã dạy trên giảng đường. Sau đây là những nhận xét và đánh giá của em đưa ra nhằm hoàn thiện tốt hơn về công tác của Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa.

3.1.1. Ưu điểm

- Về tổ chức quản lý:

Có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng giữa các phòng ban.

Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có trình độ năng lực nên dễ dàng giải quyết các vấn đề phát sinh trong công ty.

- Về tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, với cơ cấu đơn giản, gọn nhẹ và linh hoạt. Được tổ chức theo mô hình tập trung, được chỉ đạo từ trên xuống, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban, đảm bảo công tác kế toán tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán nhờ đội ngũ chuyên gia của đơn vị dịch vụ. Nhờ đó, công tác kế toán luôn được triển khai đồng bộ, hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu của nhà quản lý.

- Về chính sách, chế độ và hình thức kế toán tại Công ty:

Công ty luôn có sự cập nhật và tuân thủ, chấp hành đúng các quy định về chính sách kế toán, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, thông tư và các văn bản liên quan.

Công ty áp dụng hình thức “Nhật ký chung”, đây là hình thức đơn giản, dễ áp dụng và gọn nhẹ phù hợp với khối lượng công việc của Công ty.

- Về chứng từ kế toán:

Công ty áp dụng mẫu chứng từ và hoàn thành tuân thủ quy định của Bộ tài chính theo thông tư 133/2016/TT-BTC. Chứng từ kế toán được lưu trữ có hệ thống, đầy đủ nhằm mục đích giúp việc lưu trữ hỗ trợ kiểm tra, đối chiếu thuận lợi. Quá trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán, kiểm tra và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Cuối mỗi kỳ kế toán, công ty đều thực hiện in ấn đầy đủ chứng từ để thuận tiện trong quá trình lưu trữ, kiểm tra và kiểm soát. Điều này giúp việc kiểm tra và phát hiện những sai sót, thiếu sót một cách dễ dàng hơn.

- Về phần mềm kế toán:

Công ty áp dụng phần mềm kế toán SmartPro để hạch toán, đây là phần mềm kế toán dễ sử dụng. Phần mềm giúp quá trình lập báo cáo, thu thập xử lý và cung cấp thông tin được nhanh chóng, tiện lợi, giúp giảm đáng kể khối lượng công việc của kế toán và đem lại hiệu quả công việc cao hơn.

- Về công tác Kế toán Doanh thu, Chi phí và Xác định kết quả kinh doanh:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến Doanh thu được ghi nhận đầy đủ, chính xác phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

Các nghiệp vụ liên quan đến Chi phí được ghi nhận theo đúng nguyên tắc, chế độ kế toán hiện hành.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được kế toán ghi chép đầy đủ, chính xác và kịp thời để phản ánh doanh thu, giá vốn, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trung thực và hợp lý nhất. Từ đó giúp cho nhà quản lý và bên thứ ba dễ dàng đưa ra quyết định.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm thì công ty còn có những điểm hạn chế sau:

- Kiểm soát nội bộ:

Kế toán viên kiêm kế toán quỹ chưa đảm bảo nguyên tắc phân chia trách nhiệm, làm giảm hiệu quả kiểm soát nội bộ. Dễ dàng phát sinh sai sót hoặc gian lận trong quá trình thu – chi tiền mặt nếu không được kiểm tra, giám sát thường xuyên.

Kế toán thuế thường làm việc từ xa, chỉ gặp nhau cuối tháng gây khó khăn khi cần xử lý nhanh các vấn đề đột xuất hoặc phối hợp trực tiếp với các phòng ban khác. Họ tập trung vào công việc kế toán theo hợp đồng, không tham gia sâu vào chiến lược

kinh doanh tổng thể hay quản trị nội bộ như kế toán nội bộ. Có thể không nắm rõ hết hoạt động nội bộ đưa ra lời tư vấn sâu sắc bằng kế toán nội bộ.

Việc thuê kế toán thuê bên ngoài làm cho kế toán nội bộ có thể không cập nhật kịp thời thay đổi chính sách thuế phức tạp hoặc không có kinh nghiệm trong việc hạn chế rủi ro cho doanh nghiệp.

- Hóa đơn, chứng từ:

Do kế toán nội bộ đi thu thập chứng từ nên đến cuối tháng kế toán thuế mới nhận được điều đó gây khó khăn trong việc cập nhật hóa đơn, chứng từ, dễ xảy ra sai sót và mất chứng từ.

- Phần mềm kế toán:

Phần mềm SmartPro chỉ kết nối với máy chủ mới làm việc được, nên nếu kế toán muốn làm thêm tại nhà phải sử dụng qua Ultraviewer của máy chủ. Các máy khác muốn kết nối làm việc cần ở gần máy chủ và sử dụng chung một mạng. Điều này làm cho kế toán thiếu sự chủ động và linh hoạt về thời gian cũng như địa điểm làm việc.

Việc lưu trữ dữ liệu kế toán hoàn toàn nằm trong máy tính, nếu không lưu trữ dữ liệu cẩn thận dễ xảy ra việc mất dữ liệu. Việc sửa lỗi trên máy tính mất thời gian do phải qua nhiều công đoạn. Và máy tính không có tính bảo mật cao, các thông tin dễ bị xâm nhập, bị lấy cắp, gian lận.

- Về công tác kế toán:

Kế toán không mở tài khoản chi tiết cho các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang mà tập hợp vào một tài khoản. Khi cần xác định chi phí, kế toán tiến hành kết xuất từ phần mềm ra file excel và tiến hành lọc. Xảy ra trường hợp việc xác định chi phí có thể bị sai lệch nếu kế toán không nhập liệu ban đầu chuẩn.

Trong công tác giảm giá hàng tồn kho, hiện nay công ty chưa có quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Hiện tại công ty chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Kế toán cần có sự cẩn thận rà soát lại các chứng từ trong quá trình nhập liệu, tránh tình trạng nhập sót định khoản khi hạch toán chứng từ lên phần mềm.

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu tại Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hoá.

- Bộ máy kế toán:

Hiện tại kế toán viên đang kiêm việc công nợ với thủ quỹ dễ xảy ra rủi ro. Công ty nên tuyển thêm nhân viên kế toán làm thủ quỹ để hạn chế rủi ro. Còn kế toán nội bộ chuyên việc công nợ đối với khách hàng và nhà cung cấp.

- Phần mềm kế toán:

Phải thực hiện thường xuyên sao lưu dữ liệu để phòng ngừa rủi ro mất mát dữ liệu do sự cố phần cứng, virus hoặc lỗi phần mềm.

Chủ động cập nhật các phiên bản phần mềm mới (ví dụ: cập nhật theo thông tư, quy định mới của Bộ Tài chính) nhằm đảm bảo quá trình hạch toán, làm báo cáo không bị gián đoạn hay sai sót.

Cần cẩn thận, chính xác trong việc nhập liệu ban đầu như hóa đơn, chứng từ, thông tin khách hàng... phải tuyệt đối cẩn thận. Sai sót ở bước này sẽ dẫn đến sai dây chuyền ở các báo cáo tài chính phía sau.

- Hệ thống sổ sách chứng từ kế toán:

Kế toán nội bộ nên gửi hóa đơn đầu vào, hợp đồng kinh tế,... qua mail của Công ty hoặc gửi vào nhóm Công ty để dễ dàng trong quá trình cập nhật chứng từ lên phần mềm, tránh tình trạng bị tồn quá nhiều việc vào cuối tháng, cuối quý và tránh sót hóa đơn, chứng từ.

- Về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

Vì chi phí của công ty bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công. Kế toán nên mở sổ chi tiết cho từng loại giúp cho việc quản lý các chi phí và xác định giá vốn dễ dàng hơn như:

+ Tài khoản 1541: Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

+ Tài khoản 1542: Chi phí nhân công trực tiếp

- Về dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Công ty nên lập quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho để có thể bù đắp tổn thất.

Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo công thức sau:

Mức dự phòng giảm giá vật tư hàng hóa	=	Lượng vật tư hàng hóa thực tế tồn kho tại thời điểm lập BCTC	x	Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán	-	Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho
--	---	---	---	--	---	---

Ví dụ: Bảng tổng hợp xuất nhập tồn kho (**Phụ lục số 23**), Công tắc từ (Rơ le điện tử) MC 65a - 65A vào cuối năm tài chính ngày 31/12/2025 còn tồn kho là 5 cái với giá gốc là 1.074.571 VND, giả sử giá trị thuần ước tính của Công tắc từ (Rơ le điện tử) là 1.000.000 VND 1 cái.

Mức dự phòng giá thanh ram = 5 x (1.074.571 – 1.000.000) = 372.855

Nợ TK 632: 372.855

Có TK 2294: 372.855

- Về chế độ BHXH cho nhân viên

Trong năm 2025 kế toán đơn vị chỉ thực hiện bút toán tính lương phải trả cho nhân viên quản lý và nhân công công trình mà chưa tiến hành thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia BHXH cũng như trích đóng các khoản Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn.

Việc này chưa tuân thủ đầy đủ quy định tại:

Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15: Quy định về nghĩa vụ đóng bảo hiểm bắt buộc của người sử dụng lao động đối với nhân viên có hợp đồng lao động từ 01 tháng trở lên.

Điều 168 Bộ luật lao động 2019 số 45/2019/QH14: Quy định rõ tại các điều khoản liên quan rằng người sử dụng lao động phải đảm bảo các chế độ về tiền lương, bảo hiểm và phúc lợi cho người lao động trong suốt quá trình làm việc.

Nghị định 12/2022/NĐ-CP: Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội. Trong đó, hành vi chậm đóng hoặc đóng không đủ số người thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc sẽ bị phạt tiền và buộc truy thu số tiền chậm đóng cộng với lãi suất.

Từ quy định như trên công ty cần khẩn trương rà soát lại toàn bộ danh sách người lao động đang làm việc tại đơn vị, đặc biệt là các lao động có hợp đồng từ 01 tháng trở lên, để thực hiện đăng ký tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định, bao gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh

phí công đoàn. Ban lãnh đạo cần thay đổi tư duy quản trị về các khoản trích theo lương: Việc thực hiện BHXH không nên được nhìn nhận là một khoản “chi phí thêm” làm giảm lợi nhuận trước mắt, mà phải được xem là một khoản “đầu tư” trọng yếu vào nguồn lực con người.

Ví dụ minh họa: Giả sử nếu 2025 Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên sẽ làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu chi phí, các khoản phải trả, phải nộp khác và lợi nhuận trong năm như sau:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BẠCH HOA

MST: 0402145647

Địa chỉ: K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢNG TÍNH - THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 05 năm 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương Chính	Phụ cấp			Tổng Thu Nhập	Ngày công	Tổng Lương Thực Tế	Lương đóng BH	Trích vào Chi phí Doanh nghiệp				Trích vào Lương nhân viên				Thực lĩnh	
				Ăn trưa	Điện thoại	Đồng phục					BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng 21,5%	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng 10,5%		
		1	2	4	5		8	9	10	11	12	13	14	16	17	18	19	20	23	
A	Bộ phận Quản lý		45.000.000	3.500.000	1.000.000	2.000.000	51.500.000	135	51.500.000	22.500.000	3.937.500	675.000	225.000	4.837.500	1.800.000	337.500	225.000	2.362.500	49.137.500	
1	Phạm Thị Như Ý	KTT	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
2	Dương Thị Mỹ Duyên	KTV	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
3	Trương Quốc Đạt	Thủ kho	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
4	Trần Đăng Nghĩa	Kỹ thuật	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
5	Nguyễn Chi Lý	NVBH	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
B	Bộ phận bán hàng		261.000.000	20.300.000	5.800.000	11.600.000	298.700.000	783	298.700.000	130.500.000	22.837.500	3.915.000	1.305.000	28.057.500	10.440.000	1.957.500	1.305.000	13.702.500	284.997.500	
1	A Nat	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
2	Nguyễn Mạnh Hoàng	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
3	Trần Văn Đông	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
4	Nguyễn Hữu Vinh	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
5	A Tân	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
6	Lê Bá Đủ	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
7	Nguyễn Thanh Danh	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
8	Nguyễn Văn Hiếu	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
9	Nguyễn Văn Vũ Cầu	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
	Tổng A + B		306.000.000	23.800.000	6.800.000	13.600.000	350.200.000	918	350.200.000	153.000.000	26.775.000	4.590.000	1.530.000	32.895.000	12.240.000	2.295.000	1.530.000	16.065.000	334.135.000	

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 5 năm 2025

Giám đốc

(Ký và đóng dấu)

Khi công ty chuyển sang mô hình có đóng BHXH đầy đủ cho nhân viên như bảng trên, chi phí của doanh nghiệp tăng lên đáng kể do phải gánh thêm phần nghĩa vụ bảo hiểm của người sử dụng lao động.

Nợ TK 6422: 32.895.000

Có TK 3383: 26.775.000

Có TK 3384: 4.590.000

Có TK 3386: 1.530.000

Tổng chi phí doanh nghiệp thực tế bỏ ra = Tổng thu nhập thực tế + Chi phí BHXH Doanh nghiệp chịu.

$$= 350.200.000 + 32.895.000 = 383.095.000 \text{ đồng/ tháng.}$$

⇒ Về chi phí của doanh nghiệp tăng thêm 32.895.000 đồng/tháng khi thực hiện đóng BHXH cho NLĐ đầy đủ.

Do chi phí nhân sự tăng thêm 32.895.000 đồng/tháng, lợi nhuận kế toán trước thuế của công ty sẽ bị giảm đi một khoản đúng bằng 32.895.000 đồng so với trước khi đóng BHXH.

Ảnh hưởng đến thuế TNDN và lợi nhuận sau thuế: Khoản chi phí BHXH mà doanh nghiệp chịu là 32.895.000 đồng/tháng và chi phí lương hợp lý đều là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

Nếu mức tính Thuế TNDN phải nộp như hiện tại của Công ty thì sẽ tiết kiệm được một khoản thuế là: $32.895.000 \times 17\% = 5.592.150$ đồng/ tháng.

Vì vậy, lợi nhuận sau thuế thực tế của doanh nghiệp sẽ giảm: $32.895.000 - 5.592.150 = 27.302.850$ đồng/ tháng.

➤ Việc chuyển đổi sang đóng BHXH đúng luật khiến chi phí của công ty tăng lên và lợi nhuận ròng giảm đi. Tuy nhiên, điều này giúp doanh nghiệp tối ưu hóa được chi phí hợp lý để giảm thuế TNDN, đồng thời đảm bảo đúng quy định của pháp luật lao động, tránh rủi ro bị phạt chậm nộp, truy thu bảo hiểm và góp phần nâng cao uy tín và đảm bảo quyền lợi cho sự gắn bó lâu dài của người lao động.

- Về hạch toán trên phần mềm:

• Ở nghiệp vụ hạch toán chi phí lệ phí môn bài và nộp lệ phí môn bài (**Được trình bày ở phụ lục 16 và 17**). Kế toán quên không hạch toán chi phí lệ phí môn bài ngày 01/01/2025 và nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 06/08/2025. Kế toán phải chỉnh sửa lại sổ sách kế toán 2025 thêm định khoản như sau:

+ Định khoản chi phí lệ phí môn bài năm 2025

Nợ TK 6422: 2.000.000

Có TK 3339: 2.000.000

+ Định khoản nộp lệ phí môn bài năm 2025

Nợ TK 3339: 2.000.000

Có TK 1111: 2.000.000

• Làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính trong năm 2025:

- Chi phí quản lý doanh nghiệp bị thấp hơn thực tế
- Lợi nhuận kế toán trước thuế bị cao hơn thực tế (lãi ảo)

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn giữ một vị trí, vai trò quan trọng trong doanh nghiệp. Thông qua doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, nhà quản lý và các bên thứ ba sẽ biết được rằng doanh nghiệp có đang thực sự kinh doanh hiệu quả hay không. Doanh nghiệp muốn các chỉ tiêu này luôn đạt hiệu quả thì công tác quản lý phải tốt và chặt chẽ.

Qua quá trình học tập trên lớp và thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa đã giúp em hiểu được tầm quan trọng của việc “học đi đôi với hành”. Đây là khoảng thời gian giúp em thực hành những kiến thức mình đã được học vào thực tế. Ngoài ra, giai đoạn này còn tạo điều kiện cho em hiểu đúng hơn, sâu hơn, chắc hơn về kiến thức mình đã được học, đồng thời giúp em tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn, các kỹ năng mềm để hành trang cho mình trong chặng đường sắp tới.

Chính vì thế trong quá trình thực tập em luôn cố gắng học hỏi, nghiên cứu áp dụng lý luận vào thực tiễn. Sau khi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này em càng thấy rõ tính quan trọng và cấp thiết đề tài Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời em cũng xin trình bày một số đề xuất nhỏ góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ, năng lực của bản thân em còn nhiều hạn chế nên việc hoàn thành đề tài này còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự động viên, hướng dẫn của các thầy cô giáo để giúp em có thể hoàn thiện đề tài của mình được tốt hơn. Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn cô Nguyễn Thị Thanh Phương đã luôn nhiệt tình, tận tình chỉ dẫn, hỗ trợ em để em hoàn thiện bài khóa luận này một cách tốt nhất, cảm ơn các anh chị tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách Hóa đã tạo điều kiện cho em được thực tập và hoàn thành tốt đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện

Hồ Thị Ngọc Như

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính
2. Luật doanh nghiệp số 67/2025/QH15 của Quốc hội
3. Luật bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH13
4. Giáo trình Nguyên lý kế toán
5. Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp
6. Khóa luận tốt nghiệp của các sinh viên khóa trước Trường đại học Kiến Trúc Đà Nẵng
7. Tài liệu kế toán năm 2025 của Công ty TNHH Thương Mại & Dịch VỤ Bách Hóa

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, Hồ Thị Ngọc Như, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ Có, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ Không, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:**
 - ChatGPT, Gemini
- Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):
 - Tìm kiếm ý tưởng đề tài, lập dàn ý sơ bộ, tóm tắt các tài liệu tham khảo, kiểm tra và sửa lỗi chính tả cho văn bản.
- Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**
 - Hỗ trợ sửa lỗi diễn đạt tại Lời mở đầu, Lời cảm ơn, Kết luận.
 - Hỗ trợ dịch thuật và tóm tắt tài liệu ở Chương 1.
 - Hỗ trợ kiểm tra lỗi chính tả toàn bộ văn bản trước khi in.
- Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.**
 - ☐ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.

- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khóa luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: Ngày:

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Trích sổ Nhật Ký Chung năm 2025

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÀ
K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0402145647

Mẫu số: S03A-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi	Chứng từ	Ngày	Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu				Nợ	Có
01/01/25	PKT.000001/01	01/01/25	Kết chuyển lãi lỗ đầu năm		142.074.576	142.074.576
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	142.074.576	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	4211		142.074.576
...	...	...	...	...	...	...
02/01/25	CTNH.000903/01	02/01/25	Thu tiền khách hàng HD81 năm 2024		2.090.000	2.090.000
			Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	1121_EX	2.090.000	
			Phải thu của khách hàng	131		2.090.000
...	...	...	...	...	...	...
08/01/25	HD.8	08/01/25	Dịch vụ HD số: 8 Ngày: 08/01/2025		3.205.359.000	3.205.359.000
			Phải thu của khách hàng	131	3.205.359.000	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		2.967.925.000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		237.434.000
...	...	...	...	...	...	...
14/02/25	PC.898	14/02/25	Nhập kho Giấy IK Copy A4/70 HD số: 898		750.600	750.600
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	750.600	
			Tiền Việt Nam	1111		750.600
...	...	...	...	...	...	...
25/02/25	CTNH.000065/01	25/02/25	Thu tiền CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FRACO thanh toán		172.800.000	172.800.000
			Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	1121_EX	172.800.000	
			Phải thu của khách hàng	131		172.800.000
...	...	...	...	...	...	...
03/03/25	HDBR.63	03/03/25	Bán hàng HD số: 63 Ngày: 03/03/2025		20.683.138	20.683.138
			Phải thu của khách hàng	131	20.683.138	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		18.802.853
			Thuế GTGT đầu ra	33311		1.880.285
...	...	...	...	...	...	...
03/03/25	HDBR.64	03/03/25	Bán hàng HD số: 64 Ngày: 03/03/2025		16.090.569	16.090.569
			Phải thu của khách hàng	131	16.090.569	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		14.898.675
			Thuế GTGT đầu ra	33311		1.191.894
...	...	...	...	...	...	...
25/03/25	CTNH.000093/01	25/03/25	Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt		103.000.000	103.000.000
			Tiền Việt Nam	1111	103.000.000	
			Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	1121_EX		103.000.000
...	...	...	...	...	...	...
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212		329.171.822
...	...	...	...	...	...	...
11/04/25	CTNH.000105/01	11/04/25	Thu tiền CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ VINH GC thanh toán		32.532.972	32.532.972
			Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	1121_EX	32.532.972	
			Phải thu của khách hàng	131		32.532.972
...	...	...	...	...	...	...

24/04/25	CTNH.0001 15/01	24/04/25	Thu lãi tiền gửi ngân hàng		302	302
			Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	1121_EX	302	
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		302
...	...	...	...	...	...	...
30/04/25	CPCPB.001/ 4	30/04/25	Hạch toán CP CPB : Chứng thư số gói ONECA4Y Tháng 4		27.349	27.349
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	27.349	
			Chi phí trả trước	242		27.349
30/04/25	CPCPB.002/ 4	30/04/25	Hạch toán CP CPB : Phần mềm token manager ONECA4Y Tháng 4		136.583	136.583
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	136.583	
			Chi phí trả trước	242		136.583
...	...	...	...	...	...	...
17/05/25	HDBR.23	17/05/25	Bán hàng hóa Công nợ		2.622.376	2.622.376
			Phải thu của khách hàng	131	2.622.376	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		2.428.126
			Thuế GTGT đầu ra	33311		194.250
...	...	...	...	...	...	...
17/05/25	PXK.23	17/05/25	Xuất kho theo HD số : 23,17/05/25		2.058.855	2.058.855
			Giá vốn hàng bán	632	2.058.855	
			Hàng hoá	1561		2.058.855
...	...	...	...	...	...	...
24/05/25	HD.25	24/05/25	Doanh thu dịch vụ Công nợ		66.004.448	66.004.448
			Phải thu của khách hàng	131	66.004.448	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		61.115.230
			Thuế GTGT đầu ra	33311		4.889.218
...	...	...	...	...	...	...
24/05/25	PXKNL .000052/01	24/05/25	Xuất kho nvl theo HD025 ngày 24/05/25		36.387.963	36.387.963
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154	36.387.963	
			Nguyên liệu, vật liệu	152		36.387.963
...	...	...	...	...	...	...
31/05/25	GV.001	31/05/25	KC chi phí dở dang nhân công vào 632, Công trình : HD025		69.429.782	69.429.782
			Giá vốn hàng bán	632	69.429.782	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154		69.429.782
...	...	...	...	...	...	...
31/05/25	PC.000001/0 1	31/05/25	Chi lương tháng 5		350.200.000	350.200.000
			Phải trả người lao động	334	350.200.000	
			Tiền Việt Nam	1111		350.200.000
...	...	...	...	...	...	...
31/05/25	PKT.000002 /01	31/05/25	Hạch toán lương tháng 5		350.200.000	350.200.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	51.500.000	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154	298.700.000	
			Phải trả người lao động	334		350.200.000
...	...	...	...	...	...	...
02/06/25	PNK.78	02/06/25	Nhập kho theo HD số: 78, Ngày 02/06/2025		19.990.098	19.990.098
			Nguyên liệu, vật liệu	152	18.509.350	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	1.480.748	
			Phải trả cho người bán	331		19.990.098
...	...	...	...	...	...	...
10/06/25	CTNH.0009 82/01	10/06/25	THU LAI VAY QUA HAN PDL2512700093		7.240.041	7.240.041
			Chi phí tài chính	635	7.240.041	
			Ngân hàng sacombank	1121_SCB		7.240.041
...	...	...	...	...	...	...
28/06/25	HDBR.58	28/06/25	Bán hàng Ngày: 28/06/2025		550.011.792	550.011.792
			Phải thu của khách hàng	131	550.011.792	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		500.010.720
			Thuế GTGT đầu ra	33311		50.001.072
...	...	...	...	...	...	...

28/06/25	PXK.58	28/06/25	Xuất kho theo HĐ số : 58,28/06/25		454.573.480	454.573.480
			Giá vốn hàng bán	632	454.573.480	
			Nguyên liệu, vật liệu	152		454.573.480
...	...	...	...	...	...	...
30/06/25	KCV.1	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 33311 sang 133		1.004.939.309	1.004.939.309
			Thuế GTGT đầu ra	33311	1.004.939.309	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331		1.004.939.309
...	...	...	...	...	...	...
30/06/25	KC.01	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111		1.728.824.670	1.728.824.670
			Doanh thu bán hàng hóa	5111	1.728.824.670	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		1.728.824.670
30/06/25	KC.02	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113		3.504.750.000	3.504.750.000
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113	3.504.750.000	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		3.504.750.000
30/06/25	KC.03	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515		5.826	5.826
			Doanh thu hoạt động tài chính	515	5.826	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		5.826
30/06/25	KC.04	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		9.869.476.310	9.869.476.310
			Xác định kết quả kinh doanh	911	9.869.476.310	
			Giá vốn hàng bán	632		9.869.476.310
30/06/25	KC.05	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635		7.240.041	7.240.041
			Xác định kết quả kinh doanh	911	7.240.041	
			Chi phí tài chính	635		7.240.041
30/06/25	KC.06	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		65.724.819	65.724.819
			Xác định kết quả kinh doanh	911	65.724.819	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		65.724.819
30/06/25	KC.07	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		4.708.860.674	4.708.860.674
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	4.708.860.674	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		4.708.860.674
...	...	...	...	...	...	...
01/07/25	CTNH.34687	01/07/25	Phí dịch vụ ngân hàng HĐ số: 34687		61.072	61.072
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	55.520	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	5.552	
			Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	1121_EX		61.072
...	...	...	...	...	...	...
05/08/25	HD.80	05/08/25	Dịch vụ HĐ số: 80 Ngày: 05/08/2025		15.383.801	15.383.801
			Phải thu của khách hàng	131	15.383.801	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		14.244.260
			Thuế GTGT đầu ra	33311		1.139.541
...	...	...	...	...	...	...
20/08/25	PXK.98	20/08/25	Xuất kho theo HĐ số : 98,20/08/25		56.164.221	56.164.221
			Giá vốn hàng bán	632	56.164.221	
			Hàng hoá	1561		56.164.221
...	...	...	...	...	...	...
06/09/25	HDBR.111	06/09/25	Doanh thu bán hàng hóa Ngày: 06/09/2025		30.673.590	30.673.590
			Phải thu của khách hàng	131	30.673.590	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		28.386.750
			Thuế GTGT đầu ra	33311		2.286.840
...	...	...	...	...	...	...
10/10/25	CTNH.001019/01	10/10/25	THU LAI VAY QUA HAN PDLĐ2512700093		7.489.689	7.489.689
			Chi phí tài chính	635	7.489.689	
			Ngân hàng sacombank	1121_SCB		7.489.689
...	...	...	...	...	...	...
13/11/25	CTNH.000648/01	13/11/25	Nộp tiền mặt vào tiền gửi ngân hàng		30.000.000	30.000.000
			Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	1121_EX	30.000.000	

			Tiền Việt Nam	1111		30.000.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	PKT.000004/01	31/12/25	Hạch toán thuế TNDN		34.309.514	34.309.514
			Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821	34.309.514	
			Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		34.309.514
31/12/25	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632		9.004.684.534	9.004.684.534
			Giá vốn hàng bán	632	9.004.684.534	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154		9.004.684.534
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111		1.163.336.242	1.163.336.242
			Doanh thu bán hàng hóa	5111	1.163.336.242	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		1.163.336.242
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113		4.344.742.822	4.344.742.822
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113	4.344.742.822	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		4.344.742.822
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515		3.476	3.476
			Doanh thu hoạt động tài chính	515	3.476	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		3.476
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		9.870.749.895	9.870.749.895
			Xác định kết quả kinh doanh	911	9.870.749.895	
			Giá vốn hàng bán	632		9.870.749.895
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		59.015.915	59.015.915
			Xác định kết quả kinh doanh	911	59.015.915	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		59.015.915
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821		34.309.514	34.309.514
			Xác định kết quả kinh doanh	911	34.309.514	
			Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821		34.309.514
31/12/25	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		4.455.992.784	4.455.992.784
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	4.455.992.784	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		4.455.992.784
			Tổng cộng		282.025.942.008	282.025.942.008

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LÊ THỊ HOA

Phụ lục 2. Giấy phép kinh doanh

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
PHÒNG DOANH NGHIỆP VÀ ĐĂNG KÝ
KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0402145647
Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 04 năm 2022
Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 14 tháng 11 năm 2023

1. Tên công ty
Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ
BÁCH HOÀ
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính
K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 0788.090.979 Số Fax:
Thư điện tử: bachhoawindows@gmail.com Website:

3. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng.
Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu
Họ, chữ đệm và tên: LÊ THỊ HOA Giới tính: Nữ
Ngày, tháng, năm sinh: 09/09/1981 Quốc tịch: Việt Nam
Số định danh cá nhân: 051181013427
Địa chỉ liên lạc: Tổ 49, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

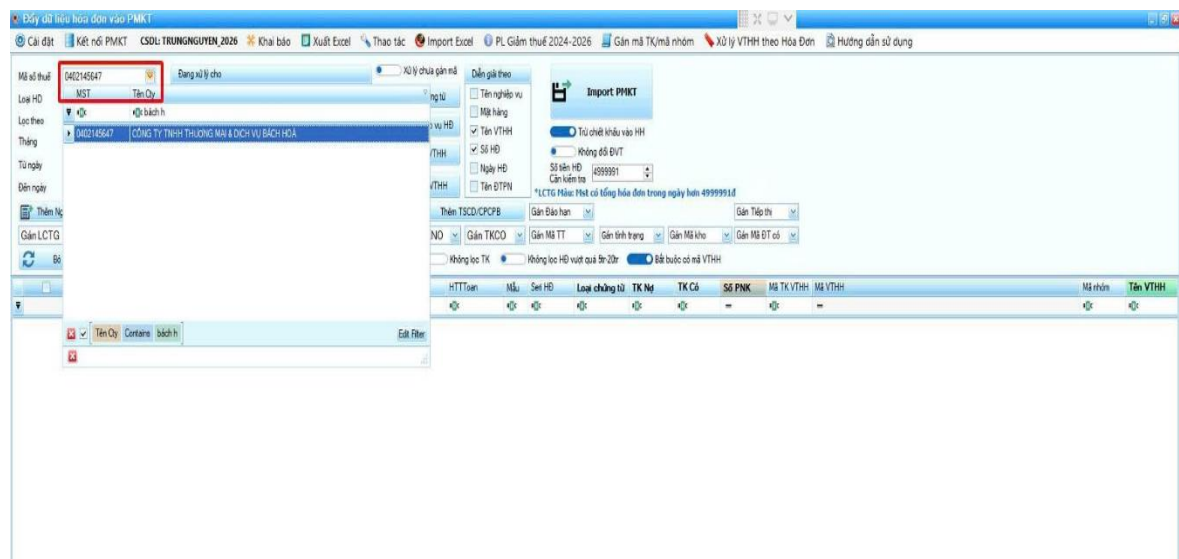
5. Người đại diện theo pháp luật của công ty
* Họ, chữ đệm và tên: LÊ THỊ HOA Giới tính: Nữ
Ngày, tháng, năm sinh: 09/09/1981 Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ liên lạc: Tổ 49, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty
* Họ, chữ đệm và tên: LÊ THỊ HOA Giới tính: Nữ
Ngày, tháng, năm sinh: 09/09/1981 Quốc tịch: Việt Nam
Số định danh cá nhân: 051181013427
Chức danh: Giám đốc
Địa chỉ liên lạc: Tổ 49, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

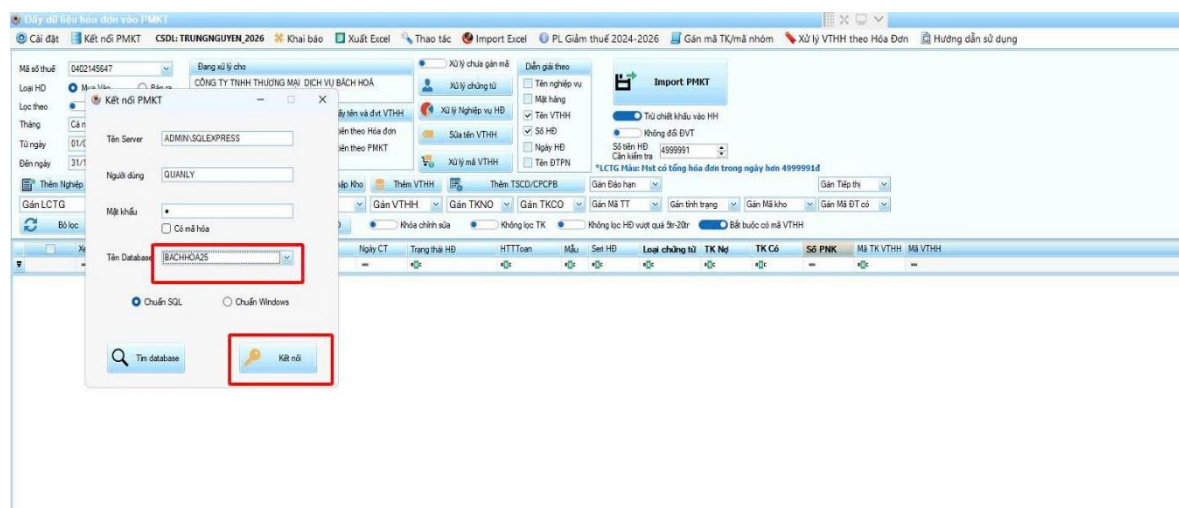
**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**


Trần Anh Dũng

Phụ lục 3. Cách kết nối dữ liệu công ty với phần mềm Nano Bot Tool



Phụ lục 4. Cách kết nối Data phần mềm SmartPro và Nano Bot Tool



Phụ lục 5. Hóa đơn GTGT số 23, ngày 17/05/2025 trên sổ chứng từ gốc

[illegible]

Phụ lục 6. Giao diện chi tiết chứng từ hóa đơn 25 trên phần mềm

Logo NHẬP PHÁT SINH

4. Copy

3. Khác

2. Thông tin khách hàng

1. Nhập

Loại chủ HD

Mã KH

Seri HD

Số HD

Ngày HD

HO VAT

SIT

25

88478

1C2THB

25

24/05/25

R

2

Đến giá

Số cáo

Ngày

Tham bản

Doanh thu dịch vụ Công nợ

CT HD025

Số dư cuối Ngày

Số dư cuối Tháng

TK Nợ

DTPH Nợ

YTCP Nợ

TK Có

DTPH Có

131

88478

5113

88478

Phải thu của khách hàng

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰ...

Doanh thu cung cấp dịch vụ

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰ...

Tiền VND

TS

TK Thuế

Thuế VND

Tổng tiền

61,115,230

8

33311

4,889,218

66,004,448

TT	Đến giá	TK Nợ	DTPH Nợ	TK Có	DTPH Có	Thành tiền VND	% CẢ	Chết khấu	Loại thuế	TK Thuế	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	Mã C.Trình	Tên công trình	Mã hợp đồng	Ngày H.đồng
1	Doanh thu dịch vụ Công nợ	131	88478	5113	88478	61,115,230	0	0	8	33311	8	4,889,218	66,004,448	HD025			

Tiền hàng

Tiền thuế

Tổng T. toán

61,115,230

4,889,218

66,004,448

1

61,115,230

0

4,889,218

66,004,448

Tiếp

Mã KTC

Mã

Sửa dòng

Lưu dòng

Liệt

Phóng to

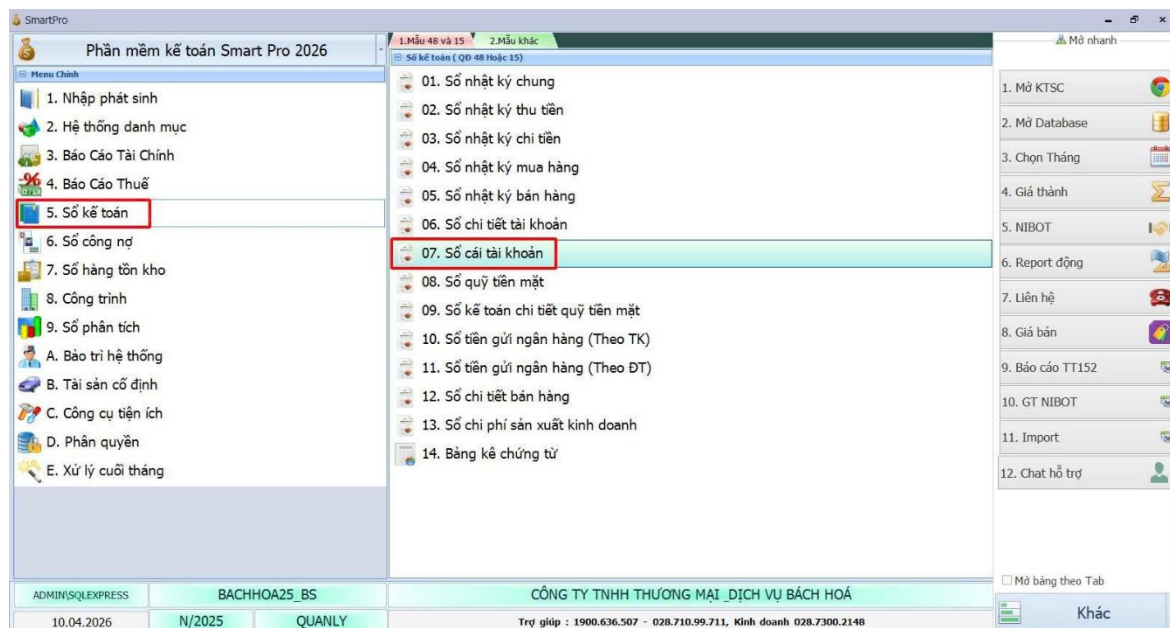
Khác

View (Ctrl+F)

Tr (Ctrl+I)

Lưu (F12)

Phụ lục 7. Cách xuất và xem sổ cái các tài khoản



SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Chọn tháng, quý, năm

Tháng: N

Từ ngày: 01/01/25

Đến ngày: 31/12/25

Ngày in: 31/12/25

Tài khoản: 511

Số ký tự TK: 3

Công trình:

Các tùy chọn khác

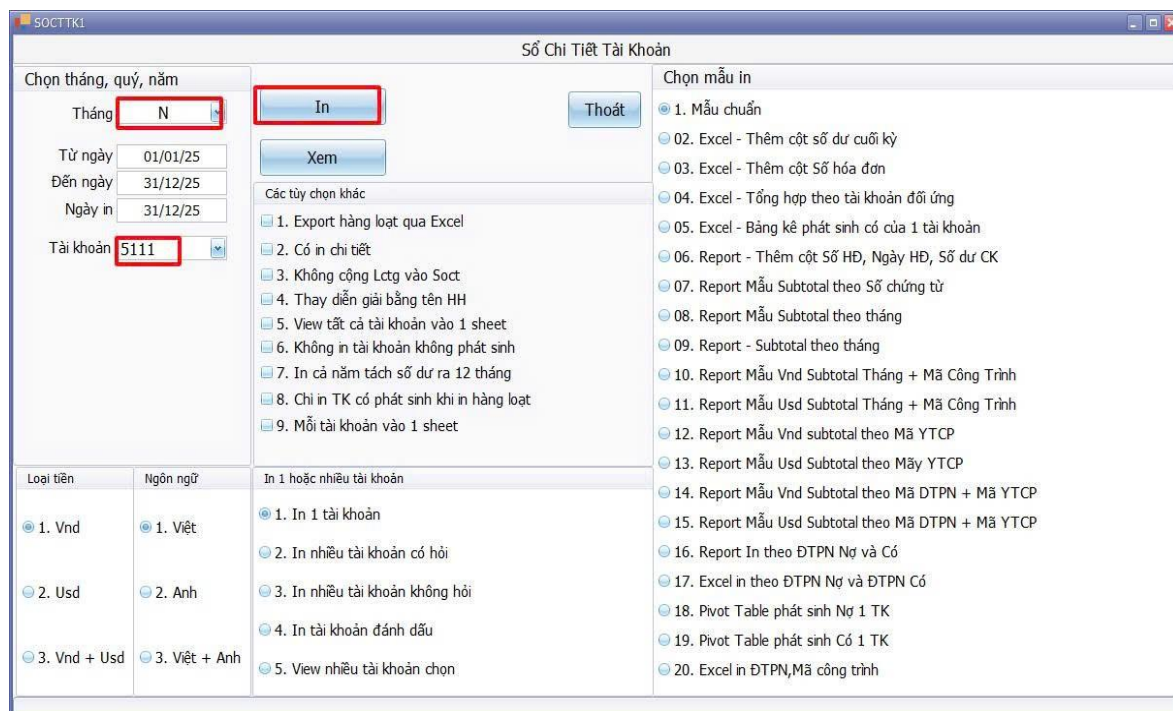
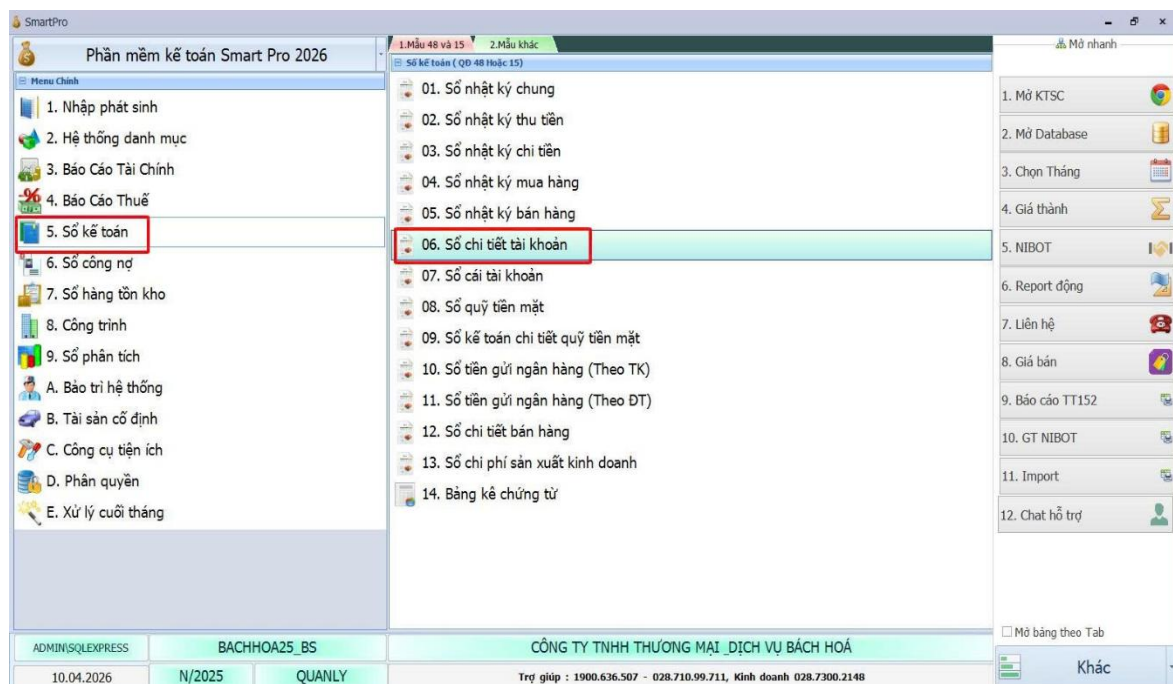
- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☒ 2. In theo sổ ký tự tài khoản
- ☒ 3. Chi View tài khoản cấp 1
- ☐ 4. Mỗi tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 5. In dòng diễn giải 2

Kiểu gộp

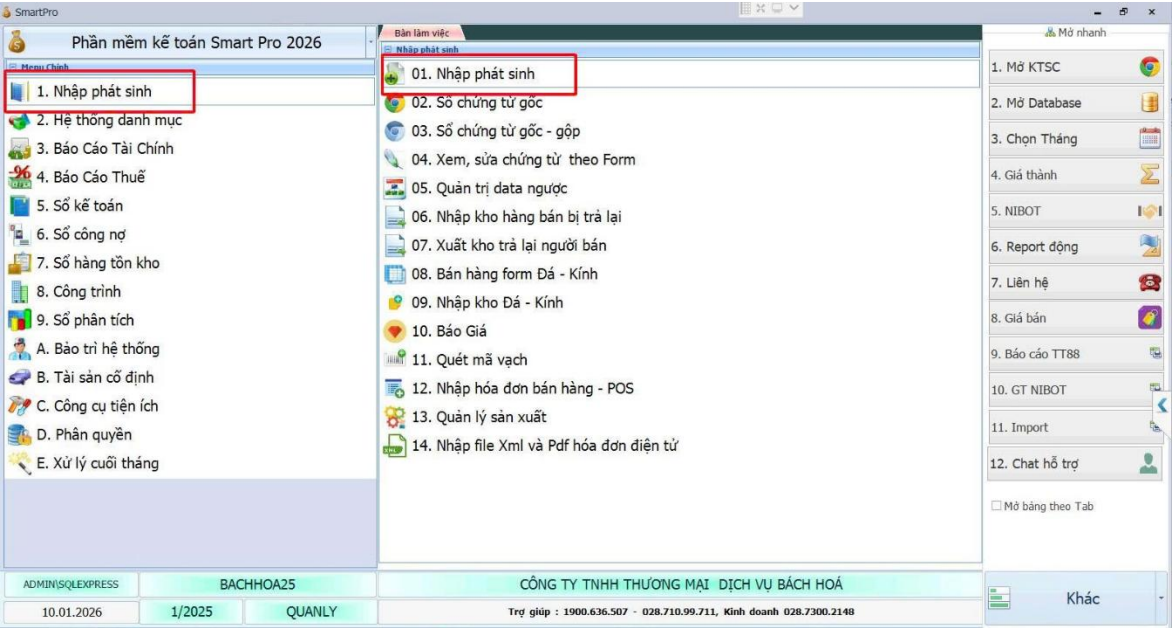
- ☒ 1. Gộp theo Sổ chứng từ
- ☐ 2. Gộp theo Sổ chứng từ + TKNO + TKCO
- ☐ 3. Gộp theo Sổ chứng từ + TKNO + TKCO + Sổ hóa đơn
- ☐ 4. Sổ chứng từ + Mã đối tượng + Mã Công trình + Sổ hợp đồng
- ☐ 5. TKNO + TKCO + DIENGLAI
- ☐ 6. Không gộp

Loại tiền	Ngôn ngữ	In 1 hoặc nhiều tài khoản	Chọn mẫu in	Kiểu sắp xếp
☒ 1. Vnd	☒ 1. Việt	☒ 1. In 1 tài khoản	☒ 01. Mẫu chuẩn	☒ 1. Ngày + Loại + Số
☐ 2. Usd	☐ 2. Anh	☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi	☐ 02. Có sổ hóa đơn	☐ 2. Ngày + STT
☐ 3. Vnd + Usd	☐ 3. Việt + Anh	☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi	☐ 03. Theo hình thức chứng từ ghi sổ	
		☐ 4. In tài khoản đánh dấu	☐ 04. View tất cả tài khoản vào 1 Sheet	
			☐ 05. Sổ tổng hợp theo đối ứng	

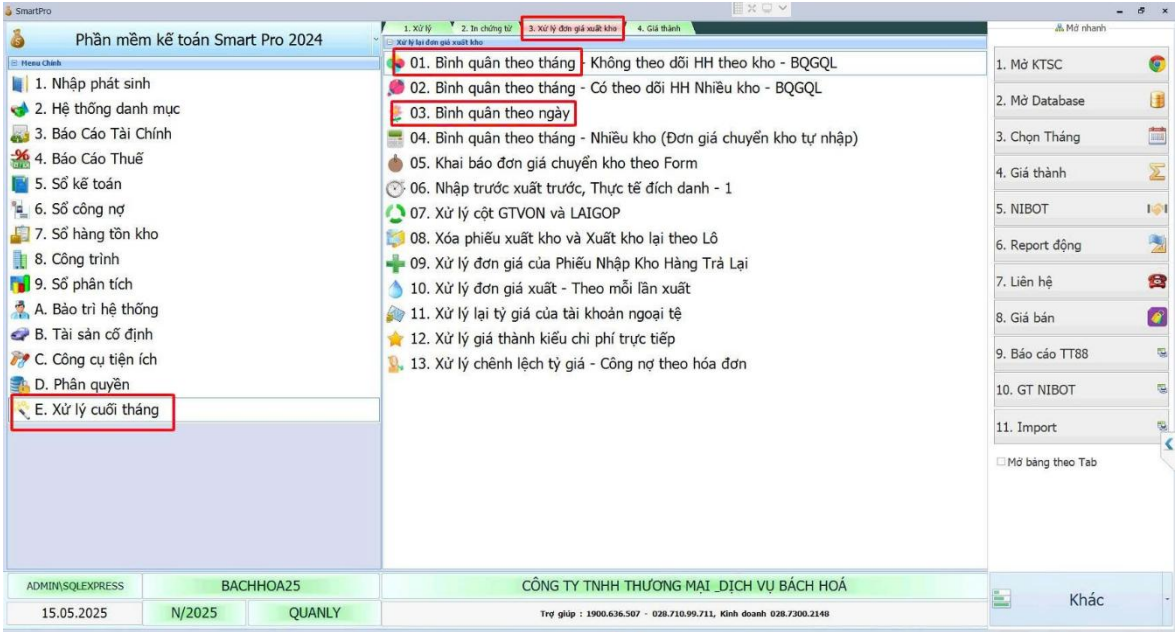
Phụ lục 8. Cách xuất và xem sổ chi tiết các tài khoản



Phụ lục 9. Giao diện nhập chứng từ ngân hàng trên phần mềm SmartPro



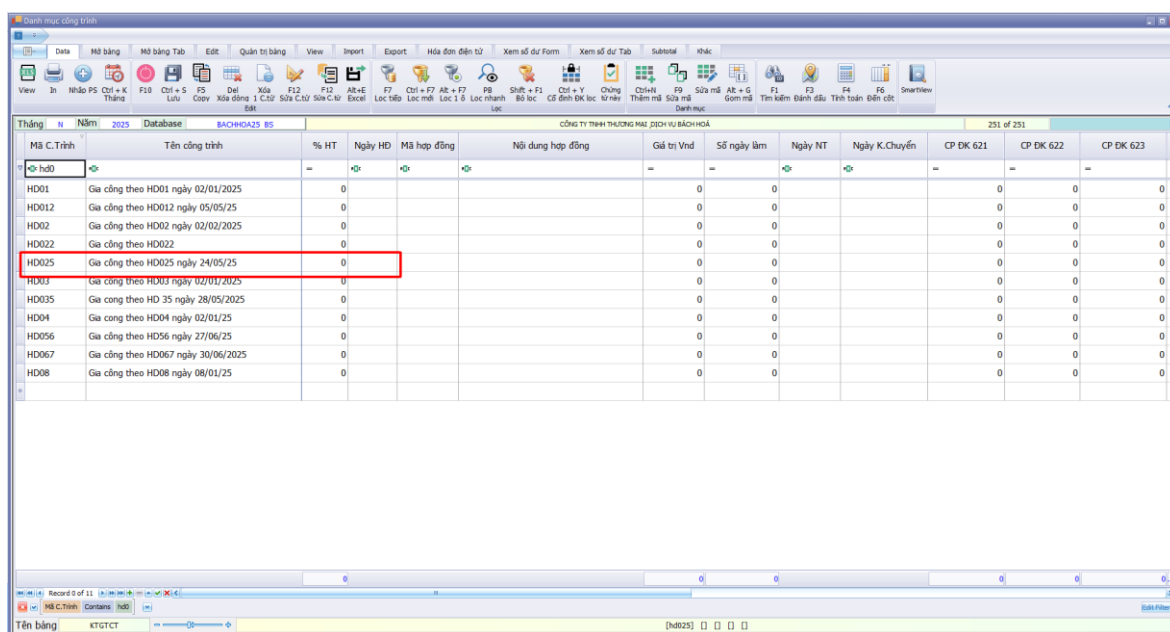
Phụ lục 10. Giao diện tính giá xuất kho trên phần mềm SmartPro



Phụ lục 11. Cách khai báo danh mục công trình

Bước 1: Khai báo danh mục công trình

- Vào Menu chính chọn mục “**Công trình**” -> Chọn “**Khai báo cho công trình**” -> “**Danh mục công trình**” (hoặc nhấn Ctrl+N tại mục 06 để thêm mới).
- Trong bảng này khai báo mã công trình “**HD025**” -> Tên công trình “**Gia công theo HD025 ngày 24/05/25**” -> Số hợp đồng, giá trị hợp đồng, chi phí dở dang đầu kỳ (nếu có), sau khi khai báo xong có giao diện như sau:



Mã C.Trình	Tên công trình	% HT	Ngày HD	Mã hợp đồng	Nội dung hợp đồng	Giá trị Vnd	Số ngày làm	Ngày NT	Ngày K.Chuyển	CP DK 621	CP DK 622	CP DK 623
HD01	Gia công theo HD01 ngày 02/01/2025	0				0	0			0	0	0
HD012	Gia công theo HD012 ngày 05/05/25	0				0	0			0	0	0
HD02	Gia công theo HD02 ngày 02/02/2025	0				0	0			0	0	0
HD022	Gia công theo HD022	0				0	0			0	0	0
HD025	Gia công theo HD025 ngày 24/05/25	0				0	0			0	0	0
HD03	Gia công theo HD03 ngày 02/01/2025	0				0	0			0	0	0
HD035	Gia công theo HD 35 ngày 28/05/2025	0				0	0			0	0	0
HD04	Gia công theo HD04 ngày 02/01/25	0				0	0			0	0	0
HD056	Gia công theo HD56 ngày 27/06/25	0				0	0			0	0	0
HD067	Gia công theo HD067 ngày 30/06/2025	0				0	0			0	0	0
HD08	Gia công theo HD08 ngày 08/01/25	0				0	0			0	0	0

Hình 1. Giao diện khai báo danh mục công trình trên phần mềm SmartPro

Bước 2: Nhập phát sinh cho công trình

- Vào mục “**Công cụ tiện ích**” -> Chọn “**Thêm bảng thêm cột vào CSDL từ doanh sách cột**” để thêm mã công trình vào màn hình nhập liệu.
- Khi nhập phát sinh liên quan đến tài khoản **154** phải gán mã YTCP tương ứng để phần mềm hiểu và tập hợp chi phí: **NVL, NC** như sau:

a. Chi phí nguyên vật liệu:

Loại ctđ: PXXNL

Mã KH:

Seri HD:

Số HD:

Ngày HD:

HD VAT:

STT:

Số ctđ: 000052/01

Ngày ctđ: 24/05/25

Diễn giải: Xuất kho nvl theo HD025 ngày 24/05/25

CT: HD025

TK Ng: 154

ĐTPI Ng:

YTCP Ng: NVL

TK Có: MTC

ĐTPI Có: NVL

HH Xuất: HH00607

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

TENYTCP

Máy Thi Công

Nhân công

Nguyên Vật Liệu

Sản Xuất Chung

Hệ thống cửa tự động FALCON (Model: NEW DC-90)

Số dư cuối Ngày:

Số dư cuối Tháng:

Số lượng: 2.000

Đơn giá: 14,400,000.00

Tiền VND: 28,800,000

Tổng tiền: 0

TT	TK Ng	TK Có	Kho	Mã HH Xuất	Tên danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND	Mã TP	Tên thành phẩm
1	154	152		HH00607	Hệ thống cửa tự động FALCON (Model: NEW ...	BỘ	2.000	14,400,000	28,800,000		
2	154	152		NVL00021	Tấm ốp 5 kg	m2	79.900	94,968	7,587,963		

Tiền hàng: 36,387,963

Tiền thuế: 0

Tổng T. toán: 36,387,963

Hình 2. Giao diện phiếu xuất kho nguyên liệu trên phần mềm SmartPro

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ

K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MST : 0402145647

Mẫu số : 02-VT

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 24 tháng 5 năm 2025

Số : 000052/01

Nợ : 154

Có : 152

Họ tên người nhận hàng :

Tên khách hàng :

Theo hóa đơn số :

Xuất tại kho : Kho công ty

Ngày :

STT	Mã	Tên hàng hóa, thành phẩm, nguyên liệu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	HH00607	Hệ thống cửa tự động FALCON (Model: NEW DC-90)	BỘ	2	14,400,000	28,800,000
2	NVL00021	Tấm ốp 5 kg	m2	79.9	94,968	7,587,963
Tổng cộng :						36,387,963

Số tiền viết bằng chữ : Ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng

Người lập (Ký, họ tên)

Người nhận hàng (Ký, họ tên)

Thủ kho (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng (Ký, họ tên)

Hình 3. Phiếu xuất kho nguyên vật liệu cho HD25

b. Chi phí nhân công

Chi phí nhân công trong quá trình sản xuất và thi công ở tại công ty được phân bổ theo tiêu thức chi phí nguyên vật liệu. Cuối tháng, kế toán vào “**Công trình**” -> Chọn Tab “**Xử lý giá thành**” -> Chọn mục “**Phân bổ chi phí – gián tiếp**” -> Chọn tháng cần phân bổ “**Tháng 5**” -> Chọn “**Phân bổ tự động**”.

Hình 4. Phân bổ chi phí nhân công trên phần mềm SmartPro

Sau khi phân bổ chi phí nhân công hiển thị bảng phân bổ công trình như sau:

Tháng	Stt	Mã C.Trình	Tên công trình	Chứng g từ	S Ng... HD	Số c.từ	Ngày C.từ	Diễn giải	TK Nợ	Đ YTCP Nợ	M L... nhập	TK Có	M L...	Đ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND
5	3	HD025	Gia công theo HD025 ngày 24/05/25 PKT			000002...	31/05/25	Hạch toán lương nhân công tháng 5	154	NC		334			0.000	0	33,041,819

Hình 5. Bảng phân bổ chi phí nhân công hóa đơn số 25

Ví dụ minh họa: Ngày 31/05/2025 phân bổ chi phí nhân công tháng 5 cho các hóa đơn công trình trong tháng như sau:

$$\begin{aligned}\text{Chi phí phân bổ cho SP A} &= \frac{\text{Tổng chi phí nhân công chung}}{\text{Tổng chi phí nguyên vật liệu}} \times \text{Tổng chi phí NVL cho SP A} \\ &= \frac{298.700.000}{328.949.339} \times 36.387.963 \\ &= 33.041.819 \text{ đồng}\end{aligned}$$

Phụ lục 12. Phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ

[03] Mã số thuế: 0402145647

Mẫu số: **03-1A/TNDN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	29.227.799.216
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	27.102
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	28.889.955.695
a	Giá vốn hàng bán	[13]	28.168.774.381
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	721.181.314
5	Chi phí tài chính	[16]	52.047.953
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	285.822.670
7	Thu nhập khác	[19]	0
8	Chi phí khác	[20]	0
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	0
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	285.822.670

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 20 tháng 04 năm 2026

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ
THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

LÊ THỊ HOA

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HÓA WINDOWS.

Phụ lục 13. Hướng dẫn nộp tờ khai quyết toán 03/TNDN

Các bước nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN

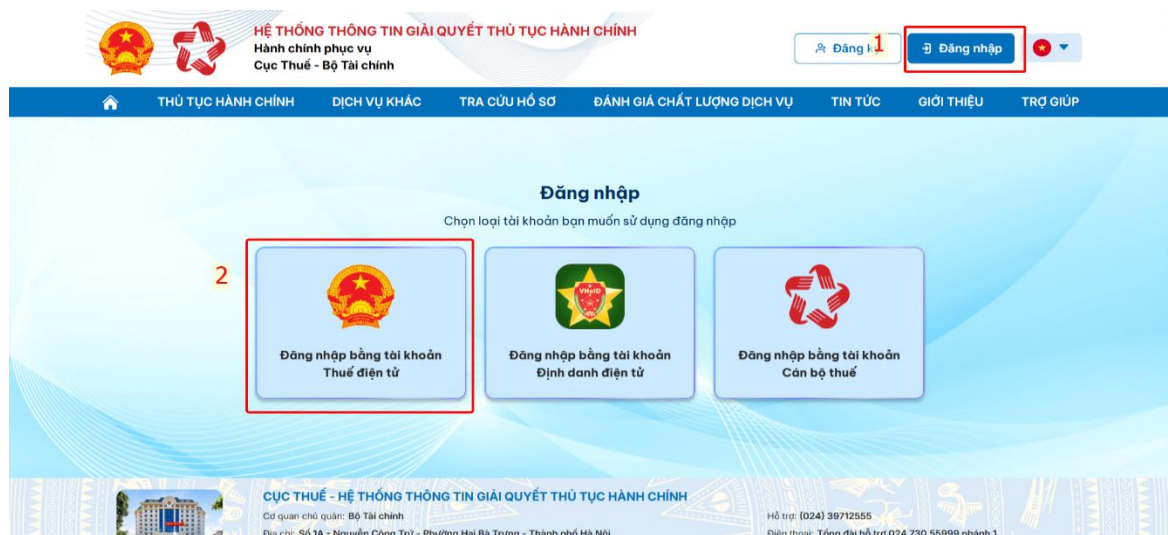
- Bước 1: Kết xuất file tờ khai XML từ HTKK

- Mở phần mềm HTKK (phiên bản mới nhất), chọn "Thuế thu nhập doanh nghiệp" -> "Quyết toán thuế TNDN năm (03/TNDN)".
- Nhập đầy đủ số liệu vào tờ khai và các phụ lục đính kèm.
- Bấm "Kết xuất" -> Chọn định dạng XML -> Lưu file (file này sẽ bao gồm cả tờ khai và báo cáo tài chính nếu kết xuất cùng nhau).

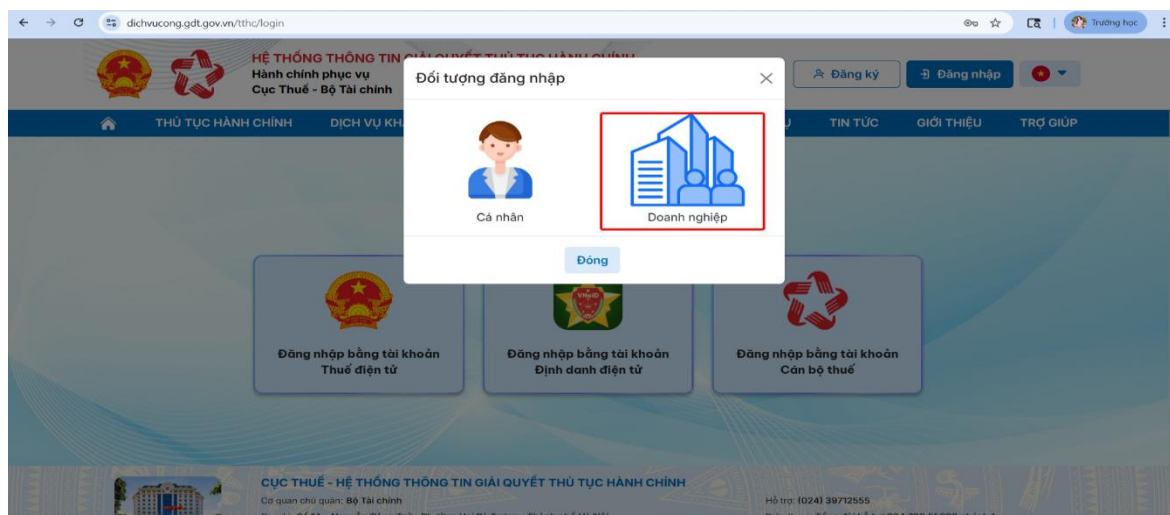
- Bước 2: Truy cập vào trang <https://dichvucong.gdt.gov.vn>

- Bước 3: Đăng nhập tài khoản của doanh nghiệp vào hệ thống

- Chọn loại tài khoản bạn muốn sử dụng đăng nhập



- Đối tượng đăng nhập: chọn “Doanh nghiệp”



- Thực hiện nhập thông tin đăng nhập:

+ Nhập tên đăng nhập MST và mật khẩu của doanh nghiệp

+ Nhập mã captcha

+ Bấm vào “Đăng nhập” để đăng nhập vào hệ thống.

- **Bước 4: Chọn chức năng “*Thủ tục hành chính*” và tìm kiếm theo tờ khai 03/TNDN - Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TT80/2021).**

- **Bước 5: Tại màn hình chọn tờ khai, chọn mẫu tờ khai “03/TNDN_Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TT80/2021)” sau đó chọn “Tiếp tục”**

HỆ THỐNG THÔNG TIN CỦA QUẢN LÝ THUẾ
Hành chính phục vụ
Cục Thuế - Bộ Tài chính

Chọn tờ khai

03/TNDN - Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN (TT80/2021)

Tiếp tục

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | DỊCH VỤ KHÁC | TRA

Tra cứu thủ tục hành chính

Tên/Mã thủ tục hành chính

Tờ khai

03/TNDN - Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN (TT80/2021)

Mức độ

Loại Người Nộp Thuế

---Tất cả---

Tìm kiếm

Trang 1/1 — Tổng số bản ghi: 1 (144 TTHC)

STT	Mã	Tên thủ tục	Mức độ	Cơ quan thực hiện	Nộp hồ sơ
1	1.008346	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp doanh thu - chi phí	Toàn trình	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế cơ sở	

- Chọn “Nộp tờ khai XML” và chọn “Tiếp tục”

HỆ THỐNG THÔNG TIN CỦA QUẢN LÝ THUẾ
Hành chính phục vụ
Cục Thuế - Bộ Tài chính

Chọn hình thức nộp hồ sơ

☐ kê khai trực tuyến

☒ Nộp XML

Tiếp tục

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | DỊCH VỤ KHÁC | TRA

Tra cứu thủ tục hành chính

Tên/Mã thủ tục hành chính

Tờ khai

03/TNDN - Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN (TT80/2021)

Mức độ

Loại Người Nộp Thuế

---Tất cả---

Tìm kiếm

Trang 1/1 — Tổng số bản ghi: 1 (144 TTHC)

STT	Mã	Tên thủ tục	Mức độ	Cơ quan thực hiện	Nộp hồ sơ
1	1.008346	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp doanh thu - chi phí	Toàn trình	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế cơ sở	

- Bước 6: Ứng dụng chuyển sang màn hình upload tờ khai, chọn “Chọn tệp” và chọn đến đường dẫn lưu tờ khai XML để tải tờ khai lên. Sau đó chọn “Ký hồ sơ” để ký số hồ sơ trước khi gửi.

- Sau khi ký hồ sơ xong chọn danh mục tài liệu kèm theo (Báo cáo tài chính và Thuyết minh báo cáo tài chính).



HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Hành chính phục vụ
Cục Thuế - Bộ Tài chính


Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Bách
Hoá

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | DỊCH VỤ KHÁC | TRA CỨU HỒ SƠ | ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ | TIN TỨC | GIỚI THIỆU | TRỢ GIÚP

01 Nộp XML
02 Tài liệu đính kèm
03 Kết quả

03/TNDN - Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN (TT80/2021)
0402145647000-03_TNDN_TT80-Y2025-L01.xml

Chọn tệp

Quay lại

Ký hồ sơ

Tiếp tục

**File lớn hơn 5MB vui lòng ký offline bằng tool ký CTSigningHub trước khi Nộp hồ sơ


CỤC THUẾ - HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Cơ quan chủ quản: Bộ Tài chính
Địa chỉ: Số 1A - Nguyễn Công Trứ - Phường Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội
Ghi rõ nguồn "https://www.dichvucong.gdt.gov.vn" khi phát hành thông tin từ website này

Hỗ trợ: (024) 39712555
Điện thoại: Tổng đài hỗ trợ 024.730.55999 nhánh 1
Thư điện tử: nhomhthdt@gdt.gov.vn

⇒ Ký nộp hồ sơ xong màn hình báo kết quả **“Thành công”** là doanh nghiệp đã hoàn thành tờ khai.

Phụ lục 14. Hóa đơn GTGT số 898 ngày 14/02/2025



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TPG
Số: 898

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 14 tháng 02 năm 2025

MCCQT: 00DD2C287239EC46DC88CFD644FB14AECD

Tên người bán: CÔNG TY CỔ PHẦN PEGA HOLDINGS
Mã số thuế: 0317513917
Địa chỉ: Số 222 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:
Số tài khoản: 1031866789 NH Ngoại Thương (VCB) - Tân Định

Tên người mua: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0402145647
Địa chỉ: K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng, Việt Nam
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: TM/CK
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Giấy IK Copy A4/70	Ream	5	62.000	0	8%	310.000
2	Hàng hóa, dịch vụ		Giấy Blue A4/70	Ream	5	57.000	0	8%	285.000
3	Hàng hóa, dịch vụ		Bút bi TL-093 xanh hộp 20	Cây	40	2.500	0	8%	100.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	695.000
8%	695.000	55.600	Tổng giảm trừ không chịu thuế	
			Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	55.600
			Tổng tiền phí	
			Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
			Tổng giảm trừ khác	
			Tổng tiền thanh toán bằng số	750.600

Tổng tiền thanh toán bằng chữ

Bảy trăm năm mươi nghìn sáu trăm
đồng.

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
PEGA HOLDINGS
Ký ngày: 2025-02-14 09:29:13

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Phụ lục 15. Hóa đơn GTGT số 34687 ngày 01/07/2025



Mẫu số 1
Ký hiệu: K25THV
Số: 34687

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 01 tháng 07 năm 2025

MCCQT:

Tên người bán: NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM ĐÀ NẴNG

Mã số thuế: 0301179079-009

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: CONG TY TNHH THUONG MAI & DICH VU BACH HOA

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0402145647

Mã ĐVCQHVNSSN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1					0			10%	55.520

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
-----------	---------------------	----------------

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	55.520
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	5.552
Tổng tiền phí	0
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng tiền thanh toán bằng số	61.072
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Thông tin quan trọng cho người nước ngoài

- Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/05/2014; Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính để được hoàn thuế GTGT;
- Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hóa đơn)
- Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/đường biển tại sân bay quốc tế/cảng biển quốc tế

Phụ lục 16. Tờ khai lệ phí môn bài năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ MÔN BÀI (01/LPMB)

[01] Kỳ tính lệ phí: Năm Năm 2025
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: 01/LPMB
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9
năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài
chính)

[04] Người nộp lệ phí: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ
[05] Mã số thuế: 0402145647

[06] Đại lý thuế (nếu có):
[07] Mã số thuế:
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:
[09] Khai cho địa điểm kinh doanh mới thành lập trong năm []

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên người nộp lệ phí hoặc tên địa điểm kinh doanh	Quận/Huyện	Tỉnh/Thành phố	Mã số thuế người nộp lệ phí hoặc mã số địa điểm kinh doanh	Vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư	Mức lệ phí môn bài	Số tiền lệ phí môn bài phải nộp	Số tiền lệ phí môn bài được miễn	Trường hợp miễn lệ phí môn bài
(1)	(2)	(3)	(3a)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Người nộp lệ phí môn bài								
	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ	Quận Thanh Khê	Đà Nẵng	0402145647	0	2.000.000	2.000.000	0	
2	Địa điểm kinh doanh (ghi rõ tên)								
					0	0	0	0	
	Tổng cộng các địa điểm kinh doanh:						0		
	Tổng cộng:						2.000.000		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 02 tháng 01 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

LÊ THỊ

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HÓA WINDOWS.
 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HÓA WINDOWS.
 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HÓA WINDOWS.

THUẾ ĐIỆN TỬ

Cục Thuế - Bộ Tài chính

Hệ thống Thuế điện tử eTax v3.1.3
Mã số thuế: 0402145647 | Hoạt động

Đăng xuất

Dăng ký thuếKhai ThuếNộp thuếTra cứuHỎI - ĐÁPQuản lý Tài khoảnChuẩn hoá dữ liệu MST cá nhân

Lập giấy nộp tiềnLập giấy nộp tiền nộp thayPhê duyệt giấy nộp tiềnTra cứu giấy nộp tiềnTra cứu thông báoTra cứu Hồ sơ đề nghị tra soátTra cứu giấy DN xác nhậnTra cứu đề nghị bù trừ khoản nộp thừaNộp bằng kê chi tiết thuế TMĐT XMLNộp DS chi tiết thuế TNCN XMLTra cứu bằng kê chi tiết thuế

Nộp thuế > Tra cứu giấy nộp tiền

☐ Nộp tại Cổng eTax của TCT☒ Nộp tại các kênh khác

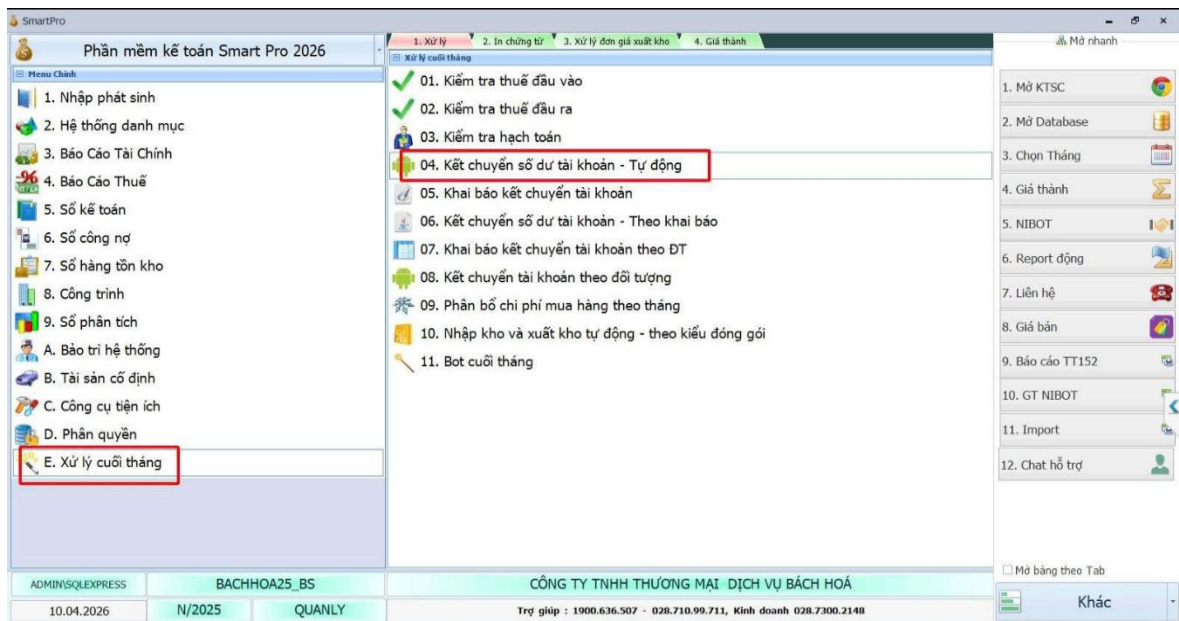
Số tham chiếu/ Mã giao dịch
Số chứng từ ngân hàng
Ngày nộp thuế từ ngày01/01/2025Đến ngày31/12/2025
Ngân hàng--Tất cả--Số tài khoản
Loại tiền--Tất cả--Hình thức nộp---Chọn---

Tra cứu

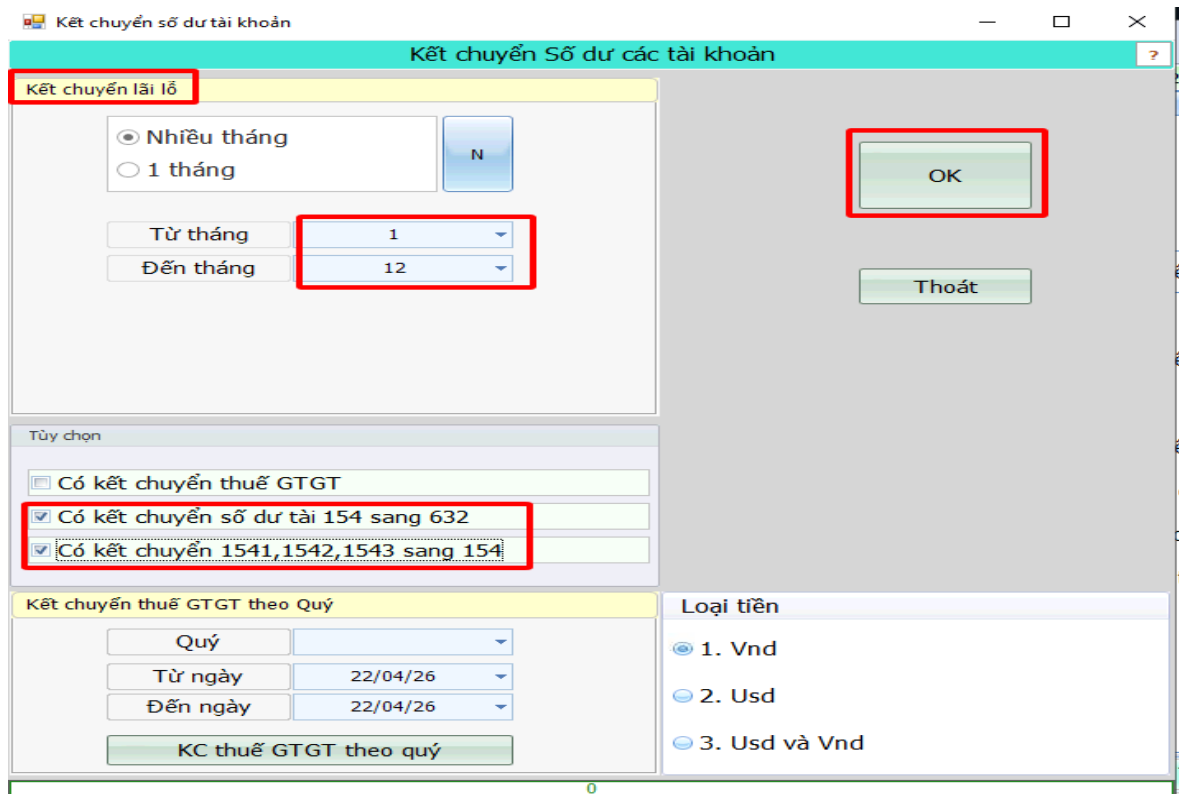
1 Trang 1/1. Có 1 bản ghi. Đến trang

DS chi	Lần nộp	Số giấy nộp tiền	Số tiền	Loại tiền	Trạng thái	Số chứng từ	Ngày lập GNT	Ngày gửi GNT	Ngày nộp thuế	Nộp DS chi tiết số tiền thuế TNCN đã nộp thay cho từng cá nhân
			7,200,000	VND	Nộp thuế thành công	6698829			06/08/2025 00:00:00	
Tổng tiền			7,200,000	VND						
			0.00	USD						

Phụ lục 18. Giao diện chứng từ khóa sổ



Phụ lục 19. Giao diện kết chuyển số dư các tài khoản



Phụ lục 20. Báo cáo tình hình tài chính năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Mẫu số: **B01a - DNN**
(Ban hành theo
Thông tư số
133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của
Bộ Tài chính)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ
BÁCH HOÁ

[02] Mã số thuế: 0402145647

[03] Địa chỉ: K10-H11/14

Phạm Văn Nghị

[04]

Quận/Huyện:

[05] Tỉnh/Thành phố: Thành

phố Đà Nẵng

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán: ☐

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tiền: đồng VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.900.700.003	1.538.324.283
II. Đầu tư tài chính	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123		0	0
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124		0	0
III. Các khoản phải thu	130		12.699.965.591	616.912.216
1. Phải thu của khách hàng	131		12.278.965.591	616.912.216
2. Trả trước cho người bán	132		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133		0	0
4. Phải thu khác	134		421.000.000	0
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135		0	0
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		1.567.542.666	574.334.265
1. Hàng tồn kho	141		1.567.542.666	574.334.265
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		0	0
V. Tài sản cố định	150		0	0
- Nguyên giá	151		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	152		0	0
VI. Bất động sản đầu tư	160		0	0
- Nguyên giá	161		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162		0	0

VII. XDCB dở dang	170		0	0
VIII. Tài sản khác	180		1.179.228	31.560.579
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		1.179.228	30.740.921
2. Tài sản khác	182		0	819.658
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180)	200		16.169.387.488	2.761.131.343
NGUỒN VỐN				
I. Nợ phải trả	300		13.971.876.333	845.133.344
1. Phải trả người bán	311		3.080.229.447	380.133.344
2. Người mua trả tiền trước	312		0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		34.309.514	0
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Phải trả khác	315		0	0
6. Vay và nợ thuê tài chính	316		10.857.337.372	465.000.000
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317		0	0
8. Dự phòng phải trả	318		0	0
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		0	0
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320		0	0
II. Vốn chủ sở hữu	400		2.197.511.155	1.915.997.999
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.030.000.000	2.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		0	0
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		0	0
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		167.511.155	(84.002.001)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400)	500		16.169.387.488	2.761.131.343

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 20 tháng 04 năm 2026
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Lê Thị Hoa



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HÓA WINDOWS.**

Phụ lục 21. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

PHỤ LỤC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: **B02 - DNN**
(Ban hành theo
Thông tư số
133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ
BÁCH HOÀ

[03] Mã số thuế: 0402145647

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		29.227.799.216	9.540.673.621
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		29.227.799.216	9.540.673.621
4. Giá vốn hàng bán	11		28.168.774.381	9.096.422.920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.059.024.835	444.250.701
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		27.102	16.336
7. Chi phí tài chính	22		52.047.953	35.603.172
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		721.181.314	1.566.589.289
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		285.822.670	(1.157.925.424)
10. Thu nhập khác	31		0	1.300.000.000
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	1.300.000.000
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		285.822.670	142.074.576
14. Chi phí thuế TNDN	51		34.309.514	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		251.513.156	142.074.576

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 20 tháng 04 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Lê Thị Hoa



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HÓA WINDOWS.

Phụ lục 22. Tờ khai thuế GTGT quý 3/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (MẪU SỐ 01/GTGT)

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp
khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh)

[01a] Tên hoạt động sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh thông
thường

[01b] Kỳ tính thuế: Quý 3 năm 2025

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÁ

[05] Mã số thuế: 0402145647

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tính nơi đóng
trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tính nơi đóng trụ sở chính:

[11a] Xã/phường/đặc khu:

[11b] Quận/Huyện:

[11c] Tỉnh/Thành phố:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)		Thuế giá trị gia tăng		
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	[]			
B	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang			[22]	82.589.909	
C	Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước					
I	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ					
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23]	1.798.589.366	[24]	154.656.736	
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[23a]	0	[24a]	0	
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này			[25]	154.656.736	
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ					
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng	[26]	0			
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+ [33])	[27]	1.725.127.557	[28]	140.088.324	
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	0			
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	0	[31]	0	
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	1.725.127.557	[33]	140.088.324	
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a]	0			
3	Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ([34]=[26]+[27]; [35]=[28])	[34]	1.725.127.557	[35]	140.088.324	

III	Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ ([36]=[35]-[25])	[36]	(14.568.412)
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh giảm	[37]	0
2	Điều chỉnh tăng	[38]	532.000
V	Thuế giá trị gia tăng nhận bàn giao được khấu trừ trong kỳ	[39a]	0
VI	Xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ {[40a]=([36]-[22])+[37]-[38]-[39a]} ≥ 0}	[40a]	0
2	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế ([40b]≤[40a])	[40b]	0
3	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])	[40]	0
4	Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này {[41]=([36]-[22])+[37]-[38]-[39a]} ≤ 0}	[41]	97.690.321
4.1	Thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn ([42] ≤ [41])	[42]	0
4.2	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])	[43]	97.690.321

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ
THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 08 tháng 10 năm 2025

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu (nếu có)

LÊ THỊ HOA



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HÓA WINDOWS.

Phụ lục 23. Bảng tổng hợp xuất nhập tồn kho năm 2025

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÀ

Địa chỉ : K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402145647

Mẫu số S08-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỐ TỔNG HỢP NHẬP XUẤT TỒN KHO

Tài khoản : (1521,156,1561,155,002,152,153)

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Mã hiệu	Tên VTHH	Đơn vị tính	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối		Đơn giá
			S.Lượng	G.Trị	S.Lượng	G.Trị	S.Lượng	G.Trị	S.Lượng	G.Trị	
HH00651	Công tắc từ (Rơ le điện từ) MC 65a - 65A	cái			40,000	42.054.800	35,000	36.681.945	5,000	5.372.855	1.074.571
HH00652	Cầu dao tếp 3P 32A	Cái			57,000	15.421.666		57,000	15.421.666		
HH00653	Lion - Dây, cáp điện CV 10 - 0.6/1kV	Mét			2.200,000	60.866.109	2.175,000	60.156.659	25,000	709.450	28.378
HH00654	DPC - Dây, cáp điện CAP 6.0	Mét			2.200,000	29.249.541	2.200,000	29.249.541			
HH00655	DPC - Dây, cáp điện CAP 1.5	Mét			18.100,000	64.170.729	12.792,000	45.151.661	5.308,000	19.019.068	3.583
HH00656	DPC - Dây, cáp điện CAP 2.5	Mét			24.800,000	163.651.933	24.300,000	160.292.297	500,000	3.359.636	6.719
HH00657	DPC - Dây, cáp điện CAP 4.0	Mét			7.500,000	78.835.315	7.400,000	77.741.577	100,000	1.093.738	10.937
HH00715	LDTCH40DG2A? Bông đèn E27 40W, New T. 6500K	Cái			10,000	1.045.455	10,000	1.045.455			
HH00716	DPC - Dây, cáp điện ĐÔI 2 x 24T	Mét			9.300,000	35.836.200	8.480,000	32.590.557	820,000	3.245.643	3.958
HH00717	Cầu dao tếp 1P 63A 06KA	Cái			5,000	611.267	5,000	611.267			
HH00718	Phi Công chứng hợp đồng thế chấp	lần			1,000	6.669.091			1,000	6.669.091	6.669.091
HH00719	Đề nối CK157RH	Cái			160,000	678.880	160,000	678.880			
HH00720	Bộ ngắt mạch an toàn 30A	Cái			43,000	2.434.950	21,000	1.189.162	22,000	1.245.788	56.627
HH00953	Tay nắm ATL -2545	Chiếc			4,000	840.000			4,000	840.000	210.000
HH00954	Xtraseal Keo silicone SN-501	Chai			560,000	18.072.880	560,000	18.072.880			
HH00956	Ông tròn cứng SP9020	cây			350,000	5.097.995	203,000	3.047.302	147,000	2.050.693	13.950
HH00957	Ông tròn cứng SP9025	cây			660,000	13.795.720	636,000	13.293.040	24,000	502.680	20.945
HH00958	Hộp chứa 18 ắc EM18PL	Cái			4,000	1.263.890	1,000	316.204	3,000	947.686	315.895
HH00963	Công tắc 2 chiều S18CCM/S	Cái			40,000	778.120			40,000	778.120	19.453
HH00964	Ố cam 2 châu S18CCU	Cái			800,000	13.900.800	200,000	3.475.200	600,000	10.425.600	17.376
HH01115	Bình nước nóng Ariston VITALY 15L	Bình			5,000	7.685.185			5,000	7.685.185	1.537.037
HH01116	Bình nước nóng Rossi Rubis RRS 15SQ	Cái			3,000	4.101.852			3,000	4.101.852	1.367.284
HH01117	WEV5001H- Công tắc B loại nhỏ màu xám	cái			20,000	437.500			20,000	437.500	21.875
HH01118	Bộ đèn LED M26 1200/50W 6500K	Cái			12,000	1.548.000			12,000	1.548.000	129.000
YDUDTB	Y đều uPVC D60 T9 bar	Cái			20,000	313.800			20,000	313.800	15.690
TỔNG CỘNG			8.593,158	574.334.265	1.040.352,928	25.577.582.782	856.540,145	24.584.374.381	192.405,941	1.567.542.666	

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LÊ THỊ HOA

Phụ lục 24. Sổ chi tiết VTHH – Đế nổi CK157RH

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÀ													
K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam													
Mã số thuế : 0402145647													
Mẫu số S06-DNN													
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC													
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính													
SỐ CHI TIẾT VTHH (THẺ KHO)													
Tài khoản : 1561 - Hàng hoá													
Mã VTHH : HH00719 - Đế nổi CK157RH - ĐVT : Cái													
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25													
LOẠI TIỀN : VND													
Chứng từ			Diễn giải	Tài khoản		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ		Đơn giá	
Loại	Số	Ngày		Nợ	Có	S.lượng	Giá trị	S.lượng	Giá trị	S.lượng	Giá trị		
			Sổ dư đầu kỳ										
			Nhập kho HD số: 588 Ngày: 31/03/2025 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI										
PNK	588	31/03/25	KHANG K.T.Q		1561	1111	160,000	678.880			160,000	678.880	4.243
PXK	17	13/05/25	Xuất kho theo HD số : 17.13/05/25		632	1561			10,000	42.430	150,000	636.450	4.243
PXK	23	17/05/25	Xuất kho theo HD số : 23.17/05/25		632	1561			10,000	42.430	140,000	594.020	4.243
PXK	53	23/06/25	Xuất kho theo HD số : 53.23/06/25		632	1561			10,000	42.430	130,000	551.590	4.243
PXK	59	28/06/25	Xuất kho theo HD số : 59.28/06/25		632	1561			20,000	84.860	110,000	466.730	4.243
PXK	60	28/06/25	Xuất kho theo HD số : 60.28/06/25		632	1561			20,000	84.860	90,000	381.870	4.243
PXK	70	11/07/25	Xuất kho theo HD số : 70.11/07/25		632	1561			12,000	50.916	78,000	330.954	4.243
PXK	72	11/07/25	Xuất kho theo HD số : 72.11/07/25		632	1561			12,000	50.916	66,000	280.038	4.243
PXK	73	12/07/25	Xuất kho theo HD số : 73.12/07/25		632	1561			9,000	38.187	57,000	241.851	4.243
PXK	74	25/07/25	Xuất kho theo HD số : 74.25/07/25		632	1561			4,000	16.972	53,000	224.879	4.243
PXK	75	25/07/25	Xuất kho theo HD số : 75.25/07/25		632	1561			10,000	42.430	43,000	182.449	4.243
PXK	76	25/07/25	Xuất kho theo HD số : 76.25/07/25		632	1561			2,000	8.486	41,000	173.963	4.243
PXK	83	06/08/25	Xuất kho theo HD số : 83.06/08/25		632	1561			15,000	63.645	26,000	110.318	4.243
PXK	84	06/08/25	Xuất kho theo HD số : 84.06/08/25		632	1561			3,000	12.729	23,000	97.589	4.243
PXK	92	09/08/25	Xuất kho theo HD số : 92.09/08/25		632	1561			6,000	25.458	17,000	72.131	4.243
PXK	94	09/08/25	Xuất kho theo HD số : 94.09/08/25		632	1561			14,000	59.402	3,000	12.729	4.243
PXK	212	25/11/25	Xuất kho theo HD số : 212.25/11/25		632	1561			3,000	12.729			4.243
					CỘNG PHÁT SINH				160,000	678.880	160,000	678.880	
Ngày 31 tháng 12 năm 2025													
Người lập				Kế toán trưởng				Giám đốc					
								LÊ THỊ HOA					

Phụ lục 25. Trích sổ chi tiết TK 6422

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HOÀ
K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0402145647

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu : 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
09/01/25	4/01	09/01/25	Phí ngân hàng	1121_EX	550.500	
...	...	...	...	...	...	...
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		53.540.517
...	...	...	...	...	...	...
14/02/25	PC.898	14/02/25	Nhập kho Giấy IK Copy A4/70 HB số: 898	1111	310.000	
14/02/25	PC.898	14/02/25	Nhập kho Giấy Blue A4/70 HB số: 898	1111	285.000	
14/02/25	PC.898	14/02/25	Nhập kho Bút bi TL-093 xanh hộp 20 HB số: 898	1111	100.000	
14/02/25	PC.898	14/02/25	Thuế GTGT mua vào HB số :898,14/02/25	1111	55.600	
...	...	...	...	...	...	...
28/02/25	KC.06	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		55.918.021
...	...	...	...	...	...	...
30/04/25	CPCPB.001/4	30/04/25	Hạch toán CP CPB : Chứng thư số gói ONECA4Y Tháng 4	242	27.349	
30/04/25	CPCPB.002/4	30/04/25	Hạch toán CP CPB : Phần mềm token manager ONECA4Y Tháng 4	242	136.583	
...	...	...	...	...	...	...
31/05/25	PKT.000002/01	31/05/25	Hạch toán lương tháng 5	334	51.500.000	
...	...	...	...	...	...	...
25/06/25	CTNH.000987/01	25/06/25	Phí giao dịch	1121_SCB	24.504	
...	...	...	...	...	...	...
01/07/25	CTNH.34687	01/07/25	Phí dịch vụ ngân hàng HB số: 34687	1121_EX	55.520	
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	KC.06	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		61.146.014
...	...	...	...	...	...	...
01/12/25	CTNH.58880	01/12/25	Phí dịch vụ ngân hàng HB số: 58880	1121_EX	61.600	
...	...	...	...	...	...	...
12/12/25	PC.87	12/12/25	Dịch vụ hỗ trợ thay đổi giấy phép Ngày: 12/12/2025	1111	2.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
30/12/25	CTNH.241607	30/12/25	PHI T11/2025-0788090979-GOI EBASIC HB số: 241607	1121_SCB	89.000	
31/12/25	PKT.000002/01	31/12/25	Hạch toán lương tháng 12	334	51.500.000	
			Cộng phát sinh		721.181.314	721.181.314
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

LÊ THỊ HOA

Phụ lục 26. Bảng lương – thanh toán lương tháng 5/2025

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HÒA WINDOWS

Mã số thuế : 0402145647

BẢNG TÍNH LƯƠNG

Tháng 05 năm 2025

STT	Họ và tên	CCCD	Chức vụ	Lương Cơ bản	Phụ cấp, thưởng hỗ trợ			Tổng Thu Nhập	Thực lĩnh	
					Ăn trưa	Điện thoại	Đồng phục		Số tiền	Ký nhận
A	B		C	1	4	5	6	9=3+8	14	15
Bộ phận văn phòng										
1	Phạm Thị Như Ý	045300000213	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
2	Dương Thị Mỹ Duyên	066194022716	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
3	Trương Quốc Đạt	036094008878	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
4	Trần Đăng Nghĩa	052082004563	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
5	Nguyễn Chí Lý	066088002229	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
Bộ phận nhân công công trình										
1	A Nat	062095007330	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
2	Nguyễn Mạnh Hoàng	064201016626	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
3	Trần Văn Đồng	062076002842	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
4	Nguyễn Hữu Vinh	068085003268	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
5	A Tân	062206000376	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
6	Lê Bá Đù	051085009612	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
7	Nguyễn Thanh Danh	062088001540	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
8	Nguyễn Văn Hiếu	049096009393	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
9	Nguyễn Văn Võ Cầu	054201003242	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
10	Nguyễn Ngọc Duy Tâm	046205003882	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
11	Ngô Văn Uy	046202005078	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
12	Hồ Văn Nam	048098001191	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
13	Trần Phước Cường	048085000434	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
14	Lê Bá Hồng	051067019626	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
15	Dương Tấn Phi Khanh	051092010878	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
16	Phạm Hồng Vĩnh Lộc	048078002751	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
17	Ngô Long	046203012613	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
18	Bùi Xuân Ngọc	046202005022	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
19	A Khang	062082000383	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
20	Y Hành	062180000353	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
21	Y Khoai	062307003492	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
22	Y Hoa	062307001841	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
23	Y Hải	062170000223	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
24	A Lát	062070000267	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
25	Trần Văn Tấn	066201003693	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
26	Đình Phong Diệu	062208001858	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
27	Hồ Văn Biên	051087005591	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
28	Nguyễn Vũ Tùng Lâm	066098003949	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
29	A Hiền	062208003797	Nhân viên	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	10.300.000	123.600.000
Tổng				306.000.000	23.800.000	6.800.000	13.600.000	350.200.000	350.200.000	4.202.400.000
Đà Nẵng, ngày 31 tháng 5 năm 2025										
Giám đốc										
(Ký và đóng dấu)										

Phụ lục 27. Đề xuất Bảng lương – thanh toán lương tháng 5/2025

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ BÁCH HÓA

MST: 0402145647

Địa chỉ: K10-H11/14 Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢNG TÍNH - THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG																				
Tháng 05 năm 2025																				
STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương Chính	Phụ cấp			Tổng Thu Nhập	Ngày công	Tổng Lương Thực Tế	Lương đóng BH	Trích vào Chi phí Doanh nghiệp				Trích vào Lương nhân viên				Thực lĩnh	
				Ăn trưa	Điện thoại	Đồng phục					BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng 21,5%	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng 10,5%		
		1	2	4	5			8	9	10	11	12	13	14	16	17	18	19	20	23
A	Bộ phận Quản lý		45.000.000	3.500.000	1.000.000	2.000.000	51.500.000	135	51.500.000	22.500.000	3.937.500	675.000	225.000	4.837.500	1.800.000	337.500	225.000	2.362.500	49.137.500	
1	Phạm Thị Như Ý	KTT	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
2	Dương Thị Mỹ Duyên	KTV	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
3	Trương Quốc Đạt	Thủ kho	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
4	Trần Đăng Nghĩa	Kỹ thuật	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
5	Nguyễn Chí Lý	NVBH	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
B	Bộ phận bán hàng		261.000.000	20.300.000	5.800.000	11.600.000	298.700.000	783	298.700.000	130.500.000	22.837.500	3.915.000	1.305.000	28.057.500	10.440.000	1.957.500	1.305.000	13.702.500	284.997.500	
1	A Nat	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
2	Nguyễn Mạnh Hoàng	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
3	Trần Văn Đông	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
4	Nguyễn Hữu Vinh	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
5	A Tân	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
6	Lê Bá Đủ	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
7	Nguyễn Thanh Danh	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
8	Nguyễn Văn Hiếu	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
9	Nguyễn Văn Vồ Cầu	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
10	Nguyễn Ngọc Duy Tâm	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
11	Ngô Văn Uy	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
12	Hồ Văn Nam	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
13	Trần Phước Cường	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
14	Lê Bá Hồng	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
15	Dương Tấn Phi Khanh	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
16	Phạm Hồng Vĩnh Lộc	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
17	Ngô Long	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
18	Bùi Xuân Ngọc	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
19	A Khang	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
20	Y Hánh	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
21	Y Khoai	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
22	Y Hoa	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
23	Y Hai	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
24	A Lát	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
25	Trần Văn Tấn	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
26	Đinh Phong Diệu	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
27	Hồ Văn Biên	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
28	Nguyễn Vũ Tùng Lâm	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
29	A Hiền	NC	9.000.000	700.000	200.000	400.000	10.300.000	27	10.300.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	9.827.500	
	Tổng A + B		306.000.000	23.800.000	6.800.000	13.600.000	350.200.000	918	350.200.000	153.000.000	26.775.000	4.590.000	1.530.000	32.895.000	12.240.000	2.295.000	1.530.000	16.065.000	334.135.000	
Đà Nẵng, ngày 31 tháng 5 năm 2025																				
Giám đốc																				
(Ký và đóng dấu)																				